|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**  **----------🙞o0o🙜----------** | |
|  |  | |

**ĐỀ ÁN**

**THÍ ĐIỂM XÂY DỰNG TỈNH HÀ TĨNH ĐẠT CHUẨN**

**NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(*Kèm theo Tờ trình số ................../ TTr-UBND ngày tháng năm 2020*

*của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

|  |
| --- |
|  |

**HÀ TĨNH - 6. 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

**----------🙞o0o🙜----------**

**ĐỀ ÁN**

**THÍ ĐIỂM XÂY DỰNG TỈNH HÀ TĨNH ĐẠT CHUẨN**

**NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**

**MỤC LỤC**

[PHẦN 1. MỞ ĐẦU 1](#_Toc42692715)

[I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN 1](#_Toc42692716)

[II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN 2](#_Toc42692717)

[PHẦN 2. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI KHU VỰC NÔNG THÔN HÀ TĨNH GIAI ĐOẠN 2011 – 2020 3](#_Toc42692718)

[I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ ĐẶC ĐIỂM VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI 4](#_Toc42692719)

[1. Điều kiện tự nhiên 4](#_Toc42692720)

[2. Đặc điểm về kinh tế 5](#_Toc42692721)

[3. Đặc điểm về xã hội 5](#_Toc42692722)

[II. THỰC TRẠNG VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN 7](#_Toc42692723)

[1. Phát triển kinh tế 7](#_Toc42692724)

[1.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 7](#_Toc42692725)

[1.2. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn 10](#_Toc42692726)

[1.3. Đào tạo nghề và lao động nông thôn 12](#_Toc42692727)

[2. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn 12](#_Toc42692728)

[2.1. Về quy hoạch và đô thị 12](#_Toc42692729)

[2.2. Hạ tầng giao thông 13](#_Toc42692730)

[2.3. Hệ thống thủy lợi và khả năng thích ứng biến đổi khí hậu 14](#_Toc42692731)

[2.4. Hệ thống Điện: 15](#_Toc42692732)

[2.5. Hệ thống hạ tầng thông tin, truyền thông: 16](#_Toc42692733)

[2.6. Hạ tầng về Giáo dục, Y tế và Văn hóa: 16](#_Toc42692734)

[3. Chất lượng y tế, văn hóa và giáo dục nông thôn 18](#_Toc42692735)

[4. Môi trường và cảnh quan nông thôn 19](#_Toc42692736)

[5. Hệ thống chính trị 21](#_Toc42692737)

[6. An ninh, trật tự nông thôn 22](#_Toc42692738)

[III. KẾT QUẢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CÁC CẤP 22](#_Toc42692739)

[1. Đánh giá về công tác tổ chức, chỉ đạo và điều hành 22](#_Toc42692740)

[2. Đánh giá kết quả và các giải pháp huy động nguồn lực 25](#_Toc42692741)

[3. Kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020 các cấp 26](#_Toc42692742)

[3.1. Kết quả thực hiện các mục tiêu, kế hoạch chung 26](#_Toc42692743)

[3.2. Kết quả về xây dựng NTM cấp xã 27](#_Toc42692744)

[3.3. Kết quả về xây dựng NTM cấp huyện 28](#_Toc42692745)

[4. Sự hài lòng của người dân khu vực nông thôn trong xây dựng NTM 29](#_Toc42692746)

[IV. THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ TRONG XÂY DỰNG NTM 31](#_Toc42692747)

[1. Thành tựu nổi bật và nguyên nhân 31](#_Toc42692748)

[1.1. Thành tựu nổi bật 31](#_Toc42692749)

[1.2. Nguyên nhân của thành tựu 32](#_Toc42692750)

[2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân 33](#_Toc42692751)

[2.1. Tồn tại, hạn chế 33](#_Toc42692752)

[2.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế 34](#_Toc42692757)

[3. Bài học kinh nghiệm 34](#_Toc42692758)

[PHẦN 3. QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG TỈNH HÀ TĨNH ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI 36](#_Toc42692759)

[II. QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHUNG 36](#_Toc42692760)

[III. ĐIỀU KIỆN VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỤ THỂ 37](#_Toc42692761)

[1. Điều kiện để tỉnh đạt chuẩn NTM 37](#_Toc42692762)

[2. Định hướng bộ tiêu chí tỉnh NTM 38](#_Toc42692763)

[PHẦN 4. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG TỈNH HÀ TĨNH ĐẠT CHUẨN NTM ĐẾN NĂM 2025 46](#_Toc42692764)

[I. MỤC TIÊU 46](#_Toc42692765)

[1. Mục tiêu chung 46](#_Toc42692766)

[2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 46](#_Toc42692767)

[II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN 47](#_Toc42692768)

[1. Phạm vi 47](#_Toc42692769)

[2. Đối tượng triển khai Đề án 47](#_Toc42692770)

[III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 47](#_Toc42692771)

[1. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng xây dựng NTM cấp xã, huyện đi vào chiều sâu và bền vững 47](#_Toc42692772)

[1.1. Tập trung đầu tư, hoàn thiện hệ thống hạ tầng cơ sở thiết yếu để hoàn thành xây dựng NTM các xã ở vùng khó khăn, miền núi và ven biển 47](#_Toc42692773)

[1.2. Nâng cao chất lượng xây dựng NTM ở các xã đã đạt chuẩn, đảm bảo đi vào chiều sâu và bền vững 48](#_Toc42692774)

[1.3. Đẩy mạnh xây dựng và hoàn thành các tiêu chí NTM cấp huyện 49](#_Toc42692775)

[1.4. Nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM cấp huyện theo hướng bền vững 50](#_Toc42692776)

[2. Xây dựng NTM cấp tỉnh kết nối đô thị, nâng cao chất lượng bảo vệ môi trường và cảnh quan nông thôn 51](#_Toc42692777)

[2.1. Đầu tư, nâng cấp để hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cấp tỉnh, đảm bảo kết nối và thích ứng với biến đổi khí hậu 52](#_Toc42692778)

[2.2. Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại, hội nhập và bền vững, góp phần nâng cao thu nhập của người dân nông thôn 53](#_Toc42692779)

[2.3. Nâng cao chất lượng y tế, giáo dục và tăng cường đời sống văn hóa của người dân nông thôn 55](#_Toc42692780)

[2.4. Bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn, hình thành các vùng quê “Trù phú – An lành” 56](#_Toc42692781)

[2.5. Nâng cao chất lượng môi trường cạnh tranh, dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp 58](#_Toc42692782)

[2.6. Đảm bảo an ninh, trật tự khu vực nông thôn 59](#_Toc42692783)

[2.7. Nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, điều hành xây dựng NTM 59](#_Toc42692784)

[3. Cải thiện, nâng cao nhanh đời sống vật chất, tinh thần cho người dân nông thôn, xây dựng nông thôn khá giả, giàu có 59](#_Toc42692785)

[IV. NHU CẦU NGUỒN LỰC TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN 60](#_Toc42692786)

[1. Dự kiến nguồn vốn và cơ cấu vốn thực hiện đề án 60](#_Toc42692787)

[2. Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư từ Ngân sách Nhà nước: 60](#_Toc42692788)

[V. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN 61](#_Toc42692789)

[VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN 62](#_Toc42692790)

[1. Giải pháp về quy hoạch và tổ chức triển khai quy hoạch 62](#_Toc42692791)

[2. Giải pháp về tuyên truyền, vận động 63](#_Toc42692792)

[3. Giải pháp về cơ chế, chính sách 63](#_Toc42692793)

[4. Giải pháp về khoa học và công nghệ 64](#_Toc42692794)

[5. Giải pháp về nông thôn kết nối đô thị và phát triển công nghiệp gắn với nông nghiệp, dịch vụ 65](#_Toc42692795)

[6. Giải pháp về huy động và sử dụng nguồn lực 65](#_Toc42692796)

[7. Giải pháp tổ chức bộ máy và giám sát 67](#_Toc42692797)

[VII. TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC TRIỂN KHAI 67](#_Toc42692798)

[1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 67](#_Toc42692799)

[2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư 68](#_Toc42692800)

[4. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội 69](#_Toc42692801)

[5. Bộ Giao thông vận tải 69](#_Toc42692802)

[6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 69](#_Toc42692803)

[7. Bộ Tài Nguyên và Môi trường 69](#_Toc42692804)

[8. Bộ Thông tin và Truyền thông 70](#_Toc42692805)

[9. Bộ Công Thương 70](#_Toc42692806)

[10. Bộ Giáo dục và Đào tạo 70](#_Toc42692807)

[11. Bộ Khoa học và Công nghệ 70](#_Toc42692808)

[12. Bộ Y tế 70](#_Toc42692809)

[13. Ủy ban dân tộc 71](#_Toc42692810)

[14. UBND tỉnh Hà Tĩnh 71](#_Toc42692811)

[15. Trách nhiệm của Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh 71](#_Toc42692812)

[PHẦN 5. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT 71](#_Toc42692813)

# PHẦN 1. MỞ ĐẦU

## I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Chương trình hành động của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2010-2020. Sau 10 năm triển khai, với sự chỉ đạo quyết liệt, sự vào cuộc mạnh mẽ của hệ thống chính trị các cấp và sự tham gia tích cực của cộng đồng dân cư nông thôn, Chương trình MTQG xây dựng NTM đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, trở thành một phong trào sôi nổi, có sức lan tỏa rộng khắp trên phạm vi cả nước. Thu nhập và đời sống của người dân nông thôn ngày càng được nâng cao, diện mạo nông thôn khởi sắc, hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước được nâng cấp, kinh tế có sự chuyển biến tích cực, nhiều mô hình sản xuất mới đem lại thu nhập cao, môi trường được cải thiện, hệ thống chính trị cơ sở được củng cố...Đến tháng 5/2020, cả nước đã có 5.177 xã (58,2%) được công nhận đạt chuẩn NTM, bình quân cả nước đạt 16,2 tiêu chí/xã (hoàn thành vượt mục tiêu 05 năm 2016-2020 được Quốc hội giao). Bên cạnh những kết quả đạt được, xây dựng NTM cả nước còn bộc lộ một số hạn chế, như: Kết quả xây dựng NTM một số vùng còn thấp, vẫn còn khoảng cách giữa các vùng, miền; chất lượng đạt chuẩn và công tác duy trì bền vững kết quả của một số xã sau đạt chuẩn còn gặp khó khăn; cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn ở một số địa phương chưa được quan tâm và chưa bền vững; môi trường nông thôn chưa thực sự chuyển biến rõ nét, vẫn là vấn đề bức xúc ở nhiều địa phương; nhiều giá trị văn hóa truyền thống ở một số địa phương đang dần bị mai một; vai trò chủ thể của người dân, cộng đồng dân cư nông thôn chưa thực sự được phát huy, sự gắn kết giữa các vùng miền, địa phương các cấp còn hạn chế, chiều sâu chưa rõ nét, một số địa phương sớm thỏa mãn với kết quả đạt được, có sự chững lại; đã xuất hiện khá rõ sự “tụt hậu” so với yêu cầu mới và sự phát triển nhanh của các đô thị; đối với các địa phương sau khi đạt chuẩn xong nếu chững lại, nhất là không xây dựng Khu dân cư NTM kiểu mẫu thì nguy cơ cao trở về “nông thôn cũ”;

Đối với tỉnh Hà Tĩnh, mặc dù xuất phát điểm thấp, nhiều khó khăn thách thức nhưng với sự nỗ lực, quyết tâm cao của toàn Đảng bộ, chính quyền và nhân dân, Hà Tĩnh đã đạt được nhiều thành quả quan trọng, trở thành một trong những tỉnh tiêu biểu, đi đầu trong phong trào xây dựng NTM cả nước giai đoạn 2011 - 2020, với nhiều cách làm hay, sáng tạo, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh trong nhiều năm qua. Đến nay, toàn tỉnh có 155 xã đạt chuẩn NTM, chiếm 85% tổng số xã; 06 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Mặc dù vậy, soát xét lại tổng thể thấy rằng cho dù có 100% xã đạt chuẩn, 100% huyện đạt chuẩn thì vẫn còn những vấn đề đặt ra như: sự liên kết, kết nối (hạ tầng, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường) giữa các vùng miền, địa phương với nhau (cấp huyện với cấp huyện, cấp huyện với tỉnh) còn hạn chế; sự gắn kết giữa nông thôn mới với phát triển đô thị văn minh chưa rõ; công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn kết quả đạt được còn thấp; ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ còn chậm; chưa có nhiều doanh nghiệp, nhà máy lớn làm đầu kéo nhất là vấn đề chế biến sâu sản phẩm nông, lâm, thủy sản, vấn đề liên kết chuỗi giá trị còn hạn chế; du lịch, dịch vụ chậm phát triển; chưa phát huy cao và khai thác các giá trị văn hóa có tiềm năng lớn của địa phương; vấn đề môi trường vẫn còn nhiều bất cập, nguy cơ ô nhiễm còn cao; thu nhập của người dân nông thôn chưa bằng bình quân chung của cả nước; ứng phó, thích ứng với biến đổi khí hậu còn là thách thức lớn...

Bước sang giai đoạn 2021-2025, để hiện thực hóa chủ trương “xây dựng NTM là một quá trình thường xuyên, liên tục, lâu dài, có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc” và xây dựng NTM phải toàn diện, đi vào chiều sâu, bền vững. “Hà Tĩnh đã có đà trong thực hiện Nghị quyết nông nghiêp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới, đà tốt cần phải sớm làm nổi bật lên”[[1]](#footnote-1).

Với phương châm phát huy cao sự chủ động của người dân, dân chủ, đoàn kết, thống nhất trong toàn đảng, toàn dân và phát huy ý chí, khát vọng, sức mạnh, cốt cách con người Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh đặt mục tiêu trở thành một trong những cực phát triển của vùng Bắc Trung Bộ, có công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ phát triển; xây dựng NTM gắn với phát triển đô thị; nông nghiệp, nông thôn và nông thôn mới có chiều sâu, bền vững là nền tảng vững chắc cho phát triển và thúc đẩy sự phát triển của công nghiệp, thương mại, dịch vụ và ổn định an ninh, chính trị; xây dựng nông thôn giàu bản sắc văn hóa, con người Hà Tĩnh văn minh, thân thiện, trở thành nền tảng và động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; mục tiêu là cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, hạnh phúc của người dân là tối thượng. Xây dựng tỉnh nông thôn để khắc phục những tồn tại, hạn chế và bổ sung những vấn đề mà ở cấp xã và cấp huyện chưa đáp ứng, nhất là tạo ra sự phát triển đồng đều giữa các địa phương, đảm bảo sự liên kết, kết nối đồng bộ giữa các vùng, miền; tạo sự phát triển liên tục, không ngừng, tạo nền tảng, động lực mới cho sự phát triển toàn diện về kinh tế - xã hội….

Xây dựng thí điểm tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025 là phù hợp với thực tiễn, nền tảng, tiềm năng, lợi thế và đáp ứng nguyện vọng, khát vọng của người dân, đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của tỉnh, là cơ hội, động lực phấn đấu; xây dựng tỉnh Hà Tĩnh trở thành tỉnh điển hình trong xây dựng NTM; đồng thời, cũng là cơ sở để Trung ương tổng kết, đánh giá, xây dựng Bộ tiêu chí quốc gia về tỉnh đạt chuẩn NTM, áp dụng cho các tỉnh, thành trong cả nước tổ chức thực hiện.

## II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

* Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Hội nghị lần thứ 7, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;
* Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;
* Nghị quyết số 100/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIV, yêu cầu xây dựng và triển khai Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025;
* Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;
* Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2016 – 2020;
* Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh Quyết định 1600/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020;
* Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016 – 2020;
* Thông báo số 449/TB-VPCP ngày 30/12/2019 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020;
* Thông báo số 319/TB-VPCP ngày 9/9/2019 về kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình MTQG tại Hội nghị Tổng kết Chương trình MTQG xây dựng NTM vùng Đồng bằng Sông Hồng và Bắc Trung Bộ giai đoạn 2010-2020;
* Thông báo 92/TB-VPCP ngày 12/3/2020 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại buổi làm việc với tỉnh Hà Tĩnh;
* Thông báo số 681/Tb-BNN-VP ngày 22/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại buổi làm việc với tỉnh Hà Tĩnh;
* Một số văn bản của tỉnh về định hướng phát triển kinh tế - xã nội, xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

# PHẦN 2. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI KHU VỰC NÔNG THÔN HÀ TĨNH GIAI ĐOẠN 2011 – 2020

## I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ ĐẶC ĐIỂM VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI

## 1. Điều kiện tự nhiên

Hà Tĩnh thuộc vùng Bắc Trung bộ, trải dài từ 17°54’ đến 18°37’ vĩ Bắc và từ 106°30’ đến 105°07’ kinh Đông, Phía Bắc giáp tỉnh [Nghệ An](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ngh%E1%BB%87_An), phía Nam giáp tỉnh [Quảng Bình](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_B%C3%ACnh), phía Tây giáp [Lào](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%A0o), phía Đông giáp [Biển Đông](https://vi.wikipedia.org/wiki/Bi%E1%BB%83n_%C4%90%C3%B4ng), có diện tích 5.990km2, trong đó khu vực nông thôn khoảng 5.592 km2 (chiếm 93,4%); có 165 km đường biên giới giáp với hai tỉnh Bolykhămxay và Khăm Muộn (Lào); bờ biển dài 137km.

Với vị trí nằm ở trung tâm khu vực Bắc Trung bộ và cả nước, tỉnh là điểm đầu của tuyến du lịch “con đường di sản miền Trung” và là một trong những cửa ngõ quan trọng của hành lang Đông – Tây; nằm trên hai trục giao thông Bắc - Nam (con đường trọng yếu của Việt Nam, với QL.1 và đường Hồ Chí Minh) và trục giao thông nối Đông Bắc Thái Lan và Lào với biển Đông (QL.8A, QL.8B nối từ cảng Xuân Hải đến cửa khẩu Cầu Treo, và QL.12C từ cảng Vũng Áng đến cửa khẩu - kết nối Lào, Đông bắc Thái Lan); cùng với hệ thống đường quốc lộ, hệ thống đường đường sắt và đường thủy, giúp Hà Tĩnh kết nối với các trung tâm kinh tế lớn của cả nước, với nước Lào qua cửa khẩu quốc tế Cầu Treo (Hà Tĩnh).

Tỉnh Hà Tĩnh chạy dài theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, địa hình dốc nghiêng từ Tây sang Đông, có nhiều dạng địa hình chuyển tiếp, xen kẽ lẫn nhau, được chia thành 04 dạng địa hình cơ bản: (1) Vùng núi cao, thuộc phía Đông của dãy Trường Sơn; (2) Vùng trung du và bán sơn địa, chạy dọc phía Tây Nam đường Hồ Chí Minh; (3) Vùng đồng bằng, chạy dọc hai bên QL 1A theo chân núi Trà Sơn và dải ven biển; (4) Vùng ven biển, nằm phía Đông đường QL 1A, chạy dọc theo bờ biển. Cảnh quan đa dạng với cả núi, biển và 4 con sông lớn tạo ra nhiều cơ hội để phát triển toàn diện công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ.

Nhìn chung, về điều kiện tự nhiên, Hà Tĩnh có khí hậu tương đối khắc nghiệt, mùa hè nắng gắt và mùa đông mưa lớn, gây khó khăn trong việc phát triển nông nghiệp, du lịch biển. Địa hình đồi núi (chiếm tới 78,8% diện tích tự nhiên), phân hóa phức tạp và bị chia cắt mạnh, nên đất đai manh mún, không thuận lợi cho việc cơ giới hóa ngành nông nghiệp. Đất nghèo chất dinh dưỡng, tầng canh tác mỏng, đất chua (độ PH phần lớn <5,5) có đến 2/3 thuộc loại trung bình đến xấu, chỉ có khoảng 1/3 diện tích thuộc loại khá. Đất ở vùng ven biển phần lớn là đất pha cát nhiễm mặn, đất ở vùng đồi núi chủ yếu là đất Feralit vàng nâu, vàng xám, bị rửa trôi.

## 2. Đặc điểm về kinh tế

Tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 6,75%[[2]](#footnote-2), chất lượng từng bước được nâng lên, các ngành, lĩnh vực phát triển đúng định hướng. Quy mô nền kinh tế gấp 1,6 lần so với năm 2015; GRDP bình quân đầu người tăng từ 44 triệu đồng lên trên 70 triệu đồng, thu nhập bình quân đầu người tăng từ 23 triệu đồng lên 36 triệu đồng, bằng 0,65 mức bình quân của toàn quốc. So trong khu vực Bắc Trung bộ, Hà Tĩnh xếp hạng 3/6, hơn Nghệ An, Quảng Bình và Quảng Trị.

Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng khá, năm 2019 đạt 33,25 (cả nước 40,79 .triệu đồng); có 155/182 xã có thu nhập bình quân đầu người trên 33 triệu đồng/người.

Cơ cấu kinh tế của tỉnh Hà Tĩnh chuyển dịch theo tích cực, với tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm và tỷ trọng công nghiệp tăng. Chuyển dịch cơ cấu giữa 3 khu vực nông, lâm, thủy sản; công nghiệp - xây dựng và dịch vụ năm 2011 và 2019 tương ứng là: 30,6% - 23,0% - 46,4% và 12,2% - 45,5% - 42,3%... Cùng với đó, cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực theo hướng giảm tỷ lệ lao động nông, lâm thủy sản[[3]](#footnote-3) (năm 2015 là 55,5%, giảm còn 43% vào năm 2019), năng suất lao động bình quân tăng 11,1%/năm.

Đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh có nhiều tiến bộ, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; rút ngắn dần khoảng cách giữa các địa bàn trong tỉnh. Tỉnh Hà Tĩnh luôn xác định phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật là lĩnh vực ưu tiên hàng đầu và là lĩnh vực quan trọng phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh, kêu gọi đầu tư và phục vụ cuộc sống của người dân.

## 3. Đặc điểm về xã hội

Tỉnh Hà Tĩnh có 13 đơn vị hành chính cấp huyện (thành phố Hà Tĩnh; 02 thị xã: Hồng Lĩnh và Kỳ Anh; 10 huyện: Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Lộc Hà, Can Lộc, Nghi Xuân, Đức Thọ, Hương Sơn, Vũ Quang và Hương Khê); 216 đơn vị hành chính cấp xã (21 phường, 13 thị trấn, 182 xã).

Là tỉnh có nhiều thắng cảnh (núi, rừng, sông suối...), nhiều di tích lịch sử nổi tiếng (như các khu lưu niệm: Đại thi hào Nguyễn Du, cố Tổng Bí thư Trần Phú, Hà Huy Tập, Anh hùng Lý Tự Trọng; Khu di tích Hải Thượng Lãn Ông, Ngã Ba Đồng Lộc, Đền thờ Vua Mai Hắc Đế, đền thờ Chiêu trưng Đại Vương - Lê Khôi, đền Chợ Củi, đền thờ Chế thắng phu nhân Nguyễn Thị Bích Châu, thành Sơn phòng Hàm Nghi.) và nhiều bãi biển đẹp từ Nghi Xuân cho đến Kỳ Anh, như: Xuân Thành, Thạch Bằng, Thạch Hải, Thiên Cầm, Kỳ Xuân, Kỳ Ninh… Hệ thống di tích của Hà Tĩnh được tập trung nhiều ở một số huyện như: Hương Sơn, Đức Thọ, Nghi Xuân, Can Lộc cũng tạo điều kiện thuận lợi trong việc quy hoạch thành tuyến du lịch hệ thống di tích trên địa bàn. Bên cạnh đó, Hà Tĩnh còn có một kho tàng di sản văn hóa phi vật thể với nhiều loại hình văn nghệ dân gian đặc sắc (Dân ca ví, Giặm, Ca trù, hát Sắc bùa Kỳ Anh; Ví đò đưa Sông La; hát Giặm Thạch Hà, trò Kiều Tiên Điền, Mộc bản Trường học Phúc Giang, Hoàng hoa sứ trình đồ…), nhiều làng nổi tiếng về văn hóa, khoa bảng và làng nghề truyền thống.

Tổng dân số 1,288 triệu người, trong đó dân số sống khu vực nông thôn chiếm 80%, có 05 dân tộc sinh sống, tỷ lệ người Kinh chiếm gần 99%[[4]](#footnote-4), với các tôn giáo chính, gồm: Công giáo, Phật giáo và Tin lành. Dân số Hà Tĩnh có sự phân bố không đều, vùng có mật độ dân cư tập trung cao nhất là thành phố Hà Tĩnh; huyện Hương Sơn, Vũ Quang và Hương Khê là nơi có mật độ dân số thấp nhất tỉnh. Tỷ lệ dân số ở thành thị còn thấp, chiếm 20% tổng dân số toàn tỉnh (thấp hơn 14 điểm phần trăm so với trung bình chung của cả nước, cả nước 34%). Một bộ phận khá đông dân số đô thị vẫn còn sống dựa vào nông nghiệp.

Là tỉnh có dân số trẻ, lực lượng lao động phổ thông khá dồi dào và đang sẵn sàng tham gia làm việc cho các nhà máy mới xây dựng. Hà Tĩnh có khoảng 61,2% dân số trong độ tuổi từ 15 đến 65. Bên cạnh đó, người dân Hà Tĩnh có tố chất lao động cần cù và ham học hỏi. Số lao động được đào tạo chuyên môn của tỉnh cũng ngày một tăng và hiện tại tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo có bằng cấp đạt 25,4 % (cao hơn mức trung bình của cả nước (22,8 %). Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ trên địa bàn tỉnh là 98,5% (cao hơn 2,7 điểm phần trăm so với mức trung bình cả nước; cả nước là 95,8%). Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh, có hơn 50% lực lượng lao động vẫn đang làm việc trong các hoạt động kinh tế mang lại giá trị thấp và tỉnh vẫn chưa có giải pháp hiệu quả để chuyển dịch cơ cấu lao động từ ngành nông nghiệp sang ngành công nghiệp và dịch vụ. Bên cạnh đó, Hà Tĩnh vẫn đang đối mặt với vấn đề “chảy máu chất xám” do nhiều học sinh, sinh viên giỏi sau khi tốt nghiệp thường thử sức ở các thành phố, địa phương có điều kiện kinh tế phát triển hơn.

Công tác giảm nghèo bền vững được tỉnh đặc biệt quan tâm và đạt nhiều kết quả toàn diện trên các lĩnh vực: Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 23,91% năm 2011 (83.180 hộ) xuống còn 4,53% năm 2019 (58.346 hộ); dự kiến đến cuối năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh đạt dưới 3%; Các chính sách giảm nghèo tạo điều kiện cho các hộ nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản; ban hành các chính sách lồng ghép về giảm nghèo như: Hỗ trợ người lao động trên địa bàn đi xuất khẩu lao động; xây dựng mô hình phát triển chăn nuôi; hỗ trợ nhà ở cho người có thu nhập thấp; hỗ trợ cấp bù học phí, chi phí học tập và các khoản đóng góp cho học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ nghèo có sự chênh lệch lớn giữa các vùng miền, giữa miền núi và đồng bằng, giữa thành thị và nông thôn.

## II. THỰC TRẠNG VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

## 1. Phát triển kinh tế

### 1.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Chủ trương cơ cấu lại ngành nông nghiệp sớm được tỉnh quan tâm, quyết liệt triển khai thực hiện ngay khi bước vào thực hiện Chương trình[[5]](#footnote-5); năng lực, trình độ sản xuất được nâng lên, chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa. Hà Tĩnh đã tập trung chỉ đạo cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng *“Doanh nghiệp hóa sản phẩm, liên kết hóa sản xuất và xã hội hóa đầu tư”,* theo chuỗi liên kết *“vừa tập trung, vừa phân tán”,* ứng dụng tiến bộ kỷ thuật, công nghệ mới vào sản xuất thông qua doanh nghiệp,...

Tốc độ tăng trưởng nông lâm thủy sản bình quân giai đoạn 2010-2020 ước đạt trên 3,63%/năm, trong đó: Giai đoạn 2010-2015 đạt mức cao, trên 6,6%/năm; giai đoạn 2016-2020 trong điều kiện nông nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, thiệt hại lớn (do sự cố môi trường biển, thiên tai, dịch bệnh), nhưng vẫn giữ được ổn định, ước đạt 2,02%/năm. Cơ cấu sản xuất ngành, lĩnh vực và nhiều sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực có bước chuyển dịch theo hướng tích cực: Tăng nhanh tỷ trọng cơ cấu chăn nuôi trong nông nghiệp từ 34,5% (năm 2010) lên 52,8% (năm 2019), tỷ trọng cơ cấu GTSX các sản phẩm có lợi thế phát triển, giá trị gia tăng cao (như cam, bưởi Phúc Trạch, rau củ quả thực phẩm, chè xuất khẩu, chăn nuôi lợn, bò, hươu, nuôi tôm) từ 30,4% lên 46%; giảm tỷ trọng trồng trọt từ 59% xuống còn dưới 43%.

Trồng trọt: Chuyển đổi mạnh mẽ về cơ cấu mùa vụ, giống, sử dụng giống lúa ngắn ngày, chất lượng cao; trồng mới, chăm sóc, khai thác cây ăn quả có múi ổn định, bền vững đi đôi với bảo tồn nguồn gen các giống cam, bưởi đặc sản. Hình thành các vùng sản xuất tập trung các sản phẩm chủ lực như: cây ăn quả, chè công nghiệp ở khu vực miền núi, trung du; lúa, lạc và rau màu ở vùng đồng bằng và ven biển. Diện tích cam toàn tỉnh đạt 7.954 ha, bưởi Phúc Trạch đạt 3.300 ha với sản lượng cam, bưởi đạt trên 55.000 tấn (tăng hơn 2 lần so với năm 2015), hình thành vùng sản xuất chè tập trung, liên kết chế biến với trên 1.200 ha, sản lượng búp tươi đạt 11.600 tấn (tăng 2,8 lần). Sau gần 10 năm cơ cấu lại, giá trị sản xuất bình quân trên đơn vị diện tích tăng gấp 2 lần (từ 45 triệu đồng lên đạt 90 triệu đồng/ha), điển hình như một số vùng sản xuất thâm canh cây ăn quả (cam, bưởi) đạt hiệu quả cao (GTSX bình quân từ 400-600 triệu đồng/ha/năm, thu nhập từ 250-350 triệu đồng/ha/năm)[[6]](#footnote-6).

- Chăn nuôi: Phát triển theo hướng chăn nuôi công nghiệp, ứng dụng công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng (tỷ lệ lợn nái ngoại đạt gần 40%, tăng thêm 32%; tỷ lệ bò lai đạt 60%, tăng thêm 37%); tổng sản lượng thịt hơi các loại xuất chuồng ước đạt trên 117.000 tấn, tăng 95% so với năm 2010. Phát triển nhanh chăn nuôi trang trại (với hơn 200 cơ sở chăn nuôi quy mô lớn theo chuỗi liên kết, chiếm tỷ trọng 45% tổng đàn, năm 2010 mới đạt 12%), đóng góp khá quan trọng cho tăng trưởng nông nghiệp.

- Lâm nghiệp: Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, quy trình kỹ thuật thâm canh để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị rừng trồng, chuyển từ trồng rừng gỗ nhỏ sang rừng gỗ lớn; năng suất rừng trồng tăng từ 70m3/ha (năm 2010) tăng lên 90m3/ha (năm 2019), sản lượng gỗ khai thác tăng từ 285 ngàn m3 lên 420 ngàn m3. Hoàn thành giao hơn 70.000 ha diện tích rừng và đất lâm nghiệp cho các hộ dân; đã và đang xây dựng 02 nhà máy chế biến gỗ hiện đại, công suất trên 300 ngàn m3/năm; từng bước tạo thành chuỗi khép kín từ trồng rừng, chế biến, tiêu thụ cơ bản hết nguồn nguyên liệu, phát huy lợi thế và nâng cao giá trị rừng trồng trên địa bàn tỉnh.

- Thủy sản: nuôi trồng thủy sản đã có nhiều chuyển biến tích cực, từ chỗ nuôi quảng canh sang thâm canh, ứng dụng công nghệ cao, từ phân tán, nhỏ lẻ sang tập trung, từ nuôi hộ gia đình sang doanh nghiệp, HTX; thu hút đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất giống tôm chất lượng cao; đầu tư nâng cấp hạ tầng 09 vùng nuôi trồng thủy sản tập trung (quy mô từ 20- 80ha/vùng), áp dụng công nghệ tiên tiến về nuôi tôm thẻ chân trắng trên cát (đạt quy mô hơn 950 ha, tăng trên 97%). Tổ chức lại sản xuất trên biển, tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật bảo quản hải sản đánh bắt; thực hiện nghiêm các giải pháp khắc phục, chống khai thác hải sản bất hợp pháp. Sản xuất thủy sản phục hồi nhanh tăng trưởng sau sự cố môi trường biển; tổng sản lượng thủy sản năm 2019 đạt 51.469 tấn (tăng gần 40% so với năm 2010), trong đó sản lượng khai thác: 36.669 tấn, sản lượng nuôi trồng là 14.800 tấn.

- Các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn phát triển nhanh và đa dạng, đến nay có 3.670 THT, 1.382 HTX, 3.454 doanh nghiệp[[7]](#footnote-7)*.* Một số doanh nghiệp lớn[[8]](#footnote-8) đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, phát triển chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm, thúc đẩy sự phát triển kinh tế hợp tác, hình thành các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn. Hiện, toàn tỉnh có 812 HTX nông nghiệp, trong đó 526 HTX chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản, dịch vụ tổng hợp; có 3.220 THT, 238 trang trại; một số HTX nông nghiệp đã mạnh dạn áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới để tăng năng suất và nâng cao chất lượng sản phẩm[[9]](#footnote-9); có trên 50% HTX hoạt động có hiệu quả (trong đó tỷ lệ HTX hoạt động có hiệu quả tốt, khá trên 20%, HTX hoạt động trung bình chiếm khoảng 30%).

- Đã hình thành nhiều mô hình sản xuất hàng hóa quy mô khá lớn (trên 40 mô hình hộ gia đình, 350 trang trại, 59 HTX, với diện tích bình quân trên 10ha/mô hình). Tỷ lệ cơ giới hóa trong nhiều lĩnh vực, khâu sản xuất đạt cao[[10]](#footnote-10), nhờ đó, giải quyết khâu lao động nặng nhọc, tính thời vụ, khẩn trương, góp phần giảm tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch (sản xuất lúa giảm từ 12,5% xuống còn khoảng 7%).

- Công tác quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm được tăng cường, 95,7%; cơ sở SXKD nông, lâm, thủy sản được kiểm tra đạt điều kiện đảm bảo ATTP, 168 cơ sở có giấy chứng nhận VietGAP, VietGAHP và tương đương[[11]](#footnote-11) . Toàn tỉnh hiện có 21 chuỗi cung ứng sản phẩm an toàn có xác nhận, tập trung vào các sản phẩm: bưởi Phúc Trạch, cam chanh, rau củ quả, thịt lợn, thịt gà, thủy sản, gạo.

- Về chế biến: hệ thống chế biến tập trung vào một số ngành hàng chủ lực của tỉnh, như: gạo, lạc, chè, nhung hươu, thủy sản và lâm sản[[12]](#footnote-12). Nhiều mặt hàng qua chế biến (như chè đen, hải sản đông lạnh) có khả năng cạnh tranh khá tốt, đáp ứng được yêu cầu các thị trường khó tính như EU, Nhật Bản,... đóng góp lớn cho xuất khẩu (khoảng 70/128 triệu USD/năm). Tuy nhiên, quy mô chế biến còn nhỏ (trừ sản phẩm chè), chưa tập trung, thị trường chủ yếu là nội địa, chỉ mới có một số sản phẩm xuất khẩu, như: chè, thủy sản. Đặc biệt, một số sản phẩm chủ lực của tỉnh hiện nay chưa có hoặc quy mô chế biến còn thấp, như: cam, lạc.

### 1.2. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nông thôn, công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản được quan tâm phát triển đúng hướng, đã có một số cơ sở theo hướng chế biến sâu: Thu hút được một số doanh nghiệp đầu tư dự án lớn, công nghệ hiện đại, như: chế biến gỗ MDF, HDF, chăn nuôi bò sữa, chế biến gạo, chế biến thủy sản xuất khẩu[[13]](#footnote-13); đầu tư nâng cấp công nghệ, thiết bị các nhà máy chế biến chè xuất khẩu, thức ăn chăn nuôi, cơ sở mộc gia dụng, xay xát lúa gạo, chế biến lạc, hệ thống kho lạnh tại các cảng cá,... Đến nay, đã hình thành hệ thống trên 2.800 cơ sở sản xuất, chế biến đồ gỗ, 2.700 cơ sở chế biến xay xát lúa, gạo, ngô, trên 921 cơ sở chế biến bún, bánh tráng, miến, bánh kẹo và 290 cơ sở chế biến nước mắm, bảo quản thủy sản; thành lập 23 CCN, trong đó 18 CCN đã hoạt động với 179 dự án đi vào SXKD với số vốn đầu tư gần 5.000 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho gần 4.700 lao động, với giá trị sản xuất công nghiệp năm 2019 đạt gần 4.000 tỷ đồng/năm; tỷ lệ lấp đầy bình quân các cụm công nghiệp đạt 65,46%. Nhiều ngành nghề, làng nghề ở nông thôn đã được kêu gọi vào sản xuất kinh doanh trong CCN như: rèn, đúc, chế tạo, sửa chữa cơ khí tại CCN Trung Lương; các dự án chế biến lâm sản vào CCN Thái Yên, Trường Sơn; các dự án chế biến hải sản, thủy sản vào CCN Thạch Kim, Kỳ Ninh và các CCN Phù Việt, Bắc Cẩm Xuyên, Nam Hồng thu hút các ngành nghề như cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, bao bì, dược phẩm, may mặc, sợi…

- Hiện nay tỉnh có 2 Khu công nghiệp quy mô khá lớn, gồm:

+ Khu công nghiệp Gia Lách, huyện Nghi Xuân: Có diện tích tự nhiên  
100ha, diện tích đất có thể cho thuê 60 ha, hiện đã cho thuê 10 dự án với tổng  
diện tích 24,17ha, đạt tỷ lệ lấp đầy 37,44%. Hiện có 04 dự án đã đi vào hoạt  
động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đóng góp vào sự phát triển kinh tế tỉnh  
nhà, 01 dự án đang triển khai thi công xây dựng và 03 dự án đang trong quá  
trình giải phóng mặt bằng, trong đó một số dự án có tổng mức đăng ký đầu tư lớn như: Dự án Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Nutreco Hà Tĩnh (hơn 388 tỷ); dự án Nhà máy gia công cơ khí và sản xuất kết cấu thép (100 tỷ); Nhà máy sản xuất bao bì dán đáy (hơn 138 tỷ).

+ Khu Công nghiệp Vũng Áng I, thị xã Kỳ Anh: Có diện tích tự nhiên  
116ha, diện tích đất có thể cho thuê 80ha, hiện đã cho thuê 17 dự án với tổng  
diện tích 56,60ha, đạt tỷ lệ lấp đầy 70,8%.

- Toàn tỉnh có 31 làng nghề truyền thống, trong đó có 5 Làng nghề được UBND tỉnh công nhận, bao gồm: LNTT Chổi đót Hà Ân - Thạch Mỹ, Thạch Hà; LNTT Đóng thuyền Trường Sơn - Trương Sơn, Đức Thọ; LNTT Mộc Thái Yên - Thái Yên, Đức Thọ; LNTT Mộc Tràng Đình- Yên Lộc, Can Lộc và LNTT Rèn đúc Trung Lương - Phường Trung Lương TX Hồng Lĩnh.

- Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm, đến nay, toàn tỉnh đã có 72 sản phẩm đạt chuẩn OCOP 3 sao, 4 sao, góp phần thúc đẩy tổ chức sản xuất và nâng cao giá trị cho sản phẩm của địa phương.

- Thương mại, dịch vụ: Giai đoạn 2010-2019, toàn tỉnh đã xây dựng mới 38 chợ, nâng cấp, cải tạo hơn 94 chợ tại khu vực nông thôn, cơ bản hoàn thành chuyển đổi mô hình quản lý theo quy hoạch. Nhiều chợ trên địa bàn nông thôn được đầu tư theo hình thức xã hội hóa, khang trang (chuyển giao 137 chợ sang mô hình doanh nghiệp, hợp tác xã quản lý đạt kết quả tốt). Hình thành các kênh bán lẻ hiện đại (siêu thị mini, chuỗi cửa hàng tiện ích...), góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân nông thôn.

- Phát triển du lịch nông thôn: Quá trình xây dựng NTM đặc biệt là sau khi xây dựng Khu dân cư NTM kiểu mẫu, sớm triển khai xây dựng các xã NTM kiểu mẫu; đồng thời xác định xây dựng NTM gắn với đô thị văn minh, Hà Tĩnh đã tạo ra nhiều điểm đến khá thuyết phục, có chiều sâu, cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp, trở thành các điểm tham quan học tập vừa là thực tế sinh động, vừa cách thức tổ chức như: Các khu dân cư NTM kiểu mẫu, các mô hình ứng dụng công nghệ 4.0 như công sở thông minh, tổ tư vấn chính sách - vay vốn – giải quyết việc làm; các mô hình xử lý rác thải, nước sinh hoạt tại hộ gia đình, cụm dân cư…

Hà Tĩnh đã hình thành các tour tuyến du lịch NTM, trải nghiệm làm người nông dân xưa và nay như: Đánh bắt cá, ném vổ vịt, xay lúa, giã gạo theo phương thức truyền thống; nghe Kiều, lẩy Kiều…; phát triển du lịch thuần túy gắn với phát triển kinh tế, giới thiệu và bán các sản phẩm hàng hóa đặc trưng như: Cam Khe mây, Bưởi Phúc Trạch, Cu đơ, Nhung hươu… và các sản phẩm hàng hóa khác. Tuy vậy, việc kết nối các tour tuyến du lịch NTM với các tour tuyến du lịch chung của tỉnh đang còn hạn chế.

### 1.3. Đào tạo nghề và lao động nông thôn

Công tác đào tạo nghề bám sát định hướng phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn được quan tâm, tỷ lệ nông dân được đào tạo nghề nông nghiệp hiện nay là 28%. Chuyển dịch cơ cấu lao động trong khu vực nông thôn theo chiều hướng tích cực, giảm dần lao động trực tiếp nông nghiệp sang lĩnh vực công nghiệp, thương mại và phi nông nghiệp, cơ cấu lao động giữa ngành NLTS - CN - XD và DV năm 2011 và 2019 lần lượt là: 59,4% - 15%- 25,6% và 43,05% - 23,72% - 33,23%.

## 2. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn

### 2.1. Về quy hoạch và đô thị

Trên cơ sở Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tháng 11/2012, Quy hoạch Bắc Hà Tĩnh – Nam Nghệ An, Quy hoạch nam Hà Tĩnh – Bắc Quảng Bình, các quy hoạch ngành, quy hoạch vùng huyện được xây dựng phù hợp, làm cơ sở định hướng chung cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với điều kiện của địa phương.

Hà Tĩnh là một trong những tỉnh đầu tiên có 100% số xã hoàn thành quy hoạch xây dựng NTM từ năm 2012 và từng bước được điều chỉnh, bổ sung kịp thời; sau khi quy hoạch được phê duyệt, các xã đã tổ chức công bố, cắm mốc; việc thực hiện và quản lý quy hoạch cơ bản đảm bảo đúng theo quy định. Hiện tỉnh đang thực hiện việc rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 và xây dựng Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và 2050.

Về quy hoạch vùng huyện, hiện 8 đơn vị cấp huyện: Nghi Xuân, Đức Thọ, Can Lộc, Lộc Hà, Thạch Hà và thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh, thị xã Kỳ Anh đã hoàn thành quy hoạch chung; 05 huyện, gồm: Vũ Quang, Cẩm Xuyên, Hương Sơn, Kỳ Anh và Hương Khê đang xây dựng (trong đó 03 huyện Vũ Quang, Cẩm Xuyên, Hương Sơn đã được UBND tỉnh phê duyệt Đề cương nhiệm vụ; 02 huyện Hương Khê, Kỳ Anh đang xin chủ trương lập quy hoạch vùng huyện).

Tỉnh Hà Tĩnh gồm 16 đô thị, gồm: 1 đô thị loại II (TP. Hà Tĩnh), 2 đô thị loại IV (TX. Hồng Lĩnh và TX. Kỳ Anh) và 13 đô thị loại V. 16 đô thị Hà Tĩnh hình thành và phát triển theo 3 tuyến dọc, đó là: vùng hành lang QL1 và dải hành lang ven biển; vùng hành lang đường Hồ Chí Minh và vùng hành lang QL8 đi cửa khẩu quốc tế Cầu Treo. Vùng hành lang QL1 và dải hành lang ven biển gồm 11 đô thị (thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh, thị xã Kỳ Anh, và 8 thị trấn Xuân An, Tiên Điền, Nghèn, Đồng Lộc, Thạch Hà (Cày), Lộc Hà, Cẩm Xuyên, Thiên Cầm), trong đó thị xã Hồng Lĩnh là đô thị lớn nhất phía Bắc của tỉnh. Vùng hành lang QL8 gồm 3 đô thị (thị trấn Đức Thọ, Phố Châu và Tây Sơn) và vùng hành lang đường Hồ Chí Minh và trung du miền núi gồm 2 đô thị là thị trấn Vũ Quang và Hương Khê.

### 2.2. Hạ tầng giao thông

Hệ thống hạ tầng giao thông được đầu tư nâng cấp, liên hoàn và không còn tình trạng đường độc đạo, lưu thông thông suốt liên tỉnh, huyện và xã. Mạng lưới giao thông đường bộ có hơn 14 nghìn km, gồm: 846 km đường quốc lộ, 378,78 km đường tỉnh, gần 900 km đường huyện, hơn 11 nghìn km đường giao thông nông thôn và hơn 700km đường đô thị. Mạng lưới đường bộ được quan tâm đầu tư, cấu thành hệ thống trục dọc và trục ngang, qua đó cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân, đảm bảo kết nối vùng, miền, tạo thuận lợi kết nối từ các khu kinh tế trọng điểm, như: Vũng Áng đi các tỉnh, thành trong cả nước, cũng như kết nối Đông - Tây đến hệ thống giao thông Lào và vùng Đông Bắc Thái Lan. Đến nay, Hà Tĩnh là một trong số tỉnh có 100% số xã có đường vào trung tâm xã, góp phần xây dựng đô thị văn minh và NTM.

Hệ thống giao thông trục dọc chủ yếu, gồm: QL1, đường Hồ Chí Minh, đường ven biển; hệ thống trục ngang chủ yếu, gồm: QL8, QL8B, QL8C, QL12C, QL281 và các tuyến đường bộ có vị trí vai trò quan trọng khác, như: QL15, QL15B, đảm bảo việc kết nối giữa các đô thị với các vùng nông thôn, các huyện miền núi với trung tâm tỉnh và huyện đồng bằng. Tỷ lệ đường tỉnh đạt chuẩn cấp IV trở lên đạt 63,9%, còn lại mới đạt chuẩn cấp V, cấp VI, nhất là các tuyến đường kết nối liên huyện, như: đường tỉnh 554 kết nối Đức Thọ và Kỳ Anh; đường tỉnh 552 kết nối Đức Thọ và Vũ Quang; đường 547 kết nối Nghi Xuân và thị xã Kỳ Anh; đường 548 kết nối giữa Lộc Hà và Can Lộc... cần phải nâng cấp và cải tạo, phục vụ sản xuất và đời sống, đảm bảo kết nối liên huyện, đặc biệt là với các huyện miền núi, như: Kỳ Anh, Vũ Quang.

***Tuy nhiên***, mật độ đường so với diện tích của tỉnh Hà Tĩnh hiện đang thấp hơn so với mật độ trung bình của cả nước (chỉ bằng 88% so với mức trung bình), chất lượng của các tuyến đường tỉnh, đường huyện và đường xã còn tương đối thấp, độ rộng đường thường không lớn, có một số tuyến đang trong tình trạng xuống cấp và đang cần được đầu tư xây dựng, cũng như bảo trì mạng lưới giao thông tỉnh.

Tính riêng đường tỉnh, hiện nay có 09 tuyến, với tổng chiều dài 378,78km, tổng số đường tỉnh đã đạt từ cấp IV trở lên là 242,08 km (chiếm 63,9%), đường cấp V là 63,73 km (chiếm 16,8%), đường cấp VI là 6,27 km (chiếm 1,7%), còn lại 66,7 km (chiếm 17,6%) chưa thông tuyến, cần được đầu tư, nâng cấp, đảm bảo kết nối giữa các đơn vị cấp huyện trong tỉnh, các huyện với các trung tâm đô thị (thành phố Hà Tĩnh), đặc biệt là một số huyện miền núi, như: Kỳ Anh, Hương Sơn, Vũ Quang, Hương Khê. Ngoài ra, nhiều tuyến đường tỉnh mới đạt chuẩn cấp V miền núi, mặt đường nhiều đoạn còn cấp phối, mặt đường hỏng, xuống cấp, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của người dân.

Hệ thống giao thông cấp huyện, ngoài những huyện đã hoàn thành xây dựng NTM, các huyện còn lại, đặc biệt là khu vực miền núi, như: Kỳ Anh, Hương Sơn, Hương Khê, Vũ Quang tỷ lệ đường giao thông đạt chuẩn còn thấp (Hương Sơn đạt 38,7%, Hương Khê đạt 35%, Vũ Quang 10,47%...).

Đối với hệ thống giao thông cấp xã, hiện nay còn 27 xã chưa đạt yêu cầu về giao thông, tập trung ở các huyện miền núi, như: Hương Sơn, Hương Khê và Kỳ Anh.

### 2.3. Hệ thống thủy lợi và khả năng thích ứng biến đổi khí hậu

Trong những năm qua, hệ thống thuỷ lợi được quan tâm đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới, cơ bản đáp ứng khoảng 90% nhu cầu nguồn nước phục vụ sản xuất, dân sinh. Các công trình thủy lợi do tỉnh quản lý cơ bản được thiết kế, xây dựng đồng bộ với các công trình thủy lợi của cấp huyện quản lý. Toàn tỉnh đã đầu tư xây dựng được 351 hồ chứa nước với tổng dung tích gần 1,6 tỷ m3 nước, trong đó Hồ Ngàn Trươi đã được xây dựng, có dung tích 775,7 triệu m3, là công trình đa mục tiêu, phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, sản xuất, dân sinh của tỉnh. Công trình có nhiệm vụ tưới cho 32.585 ha đất sản xuất nông nghiệp, hiện đã đấu nối vào hệ thống kênh Linh Cảm, cấp nước tự chảy thay thế cho trạm bơm Linh Cảm; cắt giảm lũ cho hạ du, đặc biệt là cho huyện Vũ Quang và Đức Thọ trong thời gian vừa qua; phục vụ nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch; có 90 đập dâng, 455 trạm bơm, 12 cống ngăn mặn giữ ngọt lớn và 6.333 km kênh mương các loại, trong đó, công trình do tỉnh quản lý giao các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh 60 hồ chứa, 08 đập dâng, 21 trạm bơm, 12 cống ngăn mặn, 943 km kênh mương. Hàng năm, các công trình cấp nước phục vụ tưới cho trên 99.300 ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt và nhiều ngành kinh tế khác, cắt giảm lũ hạ du và cải tạo môi trường sinh thái; tỷ lệ kênh mương được kiên cố hóa đạt 66,5% (4.214 km/6.333 km, trong đó khối lượng thực hiện theo cơ chế hỗ trợ xi măng giai đoạn 2010-2020 đạt 918 km), đảm bảo cấp đủ nước tưới ổn định cho trên 99.000 ha diện tích lúa 02 vụ, 14.000 ha cây màu (tăng 3.000 ha so với 2015) và 3.500 ha diện tích nuôi trồng thủy sản (tăng 300 ha); chú trọng đầu tư tu bổ, nâng cấp được 30 km đê biển, đê cửa sông, 20 km đê sông; tiếp tục tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu, hạn chế tối đa thiệt hại đối với sản xuất và đời sống dân sinh.

Công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh được thực hiện khá đồng bộ, hiệu quả. Tuy nhiên diễn biến mưa bão ngày càng xảy ra bất thường, khó lường, trong khi cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai còn hạn chế.Hệ thống tiêu úng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh hiện nay chủ yếu là qua các sông, suối tự nhiên là chính, ngoài ra có một số kênh đào; việc tiêu thoát lũ phụ thuộc rất lớn vào điều kiện địa hình, mặt cắt của các trục tiêu và cao độ của mực nước triều. Do đó, cần ưu tiên đầu tư một số hệ thống tiêu, thoát lũ chính tại các địa phương; nâng cấp, làm mới một số tuyến đê đảm bảo khả năng chống lũ; tiếp tục kiên cố hóa kênh mương nội đồng để nâng cao khả năng đảm bảo tưới, xây dựng kênh Cầu Động, kênh Hương Sơn thuộc hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang; nâng cấp, sửa chữa các hồ đập xung yếu, nguy cơ cao xảy ra sự cố”.

Cùng với đó, các mô hình ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên một số cây trồng (cam, bưởi, chè, rau,...) cũng đã được áp dụng, đạt hơn 900 ha. Tuy nhiên, vẫn cần có các chính sách và giải pháp tích cực để thúc đẩy ứng dụng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước vào sản xuất, đặc biệt là các cây trồng chủ lực, tập trung của địa phương.

Tuy nhiên, một số vùng vẫn còn tình trạng thiếu nước, phụ thuộc vào mưa tự nhiên, chưa chủ động được nguồn nước, một số công trình đã được quy hoạch, nhưng chưa hoàn thành việc đầu tư xây dựng, vì vậy, chưa kết nối đồng bộ với công trình thủy lợi của cấp huyện, như: Kênh Hương Sơn, kênh Cầu Động của hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi (cấp nước cho huyện Hương Sơn, Vũ Quang , ... Nhiều hồ chứa trên địa bàn bị hư hỏng, xuống cấp, không đảm bảo an toàn (có khoảng 57 công trình hồ đập bị hư hỏng, xuống cấp có nguy cơ mất an toàn, trong đó có 24 hồ đập xung yếu, nguy cơ cao xảy ra sự cố trong mùa mưa lũ).

Do đó, cần đầu tư một số hệ thống tiêu, thoát lũ chính tại các địa phương; nâng cấp, làm mới một số tuyến đê đảm bảo khả năng chống lũ; tiếp tục kiên cố hóa kênh mương nội đồng để nâng cao khả năng đảm bảo tưới, như xây dựng Hồ chứa nước Trại Dơi vừa để cắt lũ, vừa để bổ sung nguồn nước tưới cho các xã ở Hương Khê; hệ thống tiêu thoát lũ vùng hạ du Kẻ Gỗ; kết nối hệ thống kênh thủy lợi Ngàn Trươi Cẩm Trang – Linh Cảm; nâng cấp, sửa chữa 24 hồ đập xung yếu, nguy cơ cao xảy ra sự cố…

### 2.4. Hệ thống Điện:

Tỉnh Hà Tĩnh có hệ thống nguồn, lưới điện được quy hoạch và đầu tư khá đồng bộ; lưới điện trung, hạ áp cơ bản đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối[[14]](#footnote-14). Hạ tầng kỹ thuật điện đã cơ bản đáp ứng các yêu cầu sản xuất và đời sống của người dân toàn tỉnh; tỷ lệ hộ sử dụng điện an toàn, thường xuyên từ lưới điện quốc gia đạt 100%.

Tuy nhiên, việc đầu tư hệ thống điện chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là các dự án nguồn, lưới điện 110kV theo nội dung quy hoạch phát triển điện lực đã được phê duyệt; hệ thống cột điện ở mộ số nơi nằm giữa đường do quá trình mở rộng đường GTNT; phát sinh các điểm vi phạm hành lang lưới điện trung áp, các tuyến đường dây hạ áp hoặc những địa bàn vùng sâu, miền núi bán kính cấp điện xa dẫn đến chất lượng điện áp chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội. Do đó, cần tiếp tục đầu tư đường dây đấu nối và các dự án xây mới, nâng cấp, cải tạo lưới điện trung, hạ áp; nâng cấp, cải tạo lưới điện hạ áp, giảm bán kính cấp điện ở những địa bàn đảm bảo tiêu chuẩn dưới 1,5 km đối với vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa.

### 2.5. Hệ thống hạ tầng thông tin, truyền thông:

Hạ tầng hệ thống cáp quang đã được đầu tư đồng bộ, 100% đơn vị cấp xã đã có tuyến truyền dẫn chính, 1.956/1.982 thôn, tổ dân phố có hạ tầng cáp quang, còn 26 thôn ở khu vực miền núi, địa hình phức tạp, khó triển khai hạ tầng, dân cư ít chưa có. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đã triển khai rộng khắp, 100% sở, ngành, địa phương sử dụng mạng LAN, WAN kết nối Internet, sử dụng phần mềm điều hành tác nghiệp, văn bản điện tử trên môi trường mạng. Tuy vậy, việc đầu tư vẫn chưa được đầu tư đồng bộ, ngoài hệ thống Mạng TSLCD cấp I triển khai, việc truyền số liệu, văn bản chỉ đạo, điều hành chưa sử dụng hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng trong cơ quan nhà nước do đó chưa đảm bảo hạ tầng kỹ thuật theo yêu cầu tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Hội nghị truyền hình trực tuyến từ cấp huyện đến cấp xã, hiện nay, chỉ có 02 điểm cầu (Nghi Xuân và thị xã Kỳ Anh) kết nối xuống 28 điểm cầu cấp xã (28 đơn vị), còn 11 huyện, thị, thành phố còn lại chưa kết nối đến xã.

### 2.6. Hạ tầng về Giáo dục, Y tế và Văn hóa:

- Hạ tầng cơ sở vật chất giáo dục được tỉnh quan tâm đầu tư, công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia được đẩy mạnh; giai đoạn 2008 - 2018, xây mới 1.619 phòng học, 223 nhà công vụ, 112 nhà tập đa năng, 113 phòng giáo dục thể chất, 176 công trình vệ sinh. Đến cuối năm 2019, toàn tỉnh có 554/703 trường học đạt chuẩn quốc gia, tỉ lệ 78,8%, trong đó: Mầm non 189/266 trường đạt chuẩn, tỉ lệ 71% (trong đó đạt Mức độ 2: 27 trường, tỉ lệ 10.1%); Tiểu học 207/241 trường đạt chuẩn, tỉ lệ 85.9% (trong đó đạt Mức độ 2: 126 trường, tỉ lệ 52.2%); THCS 126/150 trường đạt chuẩn, tỉ lệ 84%; THPT 33/46 trường đạt chuẩn (tỉ lệ 71.7%), 13 trường còn lại chưa đạt chuẩn, chủ yếu do cơ sở vật chất chưa đảm bảo, cần phải nâng cấp, xây mới 105 phòng học và phòng học bộ môn, 09 nhà đa chức năng và 01 thư viện.

- Mạng lưới hệ thống y tế tỉnh Hà Tĩnh được đầu tư theo hướng hiện đại, tăng cường cơ sở vật chất y tế, nhiều thiết bị công nghệ cao được đưa vào khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân. Hiện tại đã có gần 85% số trạm y tế trên địa bàn đã được đầu tư cơ sở hạ tầng khang trang; các trạm y tế được trang bị gói trang thiết bị cơ bản phục vụ khám chữa bệnh ban đầu; trên 40% số trạm được đầu tư máy siêu âm; có 214/216 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế (chiếm tỷ lệ 99%).

Mạng lưới các bệnh viện, trung tâm y tế dự phòng tuyến huyện từng bước được đầu tư hoàn thiện, 11/13 huyện đã có Bệnh viện đạt hạng 2; 01 huyện có BV đạt hạng 3 (huyện Vũ Quang), riêng huyện Kỳ Anh đang xây dựng Trung tâm Y tế huyện. Tuy vậy, nhu cầu về nguồn lực để đầu tư cơ sở hạ tầng cho các bệnh viện tuyến huyện vẫn còn rất lớn; nhiều bệnh viện do được xây dựng từ lâu, chắp vá, diện tích các phòng chật hẹp không đảm bảo yêu cầu trong thực hiện chuyên môn như: BVĐK Đức Thọ, Can Lộc, Cẩm Xuyên, Thạch Hà…

Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Tĩnh được tạm thời xếp hạng I theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005. Trung tâm được đầu tư nhiều trang thiết bị phục vụ chuyên môn, như: máy Realtime PCR, máy quang phổ hấp thụ nguyên tử, máy xét nghiệm sinh hóa, máy đo thân nhiệt từ xa, máy đo hơi khí độc, đo ô nhiễm không khí… từng bước đáp ứng yêu cầu về chất lượng chuyên môn - kỹ thuật. Hiện nay, Trung tâm có đủ năng lực chẩn đoán, xác định nhanh, chính xác nhiều bệnh, dịch nguy hiểm như cúm A, sốt xuất huyết và các bệnh mới xâm nhập. Tuy nhiên, cơ sở vật chất của hệ thống y tế cấp tỉnh cần được đầu tư, đặc biệt là Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, để đảm bảo năng lực tăng cường hội nhập, dự phòng tích cực và chủ động, ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp; tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và đa dạng của nhân dân, hướng đến mục tiêu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe trong tình hình mới.

- Hệ thống nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng xã, thôn tiếp tục được quan tâm đầu tư xây dựng. Hầu hết các xã đều có sân bóng đá, sân bóng chuyền; các nhà văn hóa thôn đều có sân bóng chuyền, sân bóng đá mini, sân tập thể thao đơn giản; 100% số xã, phường, thị trấn được phủ sóng truyền hình, hệ thống truyền thanh cơ sở và điểm phục vụ bưu chính viễn thông đạt chuẩn. Cấp xã: 155/182 xã đạt tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa (85,16%); 10/33 phường, thị trấn đạt chuẩn cơ sở vật chất văn hóa (30%). Cấp huyện: có 11/13 đơn vị cấp huyện có công trình Trung tâm văn hóa, trong đó 5 đơn vị đạt chuẩn, 6 đơn vị chưa đạt do thiếu một số hạng mục công trình, 2 đơn vị (Lộc Hà và huyện Kỳ Anh) chưa xây dựng Trung tâm văn hóa; Cấp tỉnh có Thư viện, Nhà thi đấu và Sân vận động cơ bản đảm bảo cơ sở vật chất và hoạt động tốt. Một số công trình khác chưa đảm bảo do nhiều hạng mục đã xuống cấp và thiếu trang thiết bị chuyên môn, như: Trung tâm văn hóa tỉnh, Trung tâm thể thao tỉnh, bể bơi; một số công trình văn hóa thiết yếu còn thiếu, như: Bảo tàng, nhà hát nghệ thuật truyền thống, Trung tâm văn hóa thanh thiếu nhi tỉnh,...

Toàn tỉnh có 583 di tích được xếp hạng cấp Quốc gia và cấp tỉnh, trong đó có nhiều di tích có giá trị, như: Khu lưu niệm Nguyễn Du, Di tích Đồng Lộc, Chùa Hương Tích, Đền thờ Chế thắng phu nhân Nguyễn Thị Bích Châu, Đền Lê Khôi, Đền Chợ Củi, Lũy đá cổ Kỳ Lạc...... Về các giá trị văn hóa phi vật thể, Hà Tĩnh được UNESCO ghi danh: Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; Ca Trù là di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp; Mộc Bản trường học Phúc Giang, Hoàng hoa sứ trình đồ đã được ghi danh là di sản ký ức thế giới khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Bên cạnh đó, Hà Tĩnh còn có trên 100 lễ hội, trong đó có 15 lễ hội lớn thường niên được tổ chức, thu hút nhiều du khách đến tham gia, như: Lễ hội Đền Chiêu Trưng, lễ hội Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, lễ hội Chùa Hương Tích, Đền Củi, Đền Nguyễn Thị Bích Châu...

## 3. Chất lượng y tế, văn hóa và giáo dục nông thôn

- Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được tăng cường; đã đổi mới, sắp xếp lại tổ chức bộ máy y tế tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động và thực hiện phân cấp quản lý y tế cơ sở theo Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII. Y tế dự phòng được chú trọng, kịp thời ngăn chặn các bệnh dịch nguy hiểm. Năng lực chuyên môn, y đức có nhiều chuyển biến tích cực; chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên; tiếp cận được nhiều dịch vụ kỹ thuật chuyên sâu, dịch vụ tuyến Trung ương. Cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong khám, chữa bệnh từng bước được đẩy mạnh; người dân bước đầu được theo dõi quản lý sức khỏe qua hệ thống hồ sơ điện tử; 90% trạm y tế có bác sĩ; 99% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế; 100% số thôn có nhân viên y tế thôn hoạt động; 100% Trạm y tế được cài đặt và tập huấn sử dụng phần mềm; tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế tăng từ 71% lên 90%; tỷ lệ trẻ dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi còn 9%; tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 92% .

- Chất lượng giáo dục toàn diện được giữ vững, giáo dục mũi nhọn, học sinh giỏi quốc gia, đậu vào các trường đại học hàng năm vào tốp đầu cả nước. Đến nay, đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi bền vững; đạt chuẩn phổ cấp giáo dục tiểu học mức độ 3; đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 bền vững. Tiếp tục thực hiện lộ trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; quy hoạch lại hệ thống trường lớp, đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao chất lượng giáo dục[[15]](#footnote-15). Công tác xã hội hóa, mở rộng các loại hình đào tạo đạt kết quả khá. Cơ sở vật chất trường học từng bước được chuẩn hóa theo hướng hiện đại. Số trường tổ chức bán trú đạt 100%, số trẻ ăn bán trú đạt 95.3%, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm còn dưới 5%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS, THPT hàng năm đạt trên 96%, tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào đại học cao đẳng đạt trên 60% số học sinh đăng ký xét tuyển.

- Các phong trào thi đua xây dựng nếp sống văn minh, văn hóa ở khu dân cư, phong trào xây dựng làng, xã văn hóa, phong trào văn nghệ, thể dục, thể thao được quan tâm, có bước phát triển và thu hút đông đảo người dân tham gia. Hệ thống các thiết chế văn hóa của xã, thôn, xóm góp phần thúc đẩy xây dựng và thực hiện tốt các phong trào văn hóa nông thôn, nâng cao mức hưởng thụ, tham gia hoạt động và sáng tạo văn hóa; tính riêng khu vực nông thôn có 175/182 xã đạt tiêu chí Văn hóa, bằng 96%. Toàn tỉnh có 90,96% số thôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa theo theo quy định (tăng 34% so với năm 2010). Việc xây dựng và thực hiện quy ước, hương ước được tiến hành tốt và phát huy hiệu quả; 100% số thôn, tổ dân phố có hương ước, quy ước; chất lượng gia đình văn hóa, làng văn hóa được nâng lên, danh hiệu gia đình văn hóa đạt 89,98% (tăng 22,9% so với năm 2010); công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa nông thôn được chú trọng; các giá trị văn hóa truyền thống, như: Hệ thống di tích văn hóa, di sản văn hóa Ví, Giặm, Ca trù, chèo Kiều, sắc bùa, hò, vè... và các lễ hội truyền thống tiếp tục được khôi phục, phát triển, thu hút sự tham gia của cộng đồng và khách thập phương. Đặc biệt, nhiệm vụ bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa cần được quan tâm, nhất là bảo tồn các giá trị văn hóa phi vật thể gắn với cộng đồng, góp phần thúc đẩy văn hóa đặc trưng của người Hà Tĩnh, phát huy các tiềm năng văn hóa để thúc đẩy phát triển kinh tế du lịch nông thôn.

## 4. Môi trường và cảnh quan nông thôn

- Nước sạch nông thôn được các địa phương quan tâm, tập trung đầu tư và cải thiện, nhiều công trình nước sạch tập trung được đầu tư. Đến nay, 98% người dân được sử dụng nước hợp vệ sinh, tỷ lệ hộ sử dụng nước đạt quy chuẩn quốc gia (QCVN 02:2009/BYT) đạt 50,2%, trong đó từ các công trình cấp nước tập trung là 19,34% với 36 hệ thống cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung (23 công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung và 13 hệ thống đấu nối từ các công trình cấp nước đô thị và mở rộng mạng lưới công trình cấp nước nông thôn). Công tác quản lý vận hành được chú trọng, tuy nhiên, hiện mới chỉ có 55,9% công trình nước sạch tập trung hoạt động hiệu quả, còn đến 26,47% công trình hoạt động không bền vững và 2,93% công trình không hoạt động.

- Công tác vệ sinh môi trường, đặc biệt là xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt được quan tâm. UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 15/3/2017 của về việc tăng cường công tác vệ sinh môi trường, thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, các địa phương tổ chức, phát động các phong trào vì môi trường xanh sạch đẹp, định kỳ ít nhất 1 tháng 1 lần vào ngày 18 hàng tháng ra quân dọn vệ sinh môi trường, thu gom rác thải đồng loạt; ngoài ra, vào các dịp lễ tết; Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn; Ngày Môi trường thế giới, các địa phương cũng đã tổ chức các đợt ra quân vệ sinh môi trường, chỉnh trang khu dân cư. Toàn tỉnh hiện có 222 đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải; tần suất thu gom của các HTX, tổ đội vệ sinh môi trường trung bình 1-2 lần/tuần; một số địa phương tần suất thu gom khá dày, khoảng 2-3 lần/tuần; các phường nội thành các thành phố, thị xã được thu gom hằng ngày. Về điểm tập kết, trung chuyển rác, theo quy hoạch có 440 điểm, tuy nhiên, thực tế mới xây dựng 258/440 điểm theo quy hoạch và có 108 điểm tự phát xây dựng không đúng quy hoạch. Trên địa bàn tỉnh có 11 khu xử lý rác thải đang hoạt động với 03 loại hình công nghệ (3 nhà máy, 4 bãi chôn lấp và 4 lò đốt độc lập); tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt được xử lý tại các cơ sở đạt tỷ lệ 43,9 - 49,7% so với tổng lượng rác phát sinh. Đối với 04 bãi chôn lấp hợp vệ sinh, xử lý đạt tỷ lệ từ 20,5 - 23,2% so với tổng lượng rác được xử lý.

- Về xử lý chất thải, nước thải tại các Khu, cụm công nghiệp, làng nghề: Trên địa bàn tỉnh hiện có 6 khu công nghiệp, 23 cụm công nghiệp và 19 làng nghề; trong đó có một số khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung; khu vực lưu giữ chất thải rắn; có khoảng 5.000 doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong và ngoài các khu, cụm công nghiệp, chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản), khai thác khoáng sản; dịch vụ thương mại… Tỷ lệ cơ sở có hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường đạt 95%; tỷ lệ các cơ sở có kế hoạch/cam kết bảo vệ môi trường đạt 93,2%; Tỷ lệ cơ sở có công trình xử lý chất thải đạt 92,2%. Tuy nhiên, nhiều cơ sở còn vi phạm trong việc quản lý chất thải (không lưu giữ, xử lý theo quy định); nước thải thu gom, xử lý không triệt để, công trình xử lý nước thải chưa đảm bảo; việc quản lý vận hành, quan trắc định kỳ thực hiện không thường xuyên.

- Về nước thải sinh hoạt, việc thu gom và xử lí chưa được quan tâm đúng mức, chủ yếu nước thải trực tiếp ra hệ thống mương thu gom chung; chỉ có một số địa phương (xã phấn đấu đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu) đã vận động, hỗ trợ 3.500 hộ lắp đặt hệ thống lắng lọc, xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình. Tuy nhiên, hiện nay mới chỉ khoảng 2,28% hộ nông thôn có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đáp ứng được yêu cầu.

- Phong trào xây dựng Khu dân cư NTM kiểu mẫu, vườn mẫu đã góp phần làm thay đổi bộ mặt của nông thôn Hà Tĩnh. Phong trào xây dựng Khu dân cư NTM kiểu mẫu lan tỏa nhanh trên diện rộng, nhất là sau khi tổ chức cuộc thi "Khu dân cư NTM kiểu mẫu, Vườn mẫu"[[16]](#footnote-16), tất cả các thôn đều triển khai xây dựng trên 10.000 vườn mẫu, trong đó có 428 Khu dân cư, 5.000 vườn mẫu đạt chuẩn. Nhiều Khu dân cư kinh tế phát triển, môi trường tốt, cảnh quan đẹp, văn hóa được phát huy, đã trở thành vùng quê "Trù Phú - An lành", là "nơi đáng sống hơn"[[17]](#footnote-17). Đây là một phong trào điển hình, thiết thực, hiệu quả, đã tạo điều kiện tối đa cho người dân phát huy vai trò chủ thể của mình, tạo động lực trực tiếp cho người dân và cộng đồng dân cư tham gia, bởi lợi ích thiết thực, thiết thân mang lại; kinh tế hộ gia đình phát triển, môi trường sống được cải thiện; tình làng, nghĩa xóm gắn kết mật thiết hơn, từ đó đã tạo ra diện mạo mới cho khu vực nông thôn và cộng đồng dân cư, tạo ra xã đạt chuẩn NTM thuyết phục và bền vững.

Tuy nhiên, ở một số địa phương như huyện Hương Khê, Đức Thọ và phần lớn rác của các huyện Thạch Hà, Vũ Quang, Hương Sơn chưa có nơi xử lý. Tại một số xã vùng nông thôn thuộc các huyện (Thạch Hà, Can Lộc, Đức Thọ, Hương Sơn, Vũ Quang, Hương Khê, Kỳ Anh) và ngoại thành TP Hà Tĩnh, có tình trạng rác tồn đọng tại điểm trung chuyển khá nhiều, tập kết ngổn ngang, xử lý tại chỗ bằng đốt thủ công/chôn lấp hoặc vừa đốt vừa chôn lấp làm phát sinh, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến cảnh quan đô thị/nông thôn.

## 5. Hệ thống chính trị

Chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp được nâng lên, nhất là cán bộ cấp xã, tỷ lệ đạt chuẩn 100%; nhiều huyện đã thực hiện có hiệu quả công tác luân chuyển, tăng cường cán bộ về xã (như Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Nghi Xuân, Kỳ Anh, Can Lộc, Hương Khê, Đức Thọ) hiệu quả hoạt động tốt; công tác quản lý điều hành của chính quyền cấp xã hiệu quả, hiệu lực hơn.

Tăng cường sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố và các đơn vị hành chính cấp xã, đã giảm được 855 thôn, tổ dân phố (từ 2.837 thôn, tổ dân phố giảm xuống còn 1.982 thôn); sắp xếp 80 đơn vị hành chính cấp xã để hình thành 34 xã mới, giảm 46 xã; kiện toàn lại đội ngũ cán bộ theo hướng giảm định biên, tăng cường kiêm nhiệm, khoán chi phụ cấp, góp phần tăng thu nhập và nâng cao trách nhiệm, đã phát huy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

## 6. An ninh, trật tự nông thôn

Chính trị ổn định, quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội khu vực nông thôn được đảm bảo trong bối cảnh có nhiều diễn biến phức tạp, đặc biệt sau sự cố môi trường biển. Công tác xây dựng khu vực phòng thủ, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Tăng cường phối hợp giữa lực lượng quân sự, công an, biên phòng với các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh.

Gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh, nhất là nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ khu vực phòng thủ ven biển, biên giới đất liền và các địa bàn trọng điểm. Chủ động nắm, dự báo tình hình, xây dựng kế hoạch, sẵn sàng lực lượng và phương án phòng ngừa, đảm bảo an ninh, trật tự trong mọi tình huống, nhất là những thời điểm đặc biệt khó khăn. Tổ chức triển khai hiệu quả các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, xử lý nghiêm các vụ việc, đối tượng vi phạm pháp luật, bảo đảm tốt các yêu cầu về chính trị, pháp luật, ngoại giao và môi trường đầu tư.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện công tác đảm bảo an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, đó là: Công tác nắm, dự báo tình hình về ANTT ở một số địa bàn chưa sâu sát, kịp thời, việc tham mưu, đề xuất giải quyết các vấn đề phức tạp tại cơ sở có lúc, có nơi còn chậm, chưa triệt để, nhất là tình hình vi phạm về đất đai, xây dựng công trình tôn giáo trái pháp luật. Công tác quản lý Nhà nước mặc dù được tăng cường, nhưng một số mặt còn hạn chế, khó khăn, nhất là quản lý người nước ngoài, quản lý nhân, hộ khẩu, quản lý ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT...

## III. KẾT QUẢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CÁC CẤP

## 1. Đánh giá về công tác tổ chức, chỉ đạo và điều hành

Hà Tĩnh đã thực hiện tốt, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2011 – 2020 trên các chỉ tiêu xây dựng ban hành văn bản, công tác tổ chức quán triệt thực hiện, tuyên truyền phổ biến rộng khắp đến toàn dân. Cụ thể như sau:

- Tỉnh đã sớm hình thành bộ máy chỉ đạo, tham mưu, giúp việc đồng bộ ở các cấp với sự tham gia của tất cả các thành phần trong hệ thống chính trị. Trưởng Ban Chỉ đạo là Bí thư tỉnh ủy, các Phó Trưởng ban Chỉ đạo là Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh và Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; các thành viên Ban Chỉ đạo gồm đầy đủ Giám đốc các sở, thủ trưởng các ngành, tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị và tổ chức chính trị xã hội. Hiện Hà Tĩnh đã nhập 3 Ban Chỉ đạo làm 1 Ban phụ trách chung cả 4 chương trình là xây dựng NTM, đô thị văn minh, Chương trình giảm nghèo bền vững và Chương trình Mỗi xã một sản phẩm nhằm đảm bảo sự thống nhất, phối kết hợp tốt giữa các chương trình, giúp các hoạt động được triển khai đồng bộ, tránh chồng chéo, giảm đầu mối, tạo thuận lợi trong công tác chỉ đạo, điều hành, đồng thời tạo ra sự quan tâm chung về phát triển nông thôn và đô thị, kết nối các hoạt động phát triển trong quá trình đô thị hóa diễn ra ngày càng nhanh, trong đó có nhiều xã ven đô sẽ trở thành đô thị.

Mỗi đơn vị/thành phần đều được phân công vai trò, trách nhiệm rõ ràng, gắn với hệ thống theo dõi, đánh giá thường xuyên đối với kết quả thực hiện. Giữa các cơ quan quản lý, cơ quan chuyên môn và các tổ chức chính trị - xã hội có quy chế phối hợp thực hiện Chương trình NTM. Tỉnh ủy và cấp ủy các huyện, thành, thị đều thành lập các Đoàn công tác chỉ đạo, giám sát tại các địa phương; các Sở, ban, ngành đều thành lập Tổ công tác do người đứng đầu đơn vị làm Tổ trưởng… Với hệ thống chỉ đạo, tham mưu, giúp việc đồng bộ và tạo được mối liên kết theo chiều ngang, chiều dọc, tỉnh Hà Tĩnh đã huy động được cả hệ thống chính trị vào cuộc mạnh mẽ và hiệu quả. Đặc biệt, trong những năm vừa qua, đội ngũ lãnh đạo và cán bộ, công chức của tỉnh, huyện thường xuyên sử dụng ngày cuối tuần để tiếp cận với cơ sở, trực tiếp hướng dẫn, hỗ trợ và kịp thời giải quyết các vướng mắc cho xã, thôn và người dân trong các hoạt động xây dựng NTM.

- Công tác tuyên truyền về nông thôn mới được thực hiện sâu rộng, đa dạng, đã góp phần làm chuyển biến nhận thức của đội ngũ cán bộ và người dân về Chương trình xây dựng nông thôn mới, từ đó tích cực, chủ động, tự giác tham gia với tinh thần, trách nhiệm, tự giác cao. Với sự vào cuộc của hệ thống chính trị, các tổ chức, địa phương, đơn vị, nhất là cơ quan tuyên giáo, Mặt trận Tổ quốc, các cơ quan báo chí, thông tin đại chúng... với nhiều hình thức phong phú, đã có tác động lớn, tiêu biểu như: Báo Hà Tĩnh hàng năm phát động Cuộc thi về chủ đề “Chung sức xây dựng nông thôn mới”; Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề về nông nghiệp, như: “Nông nghiệp - Nông thôn”, “Chuyện làng quê”, “Nông thôn mới”, "Đến với làng quê kiểu mẫu", “Nông thôn ngày mới”, “Câu chuyện sản phẩm"; Văn phòng Điều phối NTM tỉnh phối hợp với Trung tâm Văn hóa Điện ảnh tỉnh xây dựng Chương trình tuyên truyền văn nghệ xây dựng NTM, phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tổ chức nhiều chuyên mục, chuyên đề và tuyên truyền dưới nhiều hình thức khác[[18]](#footnote-18). Ngoài ra, còn tuyên truyền bằng hình thức sân khấu hóa, tổ chức các cuộc thi như Cuộc thi Khu dân cư NTM kiểu mẫu, Vườn mẫu, thi sáng tác thơ xây dựng nông thôn mới, sử dụng các mạng xã hội để tuyên truyền (hiện nay nhiều đơn vị cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã sử dụng mạng xã hội như nhóm zalo, viber để tuyên truyền, chỉ đạo có hiệu quả.

- Công tác đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ xây dựng NTM được chú trọng, trong đó có nội dung về văn hóa ứng xử trong cộng đồng nông thôn. Ngoài các nội dung đào tạo, tập huấn do Trung ương ban hành, tỉnh Hà Tĩnh còn xây dựng bổ sung các chuyên đề phù hợp với đặc thù của tỉnh, đưa các chuyên đề NTM vào các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị và quản lý nhà nước. Nội dung tập huấn về văn hóa ứng xử trong cộng đồng nông thôn, chú trọng đến công tác gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa, tạo sự gắn kết và đồng thuận trong cộng đồng, xây dựng đời sống nông thôn văn minh, hiện đại được chú trọng và triển khai đồng bộ. Đây là nền tảng để phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư nông thôn trong xây dựng NTM, là giải pháp sáng tạo và riêng có của Hà Tĩnh.

- Hà Tĩnh đã tổ chức nhiều phong trào thi đua chung sức xây dựng NTM có tính rộng khắp, huy động được cả hệ thống chính trị và xã hội vào cuộc "đồng thuận cao", "về đích sớm" giai đoạn 2011 – 2020. Các phong trào thi đua nổi bật trong xây dựng NTM của tỉnh, gồm: (i) Phong trào xây dựng khu dân cư NTM kiểu mẫu; (ii) Phong trào xây dựng Vườn mẫu đạt chuẩn; (iii) Mô hình xã đặc biệt khó khăn nỗ lực vươn lên trong xây dựng NTM; (iv) Phong trào xã đạt chuẩn đúng hạn và trước hạn; (v) Phong trào xã đạt chuẩn nâng cao; (vi) Phong trào thi đua xã đạt chuẩn kiểu mẫu; huyện đạt chuẩn NTM… Để khích lệ và thúc đẩy các phong trào thi đua trong xây dựng NTM, tỉnh Hà Tĩnh đã có nhiều chính sách và hình thức động viên, khen thưởng về cả vật chất và tinh thần cho cá nhân, tập thể đạt thành tích tốt. Việc trao bằng công nhận đạt chuẩn đối với các xã, huyện, trao giải Cuộc thi Khu dân cư NTM kiểu mẫu, Vườn mẫu, vinh danh các điển hình tiên tiến được tỉnh tổ chức trang trọng, được truyền hình trực tiếp, tạo hiệu ứng lan toản đến toàn dân. Trong công tác thi đua - khen thưởng, dựa trên kết quả chấm điểm khối lượng hoàn thành công việc trong kỳ (hàng năm), tỉnh Hà Tĩnh chú trọng khen thưởng các xã khó khăn có phấn đấu tốt, có khối lượng tăng thêm nhiều (mặc dù có thể chưa đạt chuẩn NTM) hoặc các xã đã đạt chuẩn nhưng vẫn thực hiện khối lượng lớn để nâng cấp, củng cố các tiêu chí. Điều này đảm bảo công bằng, tạo được động lực phấn đấu cho tất cả các nhóm xã và đảm bảo xây dựng NTM bền vững hơn.

- Về chính sách, Hà Tĩnh đã ban hành hệ thống cơ chế, chính sách đồng bộ, phù hợp từng giai đoạn, như: cơ chế huy động vốn và hỗ trợ nguồn vốn thực hiện Chương trình xây dựng NTM; chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản, khuyến khích tiêu thụ sản phẩm sản xuất trong tỉnh; chính sách thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm, chính sách hỗ trợ thành lập mới hộ kinh doanh, doanh nghiệp; hỗ trợ lãi suất vay vốn; chính sách bảo vệ môi trường; hỗ trợ xã khó khăn vừa đảm bảo được tăng trưởng, vừa đảm bảo phát triển đồng đều và hàm chứa tính nhân văn cao; cơ chế hỗ trợ xi măng làm đường giao thông, rãnh thoát nước và kênh mương nội đồng phát huy hiệu quả cao; cơ chế xây dựng huyện NTM…

## 2. Đánh giá kết quả và các giải pháp huy động nguồn lực

a) Tổng vốn huy động từ năm 2011 đến 31/12/2019 cho xây dựng NTM toàn tỉnh Hà Tĩnh đạt 69.757 tỷ đồng tỷ đồng. Trong đó: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ trực tiếp là 7.788 tỷ đồng, chiếm 11,2% (Ngân sách trung ương 1.834 tỷ đồng (2,6%), Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã): 5.954 tỷ đồng (8,6%); vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác: 9.165 tỷ đồng (chiếm 13,1%); vốn tín dụng là 33.561 tỷ đồng (chiếm 48,1%); vốn doanh nghiệp là 1.178 tỷ đồng (chiếm 1,7%); vốn huy động từ cộng đồng dân cư là 16.660 tỷ đồng, chiếm 23,9% (đóng góp tiền mặt, ngày công, tài sản quy ra tiền để xây dựng công trình phúc lợi là 9,4%, vốn nhân dân tự bỏ ra để phát triển sản xuất, chỉnh trang nhà cửa là 14,5%); vốn huy động khác là 1.405 tỷ đồng (chiếm 02%).

Riêng trong giai đoạn 2016-2020, tổng nguồn vốn huy động để triển khai Chương trình đạt 48.733 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách nhà nước: 6.668 tỷ đồng, chiếm 13,7% (Ngân sách Trung ương 1.926 tỷ đồng, Ngân sách địa phương 4.742 tỷ đồng);

- Vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án khác: 5.311 tỷ đồng (chiếm 10,9%);

- Vốn tín dụng: 23.335 tỷ đồng (chiếm 47,9%);

- Vốn doanh nghiệp: 784 tỷ đồng (chiếm 1,6%);

- Vốn huy động từ người dân, cộng đồng: 11.621 tỷ đồng (chiếm 23,9%);

- Vốn huy động khác: 1.014 tỷ đồng (chiếm 02%).

b) Các giải pháp huy động nguồn lực:

Tỉnh Hà Tĩnh chủ trương huy động tối đa các nguồn vốn để thực hiện xây dựng NTM, cụ thể là:

- Tỉnh đã ban hành khung định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước các cấp để thực hiện các nội dung công việc trong xây dựng NTM. Trong đó, quy định tỷ lệ hỗ trợ tối đa từ ngân sách nhà nước nhằm phát huy nội lực của cộng đồng dân cư, vận động nhân dân đóng góp sức người, hiến vật kiến trúc, cây lâu năm, quyền sử dụng đất… để góp phần cùng ngân sách nhà nước thực hiện các công trình. Đơn giản thủ tục xây dựng cơ bản, trao quyền cao hơn cho cơ sở, cộng đồng dân cư và cấp xã được chủ động quyết định lựa chọn nội dung công việc thực hiện phù hợp với điều kiện nguồn lực của mình;

- Ưu tiên ngân sách các cấp hỗ trợ trực tiếp thực hiện Chương trình, huy động đa dạng nguồn lực cho NTM, nhất là vốn xã hội hóa, phát huy hiệu quả nguồn vốn tín dụng, vốn đầu tư từ doanh nghiệp, phát huy vai trò chủ thể và huy động nguồn lực của người dân;

- Phân công cho các cơ quan nhà nước đóng trên đại bàn; có thư kêu gọi các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đỡ đầu, tài trợ cho các xã trong quá trình xây dựng NTM;

- Ưu tiên các xã đặt biệt khó khăn, xã biên giới, an toàn khu, bãi ngang, ven biển và hải đảo, xã nghèo được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng như các huyện nghèo.

*\* Về công tác xử lý nợ xây dựng cơ bản*: UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản. Xã để nợ đọng xây dựng cơ bản thì không công nhận đạt chuẩn và đã đạt chuẩn thì cũng xem xét thu hồi Bằng công nhận. Đến nay, toàn tỉnh không còn nợ đọng trong xây dựng NTM, trong quá trình thực hiện, các xã đảm bảo việc cân đối nguồn lực và không để phát sinh nợ đọng mới.

## 3. Kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020 các cấp

### 3.1. Kết quả thực hiện các mục tiêu, kế hoạch chung

- Đến nay, có cuối năm 2019, có 202/229 xã đạt chuẩn NTM (chiếm tỷ lệ 88%), sau khi sáp nhập xã có 155/182 xã đạt chuẩn (chiếm tỷ lệ 85%), đạt và vượt mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII giai đoạn 2015-2020 và vượt chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao trước 2,5 năm; có 08 xã đạt chuẩn NTM nâng cao thuộc 8 đơn vị cấp huyện; 6/13 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (Nghi Xuân, Can Lộc, Đức Thọ, Thạch Hà, thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh), 2 huyện: Lộc Hà, Vũ Quang có 100% số xã đạt chuẩn NTM; 428/1.647 thôn đạt chuẩn Khu dân cư NTM kiểu mẫu (chiếm tỷ lệ 26%), 5.244 vườn mẫu đạt chuẩn.

Dự kiến đến cuối năm 2020, có trên 170 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 15 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 8 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; trên 600 Khu dân cư NTM kiểu mẫu đạt chuẩn, trên 6.000 Vườn mẫu đạt chuẩn.

Tỷ lệ tiêu chí bình quân của tỉnh đạt 18,3 tiêu chí/xã, cao hơn so với bình quân chung của cả nước (16,2 tiêu chí/xã), dự kiến đến hết năm 2020 sẽ đạt khoảng 18,9 tiêu chí/xã, tăng 15,4 tiêu chí so với năm 2010.

### 3.2. Kết quả về xây dựng NTM cấp xã

Xây dựng NTM trên địa bàn cấp xã đã được tỉnh Hà Tĩnh chú trọng, tập trung các nguồn lực để triển khai, đến nay:

- Về quy hoạch: đã có 100% số xã đã đạt chuẩn về quy hoạch xây dựng NTM, 8/13 đơn vị cấp huyện hoàn thành quy hoạch vùng huyện.

- Về hạ tầng kinh tế xã hội: tỉnh đã tập trung đầu tư, xây dựng mới và nâng cấp hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, làm thay đổi diện mạo bộ mặt nông thôn, cơ bản đáp ứng được yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống của người dân. Đã có 155/182 xã đạt tiêu chí về giao thông (đạt 86,3%); 155/182 xã đạt tiêu chí Thủy lợi (đạt 85,2%); 181/182 xã đạt tiêu chí về Điện (đạt 99%); 162/182 xã đạt chuẩn tiêu chí về Trường học (đạt 92%); 155/182 xã đạt chuẩn tiêu chí về Cơ sở vật chất văn hóa (đạt 88%); 181/182 xã đạt tiêu chí về Cơ sở hạ tầng thương mại và tiêu chí về Thông tin và truyền thông (đạt 99%); 172/182 xã đạt tiêu chí về Nhà ở dân cư (đạt 95%).

- Về kinh tế: kinh tế nông thôn tỉnh Hà Tĩnh có sự tăng trưởng khá, cơ cấu lại ngành nông nghiệp bước đầu đạt được kết quả quan trọng; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông thôn có sự chuyển biến tích cực. Đã có 172/182 xã đạt tiêu chí về Thu nhập (đạt 94%); 175/182 xã có tỷ lệ hộ nghèo dưới 5% (đạt 96%); 181/182 xã đạt tiêu chí về lao động có việc làm (đạt 99%); 178/182 xã đạt tiêu chí về Tổ chức sản xuất (đạt 97%). Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt khoảng 33,25,5 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 4,53%, 28% số lao động đã qua đào tạo.

- Chất lượng y tế, văn hóa, giáo dục và môi trường nông thôn: đã có 100% xã đạt chuẩn tiêu chí về Giáo dục và Đào tạo; 180/182 xã đạt tiêu chí về Y tế (đạt 98%); 179/182 xã đạt chuẩn tiêu chí về Văn hóa (đạt 98%); 154/182 xã đạt chuẩn tiêu chí về Môi trường và An toàn thực phẩm (đạt 84%). Môi trường, cảnh quan nông thôn chuyển biến tích cực gắn với phong trào xây dựng Khu dân cư NTM kiểu mẫu và vườn mẫu.

- Hệ thống chính trị ở cấp xã được củng cố, an ninh, trật tự được giữ vững: đã có 171/182 xã đạt tiêu chí về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (đạt 94%); 178/182 xã đạt tiêu chí Quốc phòng và An ninh (đạt 97%). Chất lượng đội ngũ cán bộ cấp xã được nâng cao, 100% cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.

Toàn tỉnh còn 27 xã chưa đạt chuẩn NTM, tập trung ở vùng miền núi, khó khăn, gồm các huyện: Hương Khê (11 xã); Kỳ Anh (07 xã); Hương Sơn (05 xã); Cẩm Xuyên (02 xã) và thị xã Kỳ Anh (02 xã). Mức độ đạt chuẩn NTM ở các xã này từ 12-16 tiêu chí, tập trung vào những nội dung sau:

- 100% số xã còn lại chưa đạt tiêu chí hạ tầng về giao thông, cơ sở vật chất văn hóa; 15/27 xã (chiếm 55,6%) chưa đạt tiêu chí về Trường học; một số xã chưa đạt tiêu chí về Thủy lợi và Nhà ở dân cư.

- 100% số xã chưa đạt tiêu chí về Môi trường và An toàn vệ sinh thực phẩm, Khu dân cư NTM kiểu mẫu; khoảng 8/27 xã chưa đạt tiêu chí về thu nhập, một số xã chưa đạt tiêu chí về an ninh trật tự, hộ nghèo.

Cùng với đó, nhiều tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về NTM giai đoạn 2021-2025 sẽ được điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu trong giai đoạn mới, như: thu nhập, nước sạch, xử lý môi trường... sẽ yêu cầu các xã cần tập trung đầu tư nguồn lực để đạt được mục tiêu đạt chuẩn trong giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ vào định hướng của Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025, các xã nằm trong định hướng chung của tỉnh (khoảng 91 xã) đã cơ bản đáp ứng được các yêu cầu về tiêu chí (từ 70% trở lên). Tuy nhiên, cần phải tập trung vào một số vấn đề chính, gồm: nâng cao thu nhập của người dân (hiện nay thu nhập bình quân khá thấp so với cả nước); tổ chức sản xuất theo hướng tập trung, áp dụng công nghệ cao/cơ giới hóa...; áp dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng hành chính công; xử lý môi trường rác thải, nước thải sinh hoạt...

### 3.3. Kết quả về xây dựng NTM cấp huyện

Toàn tỉnh có 6 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, dự kiến cuối năm 2020 có thêm 2 huyện đạt chuẩn nông thôn mới; các đơn vị cấp huyện còn lại chủ yếu là khu vực miền núi, như: Hương Khê, Hương Sơn, Kỳ Anh.

Đối với các huyện còn lại, ngoài mục tiêu phải hoàn thành 100% số xã đạt chuẩn NTM, thì yêu cầu đặt ra là hoàn thành 09 tiêu chí NTM cấp huyện. Đến nay, nhìn chung các huyện mới đạt từ 4-5 tiêu chí, trong đó:

- Các tiêu chí nền về cơ sở hạ tầng: giao thông, thủy lợi, Y tế - Giáo dục - Văn hóa đều chưa đạt. Trong đó, nhiều huyện còn rất khó khăn, điển hình như: huyện Vũ Quang có 30,95/51,3km (chiếm 60,3%) đường cấp huyện chưa đạt chuẩn; huyện Cẩm Xuyên có 35% đường huyện chưa đạt chuẩn; tỷ lệ này ở huyện Hương Sơn là 61,3%... Nhiều công trình thủy lợi liên xã ở các huyện chưa được đầu tư đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã; phương án bảo vệ công trình thủy lợi liên xã chưa được lập, phê duyệt theo quy định;

- Về phát triển kinh tế, hầu hết các huyện đều sản xuất quy mô nhỏ, chưa hình thành được các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, đặc biệt là các yêu cầu liên quan đến sản xuất theo chuỗi giá trị;

- Vấn đề xử lý môi trường còn nhiều bất cập, đặc biệt là xây dựng các khu xử lý chất thải rắn chưa được triển khai thực hiện, nên việc thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn các huyện chưa đảm bảo quy định.

Về mục tiêu xây dựng huyện NTM nâng cao, kiểu mẫu, tỉnh Hà Tĩnh đã có 04 huyện đặt mục tiêu xây dựng huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025, gồm: Nghi Xuân, Thạch Hà, Can Lộc và Đức Thọ (02 huyện đã đạt chuẩn NTM, còn 02 huyện là Thạch Hà và Đức Thọ dự kiến đạt chuẩn tháng 6/2020). Với hiện trạng xây dựng NTM trên cơ sở định hướng Bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025, các địa phương cần tập trung vào những nội dung sau:

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống của người dân, trong đó: đầu tư cơ sở hạ tầng xử lý môi trường, đặc biệt là chất thải rắn và nước thải sinh hoạt; cơ sở hạ tầng đồng bộ các vùng sản xuất hàng hóa tập trung; cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công và quản lý nhà nước; nâng cấp và mở rộng các công trình nước sạch tập trung để nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch đạt chuẩn;

- Phát triển mạnh về sản xuất nhằm nâng cao thu nhập của người dân nông thôn, đạt mục tiêu thu nhập bình quân cao hơn so với mục tiêu của tỉnh (hơn 60 triệu đồng/người/năm). Đặc biệt, nâng cao chất lượng lao động, phát triển ngành nghề nông thôn, du lịch nông thôn gắn với lợi thế và quy hoạch vùng sản xuất của tỉnh;

- Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn theo quy định, đồng thời tập trung bảo tồn các di sản văn hóa, xây dựng đời sống văn hóa trong cộng đồng dân cư.

Về xây dựng NTM kiểu mẫu, hiện nay huyện Nghi Xuân đang xây dựng Đề án huyện đạt chuẩn NTM kiểu mẫu điển hình về văn hóa gắn với phát triển du lịch, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đây là cơ sở để tỉnh đạt được mục tiêu về xây dựng huyện NTM kiểu mẫu, góp phần hình thành vành đai kết nối giữa Hà Tĩnh với tỉnh Nghệ An, đặc biệt là phát triển du lịch và đô thị.

## 4. Sự hài lòng của người dân khu vực nông thôn trong xây dựng NTM

Xây dựng NTM của tỉnh Hà Tĩnh đã đạt được những kết quả rất nổi bật, đặc biệt là phát huy vai trò của người dân, cộng đồng, hướng đến sự hài lòng của người dân nông thôn, cụ thể như: thông qua phong trào xây dựng khu dân cư NTM kiểu mẫu, vườn mẫu, chính là giải pháp phát huy hiệu quả nhất vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư trong xây dựng NTM theo phương châm của tỉnh là *“dựa vào dân để lo cho cuộc sống của dân”*. Trong khi nhiều địa phương trong cả nước còn lúng túng tìm biện pháp thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng, thì Hà Tĩnh đã *chuyển từ “huy động cộng đồng” sang “phát triển cộng đồng”, đưa người dân từ vị trí “khách thể” trở thành “chủ thể” của xây dựng NTM*. Tiếp cận từ đơn vị thôn trong xây dựng khu dân cư NTM kiểu mẫu vừa khơi dậy được *nguồn lực* cộng đồng, vừa tạo ra *động lực* thi đua, đồng thời nâng cao *năng lực* và tăng cường *quyền lực* (vai trò, vị thế, tiếng nói) của cộng đồng trong quá trình thực hiện.

Xét trên khía cạnh văn hóa, các khu dân cư NTM kiểu mẫu của Hà Tĩnh đều gắn với một đơn vị thôn (làng cũ) là cách Hà Tĩnh đã nắm lấy một di sản văn hóa địa phương (văn hóa quản lý xã hội) để làm nền cho các hoạt động xây dựng NTM: truyền thống đoàn kết cộng đồng và tinh thần dân chủ xã, thôn xưa trở thành một chất kết dính mới cho các hoạt động xây dựng NTM hiện nay.

Theo kết quả khảo sát của Chương trình KHCN phục vụ xây dựng NTM và Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển nông nghiệp nông thôn (2019)[[19]](#footnote-19), người dân có tỷ lệ hài lòng rất cao về công tác triển khai xây dựng NTM: 98% hài lòng về *“công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin cho người dân về xây dựng NTM”*; 96% hài lòng về *“tính công khai, minh bạch trong các hoạt động xây dựng NTM”*; 96% hài lòng về *“việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, phát huy vai trò của người dân theo tinh thần dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ”*; 100% hài lòng về *“các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể tích cực, trách nhiệm, gương mẫu trong các hoạt động xây dựng NTM”*. Về việc phát huy vai trò, trách nhiệm của người dân: 98% hài lòng về *“được bình đẳng tham gia, thảo luận, góp ý về các nội dung xây dựng NTM”*; 97% hài lòng về *“việc huy động đóng góp của người dân bằng tiền, lao động, tài sản được thực hiện hợp lý, công bằng, công khai, minh bạch, trên tinh thần tự nguyện và đồng thuận, không tạo ra áp lực và khó khăn cho hộ”*; 99% hài lòng về *“cộng đồng dân cư địa phương hăng hái, tích cực, đoàn kết tham gia các hoạt động xây dựng NTM”*.

Đặc biệt, *100% số hộ được hỏi đều hài lòng về Chương trình xây dựng NTM* (88% rất hài lòng và 12% hài lòng). Bên cạnh đó, sự thay đổi căn bản ở khu vực nông thôn còn thể hiện qua những chuyển biến về tư duy, nhận thức của người dân. Trên 90% số hộ được hỏi đều cho biết mình có vai trò, trách nhiệm trong xây dựng NTM về: *tham gia ý kiến vào quy hoạch, kế hoạch, đề án NTM; tham gia ý kiến lựa chọn công trình, dự án; tham gia thực hiện các công trình, dự án; tham gia giám sát quá trình thực hiện; vận động mọi người cùng tham gia xây dựng NTM; góp tiền, góp sức xây dựng NTM…* Những con số nêu trên đã chứng minh: xây dựng NTM ở Hà Tĩnh nhận được sự hưởng ứng rất cao từ cộng đồng dân cư nông thôn.

## IV. THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ TRONG XÂY DỰNG NTM

## 1. Thành tựu nổi bật và nguyên nhân

### 1.1. Thành tựu nổi bật

- Diện mạo nông thôn thực sự được khởi sắc, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung đầu tư xây dựng, nhất là hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, nước sạch, từng bước đáp ứng yêu cầu sản xuất, đời sống nhân dân, tạo diện mạo mới khang trang ở nhiều địa phương, một số hạ tầng phúc lợi phát triển theo hướng hiện đại, gắn với phát triển đô thị. Đặc biệt, đã làm thay đổi căn bản khu vực nông thôn, nhất là so với xuất phát điểm của tỉnh vào năm 2010;

- Kinh tế nông thôn tăng trưởng khá, thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp đạt kết quả quan trọng; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ chuyển biến tích cực. Sản xuất nông nghiệp đã từng bước dịch chuyển sang hướng sản xuất hàng hóa, xác định được các sản phẩm hàng hóa chủ lực để phát triển. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tỉnh Hà Tĩnh năm 2019 đạt 33,25 triệu đồng, tăng gấp 3,93 lần so với năm 2010. Chênh lệch thu nhập giữa thành thị và nông thôn giảm nhanh, từ 2,03 lần năm 2010 còn 1,57 lần năm 2018, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 4,53%;

- Hệ thống các thiết chế văn hóa của xã, thôn, xóm góp phần thúc đẩy xây dựng và thực hiện tốt các phong trào văn hóa nông thôn, nâng cao mức hưởng thụ, tham gia hoạt động và sáng tạo văn hóa, văn hóa ứng xử trong cộng đồng NTM được hình thành khá rõ, nhất là ở các khu dân cư NTM kiểu mẫu đạt chuẩn;

- Chất lượng y tế, giáo dục được thay đổi rõ nét, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm tăng nhanh, đạt trên 87%, nhất là hình thức bảo hiểm tự nguyện. Chất lượng giáo dục toàn diện được giữ vững, đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi bền vững; đạt chuẩn phổ cấp giáo dục tiểu học mức độ 3; đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 bền vững;

- Cảnh quan, môi trường nông thôn có sự thay đổi tích cực; nhận thức, tư duy của người dân ngày càng thay đổi rõ, chuyển từ “thụ động”  sang “chủ động, phát huy cao vai trò chủ thể”. Kết quả xây dựng Khu dân cư NTM kiểu mẫu, vườn mẫu được khẳng định là chủ trương đúng đắn, hợp lòng dân, thiết thực, hiệu quả, đã tạo điều kiện tối đa cho người dân phát huy vai trò chủ thể của mình, tạo động lực trực tiếp cho người dân và cộng đồng dân cư tham gia, bởi lợi ích thiết thực, thiết thân mang lại; kinh tế hộ gia đình phát triển; môi trường sống được cải thiện; tình làng, nghĩa xóm gắn kết mật thiết hơn, từ đó đã tạo ra diện mạo mới cho khu vực nông thôn và cộng đồng dân cư, tạo ra xã đạt chuẩn NTM thuyết phục và bền vững hơn;

- Hệ thống chính trị được củng cố, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện hiệu quả ngày càng cao; bộ máy tổ chức từng bước được tinh gọn, hoạt động chuyên trách, chuyên nghiệp; đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở ngày càng được nâng cao cả về nhận thức chính trị, năng lực chuyên môn, nhất là ý thức, trách nhiệm.

### 1.2. Nguyên nhân của thành tựu

- Sự quyết tâm mạnh mẽ, với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị và cộng đồng dân cư, đặc biệt là cách làm đúng, kiên trì trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương. Trong tổ chức thực hiện, xác định rõ nội dung, lựa chọn công việc, kiên trì tổ chức thực hiện; việc phân công, phân nhiệm rõ ràng, xác định rõ vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Duy trì phong trào một cách thường xuyên, luôn luôn "giữ lửa" NTM.

- Tổ chức hệ thống Ban Chỉ đạo, bộ phận tham mưu giúp việc đồng bộ, đủ tầm, chuyên trách, chuyên nghiệp, làm việc với tâm huyết, trách nhiệm cao; quan tâm cao công tác tổ chức, bố trí, sắp xếp, luân chuyển cán bộ, như: đưa cán bộ cấp huyện về làm cán bộ chủ chốt cấp xã. Công tác đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ xây dựng NTM được đặc biệt chú trọng, trong đó có nội dung về văn hóa ứng xử trong cộng đồng nông thôn;

- Nhiều cách làm sáng tạo, hiệu quả để khơi dậy, phát huy vai trò của người dân, cộng đồng trong xây dựng NTM, điển hình là các chính sách: “nâng đầu đỡ cuối” (vừa hỗ trợ đến xã thuận lợi để đạt chuẩn, vừa quan tâm đến xã khó khăn để thu hẹp khoảng cách); xây dựng Khu dân cư NTM kiểu mẫu, vườn mẫu...[[20]](#footnote-20);

- Tổ chức có hiệu quả các phong trào thi đua, biểu dương và khen thưởng kịp thời những tổ chức, cá nhân làm tốt trong xây dựng NTM. Điển hình là giải pháp thu hồi Bằng công nhận đối với những xã có chuyển biến kém, sau khi đạt chuẩn không duy trì những kết quả đã đạt được, tránh tình trạng tự thỏa mãn sau khi đạt thành tích;

- Giải pháp huy động và sử dụng nguồn lực phù hợp, ngân sách nhà nước mang tính hỗ trợ, kích thích, thu hút các nguồn lực khác (nguồn trực tiếp xây dựng NTM ưu tiên các công việc ở thôn, xóm; hỗ trợ lãi vay phát triển sản xuất, phát triển vườn hộ ...); phát huy cao tính chủ động, dân chủ cơ sở, công khai, minh bạch, quản lý, sử dụng nguồn lực hiệu quả.

## 2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

### 2.1. Tồn tại, hạn chế

- Cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn chuyển dịch còn chậm, tốc độ tăng trưởng nông nghiệp chưa ổn định, thiếu bền vững, chiều sâu chưa rõ nét, đang chủ yếu phát triển theo chiều rộng, quy mô còn nhỏ; việc tích tụ, tập trung ruộng đất, sản xuất quy mô lớn gặp nhiều khó khăn; liên kết sản xuất, bảo quản sau thu hoạch, chế biến chưa nhiều; chất lượng, sức cạnh tranh, giá trị gia tăng nhiều sản phẩm còn thấp; an toàn thực phẩm đang là mối quan tâm của người tiêu dùng; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn chưa tạo được sự đột phá.

- Thu nhập và đời sống nhiều mặt của người nông dân nhìn chung còn thấp. Tỷ lệ hộ nghèo còn cao hơn so với mặt bằng chung của cả nước và chưa thực sự bền vững, nguy cơ tái nghèo cao. Lao động nông, lâm, ngư nghiệp chiếm tỷ trọng còn cao (51,07%), năng suất lao động thấp, chậm được cải thiện. Lao động ở nông thôn có xu hướng “già hóa”, "nữ hóa", sự thiếu hụt của lực lượng lao động trẻ nông nghiệp ngày càng hiện hữu.

- Môi trường nông thôn còn nhiều bất cập, các công trình xử lý rác thải còn thiếu đồng bộ, đặc biệt là vùng miền núi; tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt thấp, ngày càng gây ô nhiễm môi trường sống, sản xuất khu vực nông thôn.

- Hạ tầng nông thôn còn bất cập, nhất là xã miền núi, xã chưa đạt chuẩn; giao thông liên kết vùng, năng lực phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu của hệ thống thủy lợi ở một số địa phương còn nhiều hạn chế, ảnh hưởng lớn đến đời sống và sản xuất của người dân. Nhiều công trình hạ tầng còn thiếu tính chiến lược, chất lượng và hiệu quả sử dụng còn thấp, chưa tính đến việc sáp nhập đơn vị hành chính nên đã gây lãng phí lớn; việc chuẩn hóa, duy tu, bão dưỡng công trình chưa được quan tâm đúng mức.

- Các giá trị văn hóa truyền thống, di sản của địa phương chưa được phát huy so với tiềm năng và trở thành động lực của phát triển kinh tế, nhất là giá trị văn hóa phi vật thể chưa được phát huy trong cộng đồng, di sản văn hóa vật thể chưa được khai thác gắn với phát triển du lịch…

- Nguồn vốn ngân sách trực tiếp thực hiện Chương trình còn thấp so với yêu cầu; nguồn lực trong dân còn nhiều khó khăn; huy động doanh nghiệp đạt thấp.

- Nhận thức, tư duy của một bộ phận nông dân còn hạn chế, chậm thích nghi với cơ chế mới; lúng túng, bị động và chịu nhiều rủi ro trước tác động của mặt trái cơ chế thị trường, biến đổi khí hậu.

### 2.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Hà Tĩnh là một tỉnh nông nghiệp, có xuất phát điểm thấp, khi triển khai Chương trình MTQG xây dựng NTM (2010), bình quân mỗi xã chỉ đạt 3,5 tiêu chí, không có xã đạt trên 10 tiêu chí; hạ tầng kinh tế, xã hội còn hạn chế[[21]](#footnote-21); sản xuất nông nghiệp tăng trưởng chậm, thiếu bền vững; thu nhập bình quân khu vực nông thôn 8,46 triệu đồng; tỷ lệ hộ nghèo 23,91%, lại thường xuyên bị tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu. Nguồn thu ngân sách hàng năm của tỉnh ở mức thấp, nguồn lực trong dân còn nhiều hạn chế;

- Điều kiện thời tiết khí hậu khắc nghiệt, thiên tai ngày càng bất thường, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và nuôi trồng thủy sản diễn biến phức tạp, trong khi thị trường tiêu thụ nông sản không ổn định, giá nhiều mặt hàng nông sản xuống thấp;

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra ở một số huyện và cơ sở ở một số thời điểm chưa thường xuyên, thiếu sâu sát, hiệu quả chưa cao. Một số cấp ủy đảng, chính quyền, ban ngành chưa thực sự tập trung trong lãnh đạo, chỉ đạo, huy động cả hệ thống chính trị và toàn xã hội vào cuộc thực hiện;

- Kinh tế nông thôn dựa vào sản xuất nông nghiệp, điều kiện khó khăn, quy mô sản xuất nhỏ, nhiều vùng thuần chuyên canh lúa; thiếu quy hoạch và tổ chức triển khai vùng sản xuất chuyên canh gắn với lợi thế và thị trường. Nông dân ở nhiều nơi còn nặng về phương thức canh tác, sản xuất truyền thống, tư duy sản xuất hàng hóa kinh tế thị trường còn hạn chế; nhận thức về lợi ích của việc liên kết gắn bó lâu dài với doanh nghiệp chưa đầy đủ;

- Cơ chế, chính sách còn một số điểm chưa phù hợp, chưa đủ để khuyến khích, tạo động lực thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, số lượng doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp mặc dù tăng nhanh hơn trong mấy năm gần đây, nhưng còn chiếm tỷ trọng nhỏ. Chính sách phát triển các hình thức tổ chức sản xuất (HTX, THT) thiếu chiều sâu chất lượng và hiệu quả hoạt động, chưa thực sự trở thành bà đỡ để hỗ trợ kinh tế hộ phát triển.

## 3. Bài học kinh nghiệm

- Có quan điểm đúng đắn, kiên trì trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; xác định rõ xây dựng nông thôn mới là Chương trình có tác động lớn, toàn diện đến xã hội nông thôn; tỉnh đã huy động cả hệ thống chính trị và toàn xã hội vào cuộc một cách quyết liệt, với phương châm: *“Dựa vào dân để lo cuộc sống cho dân”, "Nâng đầu đỡ cuối, tất cả cùng tiến bộ, phát triển", "Dừng lại là rớt chuẩn", luôn quán triệt phương châm "Nông thôn mới có điểm khởi đầu, không có điểm kết thúc".*

- Quá trình thực hiện, phải đặc biệt quan tâm công tác tuyên truyền, vận động, đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức, ý thức của đội ngũ cán bộ, người dân và cộng đồng, tạo sự đồng thuận cao trong tổ chức thực hiện. Biết lựa chọn các nội dung trọng tâm, gắn với lợi ích thiết thực của người dân, cộng đồng và kiên trì tổ chức thực hiện; xây dựng mô hình, điển hình tốt, thuyết phục để nhân rộng; phải luôn biết "giữ lửa" cho phong trào xây dựng nông thôn mới.

- Có cơ chế, cách làm sáng tạo trong huy động nguồn lực, nhất là nguồn xã hội hóa; Ngân sách nhà nước chủ yếu mang tính hỗ trợ, kích hoạt, thưởng theo kết quả đầu ra; phân cấp, trao quyền chủ động cho cơ sở, người dân và cộng đồng; tăng cường sinh hoạt, đối thoại, phát huy cao dân chủ cơ sở; công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nguồn lực, bảo đảm sử dụng hiệu quả, tạo sự tin tưởng của người dân, cộng đồng và toàn xã hội.

- Ban Chỉ đạo nông thôn mới, Trưởng Ban là người đứng đầu cấp ủy các cấp, phải có đầy đủ các thành viên đại diện các tổ chức trong hệ thống chính trị; bộ máy tham mưu, giúp việc phải chuyên trách, chuyên nghiệp. Cán bộ làm nông thôn mới phải có năng lực, kinh nghiệm, phong cách làm việc tận tuỵ, hy sinh và luôn biết tìm tòi, sáng tạo; lấy kết quả đầu ra làm thước đo đánh giá, xếp loại tổ chức, cá nhân, phân công, bố trí cán bộ.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn và tháo gỡ khó khăn cho cơ sở; định kỳ đánh giá, chấn chỉnh kịp thời những yếu kém, lệch lạc, kiên quyết thu hồi Bằng công nhận đạt chuẩn nếu để "rớt" chuẩn. Quan tâm đúng mức việc sơ, tổng kết, khen thưởng, vinh danh các tập thể, cá nhân điển hình, tạo phong trào thi đua mạnh mẽ, rộng khắp.

# PHẦN 3. QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG TỈNH HÀ TĨNH ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

**I. BỐI CẢNH, YÊU CẦU TRONG XÂY DỰNG NTM**

Phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân gắn với xây dựng NTM của cả nước cũng như Hà Tĩnh trong giai đoạn 2021-2025 đứng trước bối cảnh và yêu cầu mới, bao gồm:

1. Đảng và Nhà nước tiếp tục dành sự quan tâm đặc biệt cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn với việc ưu tiên các nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi nhằm triển khai Chương trình MTQG xây dựng NTM. Yêu cầu xây dựng NTM phải đi vào chiều sâu, toàn diện và bền vững, gắn với mục tiêu nâng hơn nữa đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của người dân nông thôn, trong đó, ưu tiên hoàn thiện và cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu của các xã khó khăn, vùng sâu, vùng xa, thu hẹp khoảng cách nông thôn – thành thị, đồng bằng – miền núi;

2. Biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai diễn biến ngày càng phức tạp, tài nguyên cho phát triển nông nghiệp, nông thôn ngày càng bị thu hẹp, đòi hỏi năng lực mới và cách tiếp cận mới trong sử dụng tài nguyên và quản lý rủi ro nông nghiệp, nông thôn, hướng đến phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững;

3. Hội nhập quốc tế sâu rộng mang cơ hội mở rộng thị trường, thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, mở ra hướng phát triển cho các sản phẩm nông nghiệp theo hướng hàng hóa gắn với quản lý chất lượng và truy xuất nguồn gốc, nhưng cũng đặt ra yêu cầu, đòi hỏi cao hơn về tổ chức sản xuất, quản lý chất lượng... để cạnh tranh trên thị trường, hướng đến sự bền vững về mặt thị trường;

4. Những hạn chế, yếu kém nội tại của quy mô sản xuất nhỏ, còn manh mún, tổ chức sản xuất chưa hiệu quả, năng lực chế biến chưa tương xứng, sức cạnh tranh của sản phẩm chưa cao, chất lượng lao động nông nghiệp có xu hướng già hóa… sẽ vẫn là thách thức rất lớn lớn cho phát triển kinh tế khu vực nông thôn, đặc biệt là quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp;

5. Tác động của quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa đặt ra yêu cầu xây dựng NTM phải gắn với phát triển bao trùm, với kết nối nông thôn – đô thị, hạn chế những tác động tiêu cực của đô thị hóa (môi trường, lao động và văn hóa). Cùng với đó là yêu cầu bảo tồn và giữ vững các định chế xã hội (gia đình, cộng đồng), các giá trị văn hóa nông thôn, các biến đổi làng, xã và đời sống văn hóa, xã hội ở nông thôn một cách phù hợp và bền vững.

## II. QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHUNG

- Xây dựng tỉnh đạt chuẩn NTM với mục tiêu đặt lợi ích của người dân lên trên hết; nâng cao vai trò chủ thể và vị thế của người nông dân, tạo động lực mới, phát huy cao vai trò, giá trị cộng đồng; thu hẹp nhanh khoảng cách giữa các vùng, miền, giữa đô thị và nông thôn, quan tâm cao đối với các xã, thôn, bản khó khăn, đặc biệt khó khăn; đảm bảo tính kết nối; xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển đô thị văn minh, đô thị trong nông thôn và nông thôn trong đô thị.

Phát triển nhanh, mạnh, hiệu quả, bền vững. Phấn đấu đến năm 2025, Hà Tĩnh đạt mức khá trở lên trong khu vực Bắc Trung Bộ, thu nhập của người dân nông thôn gấp ít nhất 1,2 lần so với bình quân chung khu vực;

- Xây dựng nông thôn mới tỉnh Hà Tĩnh bền vững, dựa trên 3 nền tảng trọng tâm, đó là: Phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ, kết nối, từng bước theo hướng hiện đại và thích ứng với biến đổi khí hậu; phát huy tốt các giá trị văn hóa, cốt cách con người Hà Tĩnh, nông thôn hòa thuận; công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

- Phát triển nhanh kinh tế nông thôn gắn với chú trọng thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững gắn với thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến; đẩy mạnh phát triển du lịch gắn với lợi thế về văn hóa; kết nối với sự phát triển của các đô thị, khu công nghiệp. Ứng dụng nhanh các tiến bộ khoa học công nghệ, nhất là công nghệ số cả trong sản xuất, kinh doanh và quản lý, điều hành; xác định rõ những ngành nghề mang lại thu nhập cao, bền vững cho người dân.

- Xây dựng và quản lý tốt môi trường nông thôn, xây dựng mô hình nông nghiệp sinh thái gắn với du lịch, quan tâm cao xử lý rác thải và nước thải; nâng cao chất lượng, chiều sâu các Khu dân cư NTM kiểu mẫu, hướng đến xây dựng “Khu dân cư NTM thông minh”;

- Đảm bảo giữ vững an ninh, trật tự; củng cố và tăng cường hệ thống chính trị xã hội vững mạnh. Phát huy cao vai trò cấp ủy, cán bộ cơ sở tâm huyết, trách nhiệm.

## III. ĐIỀU KIỆN VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỤ THỂ

## 1. Điều kiện để tỉnh đạt chuẩn NTM

- 100% số huyện trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; đối với các huyện đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, phải đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- 100% số thị xã, thành phố trên địa bàn hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; đối với các thị xã, thành phố đã được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, phải đáp ứng đầy đủ mức hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Ít nhất 01 huyện đạt nông thôn mới nâng cao và 01 huyện đạt chuẩn NTM kiểu mẫu theo Bộ tiêu chí quốc gia giai đoạn 2021-2025

- Ít nhất 30% số xã đạt nông thôn mới nâng cao theo Bộ tiêu chí quốc gia xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025. Đối với các xã đã được công nhận đạt nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2016-2020, phải đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

- Ít nhất 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

- Đáp ứng các tiêu chí tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.

## 2. Định hướng bộ tiêu chí tỉnh NTM

Xây dựng tỉnh NTM tỉnh Hà Tĩnh phải quan tâm đến phát triển bao trùm và bền vững, tạo được sự kết nối liên vùng, giữa nông thôn và đô thị, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiệm cận với đô thị, kinh tế phát triển, đời sống nông thôn được nâng cao, cảnh quan và môi trường xanh, sạch, đẹp, xã hội văn minh, quan hệ cộng đồng gắn bó, mang bản sắc văn hóa đặc trưng của người Hà Tĩnh. Do vậy, định hướng một số tiêu chí trọng tâm như sau:

***(1) Quy hoạch xây dựng NTM***:

Tập trung rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch xây dựng NTM phù hợp với quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030; đảm bảo sự kết nối để nông thôn phát triển hướng tới đô thị và đô thị gắn với nông thôn, đặc biệt là quy hoạch sản xuất để mở rộng không gian phát triển, không gian kiến trúc, hạ tầng giữa đô thị và nông thôn.

***(2) Cơ sở hạ tầng kết nối và thích ứng với biến đổi khí hậu***

- Hoàn thiện hệ thống cơ sở giao thông đồng bộ và kết nối (nông thôn – đô thị, miền núi – đồng bằng) đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Phấn đấu 100% đường cấp tỉnh đạt chuẩn tối thiếu cấp IV, kết nối liên huyện, khu vực miền núi với đồng bằng và đô thị, kết nối giữa các vùng sản xuất tập trung sản phẩm chủ lực với khu vực chế biến và thị trường;

- Hoàn thiện hệ thống thủy lợi, đảm bảo kết nối, đồng bộ với hệ thống thủy lợi cấp huyện, đảm bảo mỹ quan, an toàn; nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu theo hướng: đảm bảo tiêu, thoát lũ và phòng hạn hán.

***(3) Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại, hội nhập và bền vững***

- Về phát triển kinh tế nông thôn: Với hiện trạng và lợi thế của tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh sẽ tập trung vào phát triển kinh tế nông thôn tổng hợp, trong đó tạo sự đột phá trong thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp (nhất là tích tụ, tập trung ruộng đất để hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung; chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao giá trị gia tăng); phát triển công nghiệp chế biến; nâng cao hiệu quả Chương trình OCOP; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; phát huy vai trò của cộng đồng, các giá trị văn hóa để phát triển du lịch nông thôn;

- Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nền nông nghiệp hiện đại, bền vững, phát triển các sản phẩm đặc sản, đặc hữu vùng miền, địa phương thành sản phẩm lợi thế, sản phẩm OCOP của tỉnh trong chuỗi giá trị nông sản quốc gia, theo 3 vùng sinh thái: i) Vùng trung du - miền núi[[22]](#footnote-22): tập trung cho phát triển kinh tế lâm nghiệp, cây ăn quả đặc sản, chăn nuôi đại gia súc, dược liệu, dó trầm, đặc biệt là các sản phẩm gỗ và chế biến từ gỗ; ii) Vùng ven biển[[23]](#footnote-23): phát triển khai thác và nuôi trồng thủy sản theo chuỗi bền vững, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, gắn với du lịch, dịch vụ, kết nối với các đô thị động lực; iii) Vùng đồng bằng[[24]](#footnote-24): tập trung phát triển các sản phẩm lúa, lạc, đậu, rau màu... theo hướng sản phẩm đặc sản;

- Lấy doanh nghiệp và hợp tác xã là hạt nhân trong phát triển nông nghiệp, ưu tiên thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp an toàn gắn với tiêu chuẩn theo vùng chuyên canh quy mô lớn; sản xuất theo chuỗi giá trị khép kín gắn sản xuất – chế biến – thị trường. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp, trong đó chú trọng theo mô hình liên kết sản xuất, nhất là chuỗi sản xuất, cung cấp nguyên liệu cho chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông sản;

- Phát triển ngành nghề truyền thống, triển khai hiệu quả Chương trình OCOP hướng đến nâng cao tiêu chuẩn, chất lượng, giá trị và thương hiệu các sản phẩm đặc sản, đặc trưng; gắn với phát triển du lịch nông thôn, tạo sự lan tỏa trong cộng đồng;

- Tập trung ưu tiên đầu tư phát triển công nghiệp chế biến tinh, sâu; đổi mới công nghệ, thiết bị, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (GHP, GMP, HACCP, ISO…), kết hợp tổ chức sản xuất, tiêu thụ, nâng cao giá trị gia tăng;

- Tập trung hoàn thiện hạ tầng khu, cụm công nghiệp; đẩy mạnh thu hút đầu tư các ngành nghề nông thôn, chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp vào sản xuất tại khu, cụm công nghiệp.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ nông sản. Xây dựng và phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng mẫu mã hàng hóa, chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm; bình chọn, tôn vinh các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp nông thôn chủ lực, tiêu biểu, gắn với phát triển sản phẩm OCOP.

Mục tiêu cụ thể, phấn đấu tốc độ tăng trưởng nông, lâm, thủy sản đạt trên 3%/năm; tốc độ tăng năng suất lao động nông nghiệp đạt trên 4%/năm; giá trị sản xuất nông nghiệp trên đơn vị diện tích đạt trên 130 triệu đồng/ha/năm; tỷ trọng giá trị sản xuất sản phẩm chủ lực của tỉnh đạt trên 60%, trong đó sơ chế, chế biến và đóng gói trên 30%; tỷ lệ diện tích sản xuất các sản phẩm chủ lực của tỉnh áp dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến, thích ứng với biển đổi khí hậu (Vietgap, hữu cơ, chăn nuôi an toàn sinh học, nuôi trồng thủy sản bền vững…) trên 50%; ít nhất 50% HTX hoạt động hiệu quả được xếp loại khá trở lên, hoạt động đa dịch vụ trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản, trong đó có ít nhất 30% có ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý; có ít nhất 03 sản phẩm chủ lực có nhà máy/doanh nghiệp tổ chức chế biến sâu với tỷ lệ ít nhất 50% sản lượng sản xuất trên địa bàn tỉnh…

**(4) Giáo dục và Y tế**

Nâng cao cơ sở vật chất và chất lượng giao dục cấp phổ thông trung học, đặc biệt là vùng miền núi; tăng cường chăm sóc sức khỏe cho người dân và nâng cao chất lượng kiểm soát dịch bệnh.

**(5) Văn hóa**

Tập trung phát huy hiệu quả các giá trị văn hóa con người Hà Tĩnh, đặc biệt là bảo tồn các di sản văn hóa, phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể gắn với cộng đồng, xây dựng sự đoàn kết, văn hóa làng xã trong cộng đồng dân cư nông thôn. Gắn việc bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể với phát triển du lịch, từng bước đưa văn hóa trở thành động lực để phát triển kinh tế.

Mục tiêu: 100% di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia, cấp tỉnh được bảo tồn, trùng tu và phát huy hiệu quả; 100% di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, cấp tỉnh được bảo tồn và phổ biến trong cộng đồng; tổ chức ít nhất 01 mô hình du lịch nông thôn gắn với phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa hiệu quả…

**(6) Việc làm – Thu nhập – Hộ nghèo**

Tăng cường đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho lao động nông thôn, phấn đấu đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo (bằng cấp, chứng chỉ) đạt tối thiểu 50%; tỷ lệ lao động nông nghiệp còn dưới 30%. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn bằng ít nhất 1,2 lần bình quân chung của vùng Bắc Trung Bộ; tỷ lệ nghèo đa chiều khu vực nông thôn dưới 2,5% vào năm 2025.

**(7) Môi trường và cảnh quan nông thôn**

Chú trọng vào công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt là xử lý rác thải, nước thải khu vực nông thôn; tiếp tục đẩy mạnh phong trào Khu dân cư NTM kiểu mẫu, vườn mẫu để xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp và văn minh; thúc đẩy cộng đồng tham gia chủ động trong xây dựng và bảo vệ cảnh quan môi trường trên địa bàn toàn tỉnh.

Mục tiêu cụ thể: 95% lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, phân loại và được xử lý đúng quy định; 100% các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề chấp hành đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; ít nhất 75% người dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn, trong đó 50% từ công trình nước sạch tập trung; 80% thôn đạt chuẩn Khu dân cư NTM kiểu mẫu và 50% hộ gia đình thu gom và có biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt…

**(8) Dịch vụ hành chính công**

Đầu tư cơ sở hạ tầng, cải cách hành chính, hiện đại hóa nhằm nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; tăng cường giới thiệu việc làm cho lao động nông thôn góp phần nâng cao thu nhập, đời sống cho người dân nông thôn.

Mục tiêu cụ thể: dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 toàn hệ thống, có ít nhất 75% thủ tục hành chính được giải quyết qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến; chỉ số PCI duy trì mức khá, chỉ số SIPAS đạt tối thiểu 85%...

**(9) An ninh trật tự**

Tăng cường các giải pháp đảm bảo an ninh, trật tự, áp dụng công nghệ trong giám sát, đảm bảo an ninh, trật tự, góp phần xây dựng nông thôn bình yên.

**(10)** **Chỉ đạo, điều phối thực hiện Chương trình xây dựng NTM**

Nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều phối và đội ngũ cán bộ triển khai Chương trình từ tỉnh đến huyện, xã, góp phần triển khai hiệu quả Chương trình.

Bộ tiêu chí tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn NTM định hướng với 10 tiêu chí và 45 chỉ tiêu, cụ thể như sau:

| **TT** | **Tên tiêu chí** | **Nội dung tiêu chí** | **Chỉ tiêu** |
| --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Quy hoạch** | 1.1. Có Quy hoạch tỉnh phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước giai đoạn 2021-2030 và được công bố công khai đúng quy định | Đạt |
| 1.2. Tổ chức và thực hiện quản lý phát triển hạ tầng, phát triển đô thị và kinh tế nông thôn (trọng tâm là nông nghiệp và du lịch nông thôn) theo đúng quy hoạch được phê duyệt | Đạt |
| **2** | **Cơ sở hạ tầng kết nối và thích ứng với biến đổi khí hậu** | 2.1. Tỷ lệ đường tỉnh đạt tối thiểu cấp IV, theo quy hoạch đạt chuẩn, có hệ thống rãnh thoát nước, điện chiếu sáng khi đi qua khu dân cư; được trồng cây bóng mát dọc bên đường | 100% |
| 2.2. Đường tỉnh đảm bảo kết nối tới các đơn vị cấp huyện trong tỉnh và kết nối đô thị, vùng kinh tế với khu vực nông thôn | Đạt |
| 2.3. Đường tỉnh đảm bảo thuận tiện và kết nối giữa vùng sản xuất hàng hóa với chế biến, thị trường đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực | Đạt |
| 2.4. Hệ thống thủy lợi do tỉnh quản lý đồng bộ với hệ thống thủy lợi của các đơn vị cấp huyện theo quy hoạch, đảm bảo an toàn, mỹ quan và thích ứng với biến đổi khí hậu | Đạt |
| 2.5. Hệ thống hồ chứa và thoát lũ đảm bảo đủ điều kiện để phòng, chống thiên tai | Đạt |
| **3** | **Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại, hội nhập và bền vững** | 3.1. Tỷ trọng giá trị sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh so với tổng giá trị sản xuất nông nghiệp | ≥ 60% |
| 3.2. Tỷ lệ diện tích sản phẩm chủ lực của tỉnh được tổ chức sản xuất tập trung, đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ, được cấp và được quản lý mã số vùng trồng chung trên toàn tỉnh bằng công nghệ hiện đại | ≥50% |
| 3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của tỉnh áp dụng biện pháp tưới tiết kiệm tiên tiến | ≥ 20% |
| 3.4. Tỷ lệ diện tích sản xuất các sản phẩm chủ lực của tỉnh áp dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến, thích ứng với biển đổi khí hậu (Vietgap, hữu cơ, chăn nuôi an toàn sinh học, nuôi trồng thủy sản bền vững…) | ≥ 50% |
| 3.5. Ít nhất 80% HTX hoạt động hiệu quả trong đó 40% được xếp loại khá trở lên, hoạt động đa dịch vụ trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản, ít nhất 30% có ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý | Đạt |
| 3.6. Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông lâm thủy sản được sản xuất theo mô hình liên kết chuỗi giá trị | ≥ 35% |
| 3.7. Tỷ lệ sản lượng sản phẩm chủ lực cấp tỉnh được sơ chế, chế biến, đóng gói trên địa bàn tỉnh | ≥ 30% |
| 3.8. Có ít nhất 3 sản phẩm chủ lực có nhà máy/doanh nghiệp tổ chức chế biến sâu sản phẩm với tỷ lệ ít nhất 50% sản lượng được chế biến | Đạt |
| 3.9. Có ít nhất 300 sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận đạt chuẩn OCOP 3 sao trở lên, trong đó ít nhất 20% đạt chuẩn 4 sao và 5% đạt chuẩn 5 sao. | Đạt |
| 3.10. Có Trung tâm sản phẩm OCOP và sản phẩm nông sản của tỉnh, có kết nối liên tỉnh; có hệ thống bán hàng điện tử hiện đại, quy mô liên tỉnh | Đạt |
| 3.11. Tỷ lệ lấp đầy ở các khu, cụm công nghiệp đạt tối thiểu 70% | Đạt |
| 3.12. Có ít nhất 3 mô hình du lịch (du lịch văn hóa, du lịch trải nghiệm (sản xuất nông nghiệp, làng nghề) và du lịch nông thôn mới) hoạt đông hiệu quả, trong đó có mô hình kết nối với tuyến du lịch liên huyện hoạt động hiệu quả | Đạt |
| 3.13. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ số hiệu quả | Đạt |
| **4** | **Giáo dục và Y tế** | 4.1. Tỷ lệ trường THPT đạt chuẩn quốc gia tối thiểu mức độ 1: ≥80%; Trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh đạt tiêu chuẩn kiểm định tối thiểu cấp độ 1 | Đạt |
| 4.2. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh đạt chuẩn quốc gia | Đạt |
| **5** | **Văn hóa** | 5.1. Trung tâm Văn hóa, Thể thao tỉnh đạt chuẩn; ở tỉnh có các hoạt động văn hóa - thể thao phù hợp kết nối với các đơn vị cấp huyện hiệu quả | Đạt |
| 5.2. Tỷ lệ di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia, cấp tỉnh được bảo tồn, trùng tu và phát huy giá trị | 100% |
| 5.3. Có ít nhất 01 mô hình/huyện tổ chức du lịch nông thôn gắn với phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa hiệu quả | Đạt |
| 5.4. 100% các di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, cấp tỉnh được bảo tồn và phổ biến trong cộng đồng; và có ít nhất 01 di sản trở thành sản phẩm du lịch phổ biến trên địa bàn tỉnh | Đạt |
| **6** | **Việc làm -Thu nhập - Hộ nghèo** | 6.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (có bằng cấp, chứng chỉ) | ≥ 40% |
| 6.2. Tỷ lệ lao động nông nghiệp | ≤ 30% |
| 6.3. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn gấp ít nhất 1,2 lần bình quân chung của vùng Bắc Trung Bộ | Đạt |
| 6.4. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều khu vực nông thôn giai đoạn 2021-2025 | ≤ 2,5% |
| **7** | **Môi trường và cảnh quan nông thôn** | 7.1. Có khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung quy mô cấp tỉnh hoặc liên huyện nằm trong quy hoạch, áp dụng công nghệ thân thiện với môi trường, đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường; tối thiểu 95% chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh được thu gom, phân loại và xử lý đúng quy định; đối với xử lý bằng biện pháp chôn lấp, tối đa không quá 15% tổng lượng rác được xử lý | Đạt |
| 7.2. Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường | 100% |
| 7.3. Tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn từ quy chuẩn QCVN 02: 2009/BYT trở lên tối thiểu 75%, trong đó từ công trình cấp nước tập trung tối thiểu 50% | Đạt |
| 7.4. Tỷ lệ hộ gia đình có nước thải sinh hoạt được thu gom, có biện pháp xử lý phù hợp | ≥ 50% |
| 7.5. Tỷ lệ thôn đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu | ≥ 60% |
| 7.6. Có mô hình khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu thông minh | Đạt |
| **8** | **Dịch vụ hành chính công** | 8.1. Có hạ tầng mạng cáp quang đến tất cả các thôn; có mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II; có cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kết nối mạng chuyên dùng phục vụ hội nghị trực tuyến liên thông 3 cấp (tỉnh, huyện, xã) | Đạt |
| 8.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 toàn hệ thống 3 cấp (tỉnh, huyện, xã); tỷ lệ thủ tục hành chính giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến đạt tối thiểu 75% | Đạt |
| 8.3. Chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) được uy trì ở tốp khá trở lên (tối thiểu đạt 65 điểm). | Đạt |
| 8.4. Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) của tỉnh Hà Tĩnh đạt tối thiểu 85% | Đạt |
| 8.5. Trung tâm dịch vụ việc làm của tỉnh hoạt động hiệu quả theo quy định của Bộ Lao động, Thương binh và xã hội | Đạt |
| **9** | **An ninh, trật tự** | 9.1. Đảm bảo an ninh, trật tự xã hội và bình yên trên địa bàn toàn tỉnh | Đạt |
| 9.2. Có mô hình giám sát, đảm bảo an ninh, trật tự áp dụng công nghệ tiên tiến hoạt động hiệu quả | Đạt |
| **10** | **Chỉ đạo, điều phối thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới** | 10.1. Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình nông thôn mới tỉnh được kiện toàn tổ chức đảm bảo đưa cả hệ thống chính trị vào cuộc và hoạt động hiệu quả | Đạt |
| 10.2. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh và cấp huyện được tổ chức và hoạt động chuyên trách, chuyên nghiệp, hiệu quả. | Đạt |

# PHẦN 4. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG TỈNH HÀ TĨNH ĐẠT CHUẨN NTM ĐẾN NĂM 2025

## I. MỤC TIÊU

## 1. Mục tiêu chung

Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và vai trò chủ thể của người dân nông thôn, xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn từng bước hiện đại, kết nối với đô thị, thu hẹp khoảng cách vùng, miền và thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển nông nghiệp và ngành nghề nông thôn hiện đại, phù hợp với lợi thế của từng vùng; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với cộng đồng và du lịch nông thôn; đảm bảo môi trường và cảnh quan nông thôn xanh, sạch và bền vững.

Phấn đấu đến năm 2025, tỉnh Hà Tĩnh hoàn thành đầy đủ các điều kiện, tiêu chí và được Thủ tướng Chính phủ công nhận là “Tỉnh đạt chuẩn NTM”.

### 2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Có 100% số xã đạt chuẩn NTM, ít nhất 30% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao và ít nhất 10 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025; 60% số thôn đạt chuẩn Khu dân cư NTM kiểu mẫu và hơn 12.000 vườn mẫu;

- 13/13 đơn vị cấp huyện huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM;

- Có ít nhất 1 huyện đạt chuẩn NTM nâng cao và 1 huyện đạt chuẩn NTM kiểu mẫu;

- Hà Tĩnh trở thành tỉnh ít nhất đạt mức khá ở khu vực Bắc Trung Bộ, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn gấp ít nhất 1,2 lần so với bình quân chung vùng Bắc Trung Bộ;

- Ngành nông, lâm và thủy sản chuyển dịch theo hướng hiện đại, bền vững với tốc độ tăng trưởng bình quân 3%/năm (2021-2025); tỷ trọng giá trị sản xuất sản phẩm chủ lực của tỉnh đạt trên 60%; tỷ lệ sản lượng sản phẩm chủ lực được sơ chế, chế biến và đóng gói ít nhất 30%; ít nhất 50% diện tích các sản phẩm chủ lực áp dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến, thích ứng với biển đổi khí hậu; ít nhất 80% HTX hoạt động hiệu quả trong đó 40% được xếp loại khá trở lên, có ít nhất 30% HTX có ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý;

- Có tối thiểu 300 sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận đạt chuẩn OCOP, trong đó có 20% sản phẩm 4 sao, 5% sản phẩm đạt chuẩn 5 sao.

- 100% di sản văn hóa – lịch sử của tỉnh được bảo tồn và phát huy hiệu quả; 100% di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, cấp tỉnh được bảo tồn và phổ biến trong cộng đồng; có ít nhất 01 di sản trở thành sản phẩm du lịch phổ biến trên địa bàn tỉnh;

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95%, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều dưới 2,5% (sau khi trừ đối tượng bảo trợ xã hội dưới 1,5%);

- 95% chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh được thu gom, phân loại và xử lý đúng quy định; 50% hộ gia đình có nước thải sinh hoạt được thu gom, có biện pháp xử lý phù hợp; 75% người dân sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn, trong đó ít nhất 50% từ công trình nước sạch tập trung;

- Nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, trong đó: có dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 toàn hệ thống 3 cấp (tỉnh, huyện, xã); tỷ lệ thủ tục hành chính giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến đạt tối thiểu 75%; chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đạt loại khá; chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 85%.

## II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN

## 1. Phạm vi

Phạm vi của Đề án: Trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

## 2. Đối tượng triển khai Đề án

a) Đối tượng thụ hưởng: Là người dân, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn.

b) Đối tượng thực hiện: Hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và toàn xã hội, trong đó, chủ thể thực hiện chính là người dân trên địa bàn nông thôn.

## III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

## 1. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng xây dựng NTM cấp xã, huyện đi vào chiều sâu và bền vững

### 1.1. Tập trung đầu tư, hoàn thiện hệ thống hạ tầng cơ sở thiết yếu để hoàn thành xây dựng NTM các xã ở vùng khó khăn, miền núi và ven biển

Tập trung, ưu tiên nguồn lực hỗ trợ 25 xã khó khăn, miền núi (huyện Hương Khê (11 xã); Kỳ Anh (07 xã); Hương Sơn (05 xã) và thị xã Kỳ Anh (02 xã)) chưa đạt chuẩn hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu để đạt chuẩn NTM vào năm 2023, trong đó:

a) Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội:

- Đầu tư mới, nâng cấp 310,6 km đường giao thông trục xã, trục thôn, liên thôn và ngõ xóm, hệ thống rãnh thoát nước và cảnh quan đảm bảo sáng, xanh, sạch đẹp đảm bảo đời sống dân sinh, phát triển sản xuất của người dân;

- Tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện hạ tầng, cơ sở vật chất trường học. Trong đó, tập trung ưu tiên cho 52 trường học của các xã chưa đạt chuẩn tiêu chí trường học (20 trường Mầm non, 16 trường Tiểu học, 12 trường Trung học cơ sở và 4 trường liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở) đáp ứng yêu cầu trường có cơ sở vật chất, thiết bị đạt chuẩn quốc gia theo quy định;

- Đầu tư cơ sở vật chất văn hóa và y tế, trong đó đầu tư, nâng cấp 10 trạm y tế cấp xã; cơ sở vật chất văn hóa từ xã đến thôn, bản (10 nhà văn hóa xã, 28 khu thể thao, sân vận động xã, 28 công trình vui chơi giải trí xã; xây mới 40 nhà văn hóa thôn, 60 khu thể thao thôn);

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng thủy lợi và phòng chống thiên tai, tập trung nâng cấp và sửa chữa 09 hồ đập[[25]](#footnote-25) bị hư hỏng xuống cấp trên địa bàn các xã, có nguy cơ cao mất an toàn cho người dân; duy tu, sửa chữa và hoàn thiện hệ thống thủy lợi nội đồng đảm bảo điều kiện tưới, tiêu và phòng chống thiên tai;

b) Nâng cao thu nhập, bảo vệ môi trường nông thôn

- Phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với lợi thế, thế mạnh của các địa phương theo hướng an toàn, trong đó ưu tiên phát triển cây ăn quả, cây chè, phát triển chăn nuôi gia súc đảm bảo an toàn sinh học và Chương trình OCOP;

- Rà soát và tổ chức lại hoạt động của các hợp tác xã, đảm bảo hoạt động hiệu quả và nâng cao năng lực liên kết sản xuất gắn với chuỗi giá trị, chế biến và thị trường; ưu tiên đẩy mạnh các mô hình vườn mẫu hiệu quả để nâng cao thu nhập cho người dân gắn với lợi thế các sản phẩm địa phương;

- Tập trung đẩy mạnh phong trào xây dựng Khu dân cư NTM kiểu mẫu, vườn mẫu, đảm bảo mỗi xã có tối thiểu 02 khu dân cư NTM kiểu mẫu và 20 vườn mẫu;

- Đầu tư, nâng cấp và tổ chức quản lý hiệu quả các công trình nước sạch tập trung ở những xã có điều kiện; hỗ trợ, vận động người dân nâng cấp, sửa chữa các công trình nước sách hộ gia đình ở các khu dân cư phân tán, không tập trung;

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, vận động người dân, doanh nghiệp thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường (gắn với tổ chức cộng đồng trong khu dân cư) và sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm; tổ chức hiệu quả các mô hình thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt ở khu dân cư hiệu quả.

### 1.2. Nâng cao chất lượng xây dựng NTM ở các xã đã đạt chuẩn, đảm bảo đi vào chiều sâu và bền vững

Các xã đã đạt chuẩn NTM có kế hoạch xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, chú trọng phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập, cải thiện môi trường và đời sống tinh thần cho người dân nông thôn. Trong đó:

- Tập trung rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng cấp xã phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng huyện; đặc biệt ưu tiên định hướng về quy hoạch phát triển sản xuất gắn với sản phẩm chủ lực cấp tỉnh; lập mới hoặc rà soát quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung;

- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và duy trì chất lượng Khu dân cư NTM kiểu mẫu, vườn mẫu gắn với xây dựng đường giao thông (trục xã, thôn, xóm) đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp và an toàn;

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã gắn với áp dụng cơ giới hóa đồng bộ và sử dụng công nghệ quản lý; nâng cao vai trò của hợp tác xã trong tổ chức chuỗi giá trị liên kết với doanh nghiệp. Đẩy mạnh xây dựng các mô hình sản xuất sản phẩm chủ lực áp dụng công nghệ cao, quy trình quản lý chất lượng tiên tiến nhằm nâng cao giá trị sản phẩm chủ lực; bảo tồn và phát triển các làng nghề, sản phẩm đặc sản gắn với chương trình mỗi xã một sản phẩm;

- Cải tạo, xây mới và tổ chức quản lý hiệu quả các công trình nước sạch tập trung; hỗ trợ hộ gia đình đầu tư, xây dựng các công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo vệ sinh môi trường;

- Triển khai phong trào hộ gia đình “phân loại rác tại nguồn” ở tất cả các địa phương trên địa bàn tỉnh, phấn đấu tăng lượng chất thải thu hồi để tái chế hoặc chế biến chất thải hữu cơ ở đô thị là 10% và ở nông thôn là 30%.

- Đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ công gắn với hệ thống dịch vụ công trực tuyến; xây dựng các mô hình giám sát và đảm bảo an ninh, trật tự áp dụng công nghệ.

### 1.3. Đẩy mạnh xây dựng và hoàn thành các tiêu chí NTM cấp huyện

Ưu tiên nguồn lực hỗ trợ 05 đơn vị cấp huyện là: Vũ Quang, Hương Sơn, Kỳ Anh, Hương Khê và thị xã Kỳ Anh hoàn thiện 4-5 tiêu chí để đạt chuẩn NTM cấp huyện, trong đó tập trung vào các tiêu chí: Quy hoạch, giao thông, thủy lợi, môi trường và sản xuất. Cụ thể:

- Hoàn thiện và phê duyệt quy hoạch vùng huyện của các huyện Vũ Quang, Cẩm Xuyên, Hương Sơn, Kỳ Anh và Hương Khê, phù hợp với định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả tỉnh giai đoạn 2021-2030;

- Xây dựng, nâng cấp ít nhất 01 công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt;

- Đầu tư làm mới, nâng cấp 396,96 km đường huyện, đường liên xã để đạt chuẩn, ưu tiênvà tập trung các huyện có tỷ lệ đạt chuẩn thấp như: Vũ Quang, Hương Sơn, Kỳ Anh nhằm phục vụ phát triển sản xuất, đời sống và kết nối các vùng có điều kiện khó khăn;

- Hoàn thiện, bảo trì, tu bổ hệ thống cơ sở hạ tầng thủy lợi liên xã, hệ thống kênh mương nội đồng ở các huyện; nạo vét, kiên cố một số trục tiêu chính liên xã như: Trục tiêu sông Quèn - Kênh Xô Viết (huyện Cẩm Xuyên), Trục tiêu Đồng Nhà Ngâm (huyện Vũ Quang), Kênh Nhà Lê (huyện Kỳ Anh)...; nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Ma Leng (huyện Hương Khê), hồ Cao Thắng (huyện Hương Sơn).

- Đầu tư, cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng văn hóa, y tế và giáo dục cho các công trình cấp huyện, trong đó tập trung: Trung tâm Văn hóa – Thể thao cấp huyện và hệ thống cơ sở hạ tầng phụ trợ của 05 huyện; phòng học, cơ sở vật chất cho một số trường THPT của các huyện Vũ Quang, Cẩm Xuyên và Hương Khê; nâng cấp cơ sở vật chất của các Trung tâm Y tế/Bệnh viện tuyến huyện (Hương Khê, Hương Sơn, Vũ Quang, Cẩm Xuyên) đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu về dự phòng, khám chữa bệnh cho người dân.

- Xây dựng, đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung cấp tỉnh, cấp huyện, liên xã, ưu tiên các huyện chưa có hạ tầng như: Vũ Quang, Hương Khê và Hương Sơn; xây dựng và hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các khu, cụm công nghiệp huyện Cẩm Xuyên, các làng nghề tại các địa phương; Tăng cường tuyên truyền, vận động và hỗ trợ hộ gia đình xây dựng hệ thống thu gom, áp dụng biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt.

- Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung tại huyện Hương Khê; cải tạo và nâng cấp các công trình nước sạch, đảm bảo khả năng tiếp cận nước sạch đạt chuẩn cho người dân;

- Phát triển sản phẩm chủ lực theo định hướng các vùng tập trung có lợi thế (cây ăn quả, chăn nuôi gia súc, lúa ở 03 huyện miền núi; thủy sản, rau củ ở 03 huyện ven biển) theo hướng xây dựng vùng sản xuất tập trung, cấp mã vùng trồng, mở rộng quy mô sản xuất và liên kết theo chuỗi giá trị và sản xuất theo tiêu chuẩn. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình OCOP, tập trung phát triển sản phẩm mới và củng cố, nâng cấp các sản phẩm đã đạt tiêu chuẩn OCOP.

- Tập trung làm tốt công tác nắm và dự báo tình hình trên địa bàn, đặc biệt là tại các địa bàn trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự để giải quyết dứt điểm các vấn đề phát sinh có liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

### 1.4. Nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM cấp huyện theo hướng bền vững

Các huyện đã đạt chuẩn NTM, có kế hoạch xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, tập trung nguồn lực để phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập, cải thiện môi trường và đời sống tinh thần cho người dân nông thôn. Trong đó:

- Nâng cao chất lượng hạ tầng giao thông các tuyến đường huyện, liên xã, đảm bảo an toàn, sáng – xanh – sạch – đẹp, đảm bảo sự kết nối liên thông giữa vùng sản xuất – thị trường, khu vực nông thôn với trung tâm kinh tế - đô thị trên địa bàn huyện;

- Đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ các vùng sản xuất tập trung, các sản phẩm chủ lực cấp tỉnh (tập trung vào sản phẩm gắn với vùng đồng bằng, đô thị như: rau màu, lúa, lạc và chăn nuôi an toàn), đặc biệt là hệ thống giao thông nội đồng, thủy lợi, điện; đáp ứng các yêu cầu để áp dụng cơ giới hóa và áp dụng công nghệ cao;

- Nâng cao hiệu quả các hợp tác xã và doanh nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào sản xuất nhằm phát triển các sản phẩm an toàn, tiêu chuẩn để gắn với thị trường đô thị, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh;

- Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng về môi trường, đặc biệt là các công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung ở quy mô cấp tỉnh, cấp huyện; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, hỗ trợ hộ gia đình xây dựng hệ thống các công trình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình; triển khai phân loại rác thải tại nguồn; hỗ trợ trang thiết bị cho các tổ chức thu gom rác thải sinh hoạt hoạt động hiệu quả, đảm bảo vệ sinh môi trường. Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề. Nâng cao chất lượng và mở rộng xây dựng Khu dân cư NTM kiểu mẫu, vườn mẫu gắn với cảnh quan, vệ sinh môi trường nông thôn đảm bảo xanh sạch đẹp, bảo đảm an ninh, trật tự;

- Bảo tồn các di sản văn hóa - lịch sử, thúc đẩy các phong trào văn hóa trong cộng đồng gắn với các di sản văn hóa phi vật thể của địa phương; thúc đẩy du lịch NTM (du lịch văn hóa, trải nghiệm) ở các huyện có điều kiện, như: Nghi Xuân, Can Lộc...

- Huyện Nghi Xuân căn cứ Đề án xây dựng huyện đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, điển hình về văn hóa gắn với phát triển du lịch, xây dựng kế hoạch và lộ trình cụ thể, tổ chức thực hiện có hiệu quả đảm bảo đạt chuẩn vào năm 2025.

## 2. Xây dựng NTM cấp tỉnh kết nối đô thị, nâng cao chất lượng bảo vệ môi trường và cảnh quan nông thôn

***Mục tiêu:*** Nâng cấp, hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển đô thị; kết nối liên xã, liên huyện; mở rộng và hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng trung tâm cấp huyện, trong đó chú trọng đầu tư hình thành và phát triển hệ thống cung ứng, kết nối nông sản hiện đại cấp huyện, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu. Phát triển kinh tế nông thôn gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo quy hoạch nhằm phát huy lợi thế của các vùng; bảo tồn và nâng cao các giá trị văn hóa – lịch sử, trở thành động lực trong phát triển du lịch, đời sống cộng đồng dân cư; nâng cao chất lượng bảo vệ môi trường, đặc biệt là xử lý rác thải, nước thải, thúc đẩy mạnh mẽ và nâng chất các Khu dân cư NTM kiểu mẫu, vườn mẫu; nâng cao chất lượng môi trường phục vụ nhân dân, doanh nghiệp gắn với áp dụng công nghệ thông tin và hệ thống kết nối đồng bộ.

### 2.1. Đầu tư, nâng cấp để hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cấp tỉnh, đảm bảo kết nối và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Hoàn thiện và đẩy nhanh tiến độ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước;

- Đầu tư và nâng cấp hệ thống giao thông (đường tỉnh) đạt chuẩn cấp IV để đảm bảo lưu thông liên huyện, kết nối giữa vùng miền núi – đồng bằng và các trung tâm đô thị của tỉnh, trong đó:

+ Nâng cấp, làm mới tối thiểu 87,2 km đường tỉnh đạt chuẩn cấp IV; mở rộng 02 đơn nguyên cầu (cầu Thạch Đồng, thành phố Hà Tĩnh và cầu Hương Đại, huyện Vũ Quang), hoàn thành cầu Thọ Tường và đường hai đầu cầu, đảm bảo lưu thông thông suốt giữa các huyện và thành phố Hà Tĩnh;

+ Đầu tư 4 tuyến đường kết nối các trục chính và kết nối vùng (liên huyện và các huyện miền núi với các huyện trung tâm đồng bằng) đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, gồm:

*(1)* Đường Hàm Nghi kéo dài kết nối với đường cao tốc và tuyến nhánh đường QL.8C dài 3,4km;

*(2)* Tuyến đường dài 6,5 km nối Quốc lộ 1 tại ngã ba Thạch Long đi đường tỉnh ĐT.549, đảm bảo kết nối hạ tầng giao thông giữa huyện Thạch Hà với huyện Lộc Hà, kết nối QL.1 với đường tỉnh ĐT.549 và đường ven biển, phục vụ công tác cứu hộ cứu nạn công trình thủy lợi Para Đò Điệm;

*(3)* Đường đi Khu du lịch biển Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh dài 6,7 km, nối Quốc lộ 1 với khu dịch vụ - du lịch dọc theo bờ biển huyện Kỳ Anh; góp phần phát triển kinh tế xã hội của vùng, thương mại du lịch và dịch vụ, thu hút các nhà đầu tư vào khu du lịch biển Kỳ Xuân;

*(4)* Nâng cấp cải tạo mặt đường, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đường Nguyễn Công Trứ (ĐT.549 cũ nối dài) đoạn từ giao đường Nguyễn Huy Lung đến cầu Hộ Độ dài 4,42 km và bổ sung 01 đơn nguyên cầu Hộ Độ.

- Đầu tư hệ thống thủy lợi cấp tỉnh, đảm bảo đồng bộ và tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, đặc biệt là thoát lũ và chống hạn hán, gồm:

+ Ưu tiên nguồn lực đầu tư xây dựng hoàn thành tuyến kênh Hương Sơn và tuyến kênh Cầu Động thuộc hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang để cấp nước cho một số xã thuộc huyện Vũ Quang và huyện Hương Sơn; xây dựng hồ chứa nước Trại Dơi (Vũ Môn), góp phần giảm lũ cho các xã dọc sông Ngàn Sâu, đồng thời bổ sung nguồn nước cho đập dâng Sông Tiêm cung cấp nước cho sản xuất, dân sinh;

+ Đầu tư nạo vét, kiên cố kênh Nhà Lê từ cống Trung Lương đến cống Đồng Huề; kêu gọi nguồn lực và ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống tiêu thoát lũ hạ du hồ Kẻ Gỗ...;

+ Nâng cấp một số tuyến đê đảm bảo khả năng chống lũ: Đê Khang Ninh, đê Hoàng Đình (TX Kỳ Anh), làm mới tuyến đê Cầu Đông 1 - Cầu Đông 2, Cầu Nủi - Cầu Phụ Lão (TP Hà Tĩnh);

+ Xây dựng phương án bảo vệ, phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp cho tất cả các hồ chứa nước; lắp đặt hệ thống quan trắc, giám sát các hồ chứa lớn; thực hiện kiểm tra, kiểm định đập, hồ chứa nước theo đúng quy định; nâng cao năng lực đội ngũ quản lý, khai thác công trình theo Nghị định số 114/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ”.

- Đầu tư xây dựng hệ thống mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh trong năm 2020 đáp ứng yêu cầu Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ và đồng bộ toàn tỉnh, đặc biệt là các cơ quan quản lý nhà nước từ cấp tỉnh, huyện, xã;

### 2.2. Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại, hội nhập và bền vững, góp phần nâng cao thu nhập của người dân nông thôn

(1) Nhiệm vụ 1. Tập trung cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, hội nhập và bền vững:

- Tổ chức sản xuất sản phẩm chủ lực theo định hướng các vùng sản xuất tập trung có lợi thế, gồm:

+ Vùng đồng bằng: tập trung phát triển lúa, lạc, đậu, rau màu... gắn với nhu cầu thị trường đô thị, chế biến và xuất khẩu;

+ Vùng ven biển: phát triển khai thác và nuôi trồng thủy sản theo chuỗi bền vững, sản xuất rau củ công nghệ cao, gắn với du lịch, kết nối với các đô thị động lực của tỉnh như: Vũng Áng, Kỳ Anh...; chăn nuôi gia cầm bền vững.

+ Vùng trung du – miền núi: phát triển kinh tế lâm nghiệp, cây ăn quả đặc sản, chè, chăn nuôi gia súc, dược liệu, dó trầm, đặc biệt là các sản phẩm gỗ và chế biến từ gỗ;

- Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ cho các vùng sản xuất tập trung của tỉnh, áp dụng quy trình quản lý chất lượng tiên tiến, hệ thống tưới tiết kiệm; xây dựng hệ thống quản lý mã vùng trồng áp dụng công nghệ nhằm nâng cao chất lượng, truy xuất nguồn gốc và khả năng tiếp cận thị trường. Ưu tiên các sản phẩm, như: cây ăn quả, chè, lạc, rau củ và chăn nuôi;

- Rà soát, đánh giá và hỗ trợ các HTX, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực cấp tỉnh về năng lực, tổ chức hoạt động, phát triển sản xuất theo chuỗi, thúc đẩy thị trường, đảm bảo hoạt động hiệu quả;

- Hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu cho 3 sản phẩm chủ lực gắn với chế biến gồm: chè, lúa và lâm sản; hỗ trợ nâng cao quy mô, công nghệ cho các nhà máy, cơ sở chế biến, liên kết với vùng nguyên liệu; thúc đẩy tổ chức sản xuất rừng bền vững;

- Tăng cường hỗ trợ công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường cho các sản phẩm chủ lực, đặc biệt là chè, lâm sản và thủy sản. Xây dựng Trung tâm thương mại nông sản cấp tỉnh để kết nối (trong và ngoài tỉnh) và bán hàng, ưu tiên áp dụng công nghệ hiện đại.

(2) Nhiệm vụ 2. Đẩy mạnh phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn, sản phẩm đặc sản gắn với Chương trình OCOP:

- Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các làng nghề, cụm ngành nghề nông thôn, đặc biệt là hạ tầng về sản xuất (giao thông, điện, môi trường) để phát triển các ngành nghề có lợi thế. Lựa chọn một số làng nghề đã phát triển, có khả năng phát triển cao để ưu tiên đầu tư từ ngân sách và xã hội hóa đầu tư; gắn phát triển làng nghề với cụm công nghiệp làng nghề. Nhân rộng mô hình xã hội hóa đầu tư các cụm công nghiệp làng nghề như cụm công nghiệp Thái Yên, cụm công nghiệp Yên Huy...

- Triển khai Chương trình OCOP theo hướng: nâng cao năng lực sản xuất – kinh doanh của các chủ thể; kết nối và thúc đẩy cộng đồng sản xuất; nâng cao chất lượng sản phẩm gắn với mở rộng thị trường; xây dựng hệ thống giới thiệu và bán sản phẩm OCOP gắn với Trung tâm thương mại của tỉnh.

(3) Nhiệm vụ 3. Phát triển du lịch nông thôn, tạo việc làm và thu nhập cho người dân từ du lịch

- Xây dựng các mô hình kết nối du lịch gắn với tiềm năng về văn hóa, cảnh quan nông thôn, ưu tiên phát triển du lịch văn hóa, trải nghiệm; kết nối với các trung tâm du lịch biển để hình thành các tuyến du lịch NTM trên địa bàn tỉnh;

- Xây dựng một số làng du lịch, điểm du lịch gắn với cảnh quan, văn hóa ở một số huyện miền núi, kết nối với tuyến giao thông QL1 và đường Hồ Chí Minh.

(4) Nhiệm vụ 4. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

- Lựa chọn một số cụm công nghiệp có tỷ lệ lấp đầy khá, khó có khả năng kêu gọi xã hội hóa đầu tư để có phương án bố trí ngân sách, tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng, ưu tiên cho các công trình xử lý nước thải, chất thải, đường giao thông, cấp điện, cấp nước.

- Xây dựng chương trình, phương án hỗ trợ các nhà đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trong việc kết nối hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước) của cụm với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung và hỗ trợ các nhà đầu tư trong việc thành lập, phát triển doanh nghiệp thành các nhà đầu tư thứ cấp.

(5) Nhiệm vụ 5. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho lao động nông thôn

- Tăng cường đào tạo nghề nông nghiệp phục vụ sản xuất hàng hóa quy mô lớn và công nghệ cao; ưu tiên hỗ trợ đào tạo cho lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng chính sách xã hội và dân tộc thiểu số;

- Củng cố và nâng cao hệ thống đào tạo nghề, ngoại ngữ để kết nối xuất khẩu lao động cho lao động nông thôn;

- Củng cố và nâng cao năng lực Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Hà Tĩnh, đặc biệt là năng lực kết nối, giới thiệu việc làm cho lao động; thí điểm một số mô hình Điểm giới thiệu việc làm ở một số huyện có điều kiện, nâng cao khả năng tiếp cận của lao động nông thôn.

### 2.3. Nâng cao chất lượng y tế, giáo dục và tăng cường đời sống văn hóa của người dân nông thôn

- Rà soát, xây dựng và phê duyệt quy hoạch mạng lưới trường mầm non và phổ thông các cấp giai đoạn 2021-2025; bổ sung, nâng cấp hệ thống trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập ở các cơ sở giáo dục; xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các cơ sở giáo dục đảm bảo quy định về cơ cấu, nâng cao chất lượng để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

- Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, thiết bị cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh đạt chuẩn quốc gia và các Bệnh viện tuyến tỉnh nhằm hiện thực hóa mục tiêu phát triển mạng lưới hệ thống y tế Hà Tĩnh theo hướng hiện đại, đảm bảo dự phòng tích cực và chủ động, ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp; tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và đa dạng của nhân dân, hướng đến mục tiêu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe trong tình hình mới.

- Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch, từng bước phát triển văn hóa, con người Hà Tĩnh:

+ Hoàn thiện các thiết chế văn hóa cơ sở từ cấp huyện đến cấp thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động, công năng sử dụng của nhà văn hóa thôn, đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp và hoạt động thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

+ Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất Trung tâm văn hóa tỉnh, Trung tâm thể thao tỉnh Hà Tĩnh, đáp ứng nhu cầu tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao cấp quốc gia và quốc tế;

+ Đầu tư xây dựng các công trình văn hóa trọng điểm, thiết yếu như: Bảo tàng, Nhà hát nghệ thuật truyền thống, Trung tâm văn hóa thanh thiếu nhi tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ chính trị, bảo tồn phát huy giá trị văn hóa và phát triển du lịch của tỉnh;

+ Tổ chức kiểm kê, ghi danh các di sản văn hóa – lịch sử thường xuyên, định kỳ; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa – lịch sử, đặc biệt là cấp quốc gia và cấp tỉnh; ưu tiên trao quyền quản lý các di sản cho cấp huyện nhằm kết nối du lịch và tổ chức quản lý, phát huy giá trị gắn với cộng đồng;

+ Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể (ca trù, dân ca ví dặm, lễ hội truyền thống…) gắn với cộng đồng: xây dựng hệ thống các câu lạc bộ từ cấp thôn đến cấp tỉnh; tổ chức các cuộc thi thường niên; gắn các di sản thành thành các sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh Hà Tĩnh;

+ Xây dựng một số mô hình bảo tồn các di sản văn hóa – lịch sử (cả vật thể và phi vật thể) với các tuyến du lịch trọng điểm của tỉnh;

+ Tiếp tục triển khai hiệu quả, chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, gắn với phong trào xây dựng NTM, đô thị văn minh.

### 2.4. Bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn, hình thành các vùng quê “Trù phú – An lành”

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống các nhà máy/cơ sở xử lý rác thải tập trung quy mô cấp tỉnh, cấp huyện:

+ Cải tạo, sửa chữa, đầu tư mới công nghệ để để phát huy hết công suất tối đa của các cơ sở xử lý hiện có; từng bước đóng cửa phục hồi môi trường các cơ sở xử lý đã hết công suất, tuổi thọ và xúc tiến đầu tư chuyển đổi, xây dựng nhà máy xử lý rác theo vùng với công nghệ hiện đại, gồm: Cải tạo hệ thống xử lý nước thải của bãi chôn lấp Hồng Lộc để đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và nhu cầu tiếp nhận toàn bộ rác của huyện Lộc Hà, một phần rác các huyện Can Lộc, Thạch Hà và Nghi Xuân; cải tạo 3 bãi rác (thị xã Hồng Lĩnh, thị trấn Tây Sơn, thị trấn Vũ Quang); Cải tạo, nâng công suất hoạt động Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt Hoành Sơn (cải tạo, sửa chữa lò đốt đang bị hỏng) để đảm bảo tiếp nhận xử lý rác thải cho các huyện Đức Thọ, Hương Khê, Thạch Hà;

+ Thu hút đầu tư xây dựng 01 khu xử lý rác thải công nghệ hiện đại[[26]](#footnote-26), tiên tiến, thân thiện với môi trường, công suất lớn (khoảng 300-500 tấn/ngày) đáp ứng xử lý rác thải tập trung quy mô liên huyện tại Hồng Lộc – huyện Lộc Hà (hoặc thị xã Hồng Lĩnh), tiếp nhận xử lý rác thải sinh hoạt cho các địa phương phía Bắc của tỉnh (gồm: Lộc Hà, Đức Thọ, Hồng Lĩnh, Hương Sơn, Vũ Quang, Hương Khê, Thạch Hà và một phần Can Lộc), sớm đưa vào vận hành từ năm 2023;

- Xử lý dứt điểm lượng rác thải tồn đọng; chấm dứt tình trạng đốt, chôn lấp rác tại các điểm trung chuyển. Đóng cửa các bãi chôn lấp, giảm dần tiến tới loại bỏ công nghệ lò đốt độc lập, công suất thấp vào năm 2025 và thực hiện chuyển đổi thành các điểm tập kết, trung chuyển rác thải;

- Hoàn thiện mạng lưới thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, rà soát, đầu tư bổ sung phương tiện thu gom, vận chuyển rác thải phù hợp cho các tổ, đội vệ sinh môi trường, hợp tác xã môi trường đảm bảo việc thu gom, vận chuyển rác thải; phương tiện thu gom, vận chuyển phải đảm bảo đồng bộ và bố trí kinh phí chi trả công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh;

- Hoàn thiện đầu tư xây dựng mới hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung các khu, cụm công nghiệp và làng nghề trên địa bàn (03 KCN do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh quản lý[[27]](#footnote-27); 08 CCN do UBND cấp huyện quản lý có tỷ lệ lấp đầy cao[[28]](#footnote-28); Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tập trung tại 03 CCN[[29]](#footnote-29); các KCN, CCN do Doanh nghiệp quản lý (yêu cầu vận hành thử nghiệm và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật; hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình xử lý chất thải, ưu tiên các làng nghề có nguy cơ đã được UBND tỉnh công nhận làng nghề truyền thống; có nguy cơ ô nhiễm môi trường;

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung quy mô liên xã, liên huyện để đảm bảo cung cấp nước sạch cho người dân: (Tiểu dự án nước sạch cấp cho một số xã của huyện Lộc Hà, thuộc dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh (BHG2); dự án Nhà máy nước và hệ thống cấp nước sạch cho nhân dân thị trấn Hương Khê và 08 xã vùng phụ cận thuộc huyện Hương Khê; đầu tư xây dựng mới 03 công trình cấp nước nông thôn tập trung: Xây dựng nhà máy nước Nam Cẩm Xuyên, cấp cho 09 xã: (Cẩm Lộc, Cẩm Lĩnh, Cẩm Lạc, Cẩm Minh, Cẩm Thịnh, Cẩm Sơn, Cẩm Hà, Cẩm Hưng và Cẩm Phúc - huyện Cẩm Xuyên); nhà máy nước Vực Trống, cấp cho 05 xã thuộc huyện Can Lộc: (xã Song Lộc, Phú Lộc, Trường Lộc, Nga Lộc, Yên Lộc và 02 xã: Đức Thanh, Đức Dũng của huyện Đức Thọ); nhà máy nước Khe Cò, cấp cho 05 xã của huyện Hương Sơn: (xã Sơn Lễ, Sơn An, Sơn Tiến, Sơn Hòa, Sơn Thịnh) và Nâng công suất, mở rộng nhà máy nước Bắc Cẩm Xuyên cấp cho 08 xã: (Cẩm Nam, Cẩm Yên, Cẩm Dương, Cẩm Hòa - huyện Cẩm Xuyên và Thạch Văn, Thạch Hội, Thạch Trị, Thạch Lạc - huyện Thạch Hà); Nâng cấp, mở rộng nhà máy nước xã Thiên Lộc cấp cho xã Vượng Lộc - huyện Can Lộc; Đấu nối hòa mạng lưới cấp nước xã Vĩnh Lộc với công trình cấp nước xã Khánh Lộc - huyện Can Lộc; Đấu nối hòa mạng lưới cấp nước xã Tiến Lộc với công trình cấp nước Bắc Thạch Hà; nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước xã Trường Sơn cấp cho xã Liên Minh và Tùng Châu - huyện Đức Thọ).

- Đánh giá kết quả và nhân rộng mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt hộ gia đình trên địa bàn toàn tỉnh;

- Đánh giá, bổ sung bộ tiêu chí về Khu dân cư NTM kiểu mẫu, vườn mẫu gắn với một số nội dung về bảo vệ môi trường, xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt trong cộng đồng để áp dụng cho giai đoạn 2021-2025.

- Xây dựng thử nghiệm mô hình khu dân cư NTM kiểu mẫu thông minh, trong đó trọng tâm là ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất, quản lý điều hành.

### 2.5. Nâng cao chất lượng môi trường cạnh tranh, dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Đầu tư cơ sở trang thiết bị đồng bộ kết nối 11 đơn vị cấp huyện (Thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh, các huyện: Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Lộc Hà, Thạch Hà, Can Lộc, Đức Thọ, Hương Sơn, Vũ Quang, Hương Khê và 188 đơn vị cấp xã tại các đơn vị trên) để phục vụ công tác quản lý nhà nước;

- Nâng cấp và hoàn thiện hệ thống dịch vụ công cấp độ 4 liên thông (tỉnh – huyện – xã); tăng cường tập huấn, phổ biến và thúc đẩy vận hành hệ thống giải quyết dịch vụ công thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

- Tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, xây dựng cơ quan, đơn vị đạt chuẩn “văn hóa công sở” gắn với trách nhiệm phục vụ doanh nghiệp, người dân;

- Cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, công khai và hiệu quả ở các cấp (xã, huyện, tỉnh).

### 2.6. Đảm bảo an ninh, trật tự khu vực nông thôn

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục để nhân dân nâng cao cảnh giác, chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, “Bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch. Tập trung lực lượng, mở nhiều đợt cao điểm tấn công, trấn áp các loại tội phạm, từng bước kiềm chế, làm giảm các loại tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn, góp phần xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, đặc biệt là các địa bàn trọng yếu: Kỳ Anh, Vũ Quang, Hương Khê, Lộc Hà và thị xã Kỳ Anh;

- Phát động mạnh mẽ phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ; xây dựng mới, củng cố và nhân rộng các mô hình tự phòng, tự quản về ANTT tại cơ sở; tiếp tục chỉ đạo tổ chức diễn đàn “Công an lắng nghe ý kiến của nhân dân”.

### 2.7. Nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, điều hành xây dựng NTM

- Tiếp tục duy trì việc người đứng đầu cấp ủy làm Trưởng Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình NTM; bộ máy tham mưu giúp việc tiếp tục được củng cố, kiện toàn đảm bảo chuyên trách, chuyên nghiệp, chuyên môn hóa ngày càng cao;

- Thực hiện tốt và triển khai đồng bộ giải pháp để xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; quan tâm cao công tác đào tạo, nâng cao kiến thức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ; thực hiện việc luân chuyển đội ngũ hợp lý, đảm bảo phát huy năng lực, sở trường để thực hiện tham mưu công việc hiệu quả;

- Tiếp tục triển khai rộng khắp phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

## 3. Cải thiện, nâng cao nhanh đời sống vật chất, tinh thần cho người dân nông thôn, xây dựng nông thôn khá giả, giàu có

- Tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn tổng hợp có sự đột phá nhưng đảm bảo bền vững, gắn kết với phát triển đô thị và các khu kinh tế trên địa bàn tỉnh, gắn với cơ cấu lại toàn diện, hiệu quả ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, quy mô lớn tập trung liên kết chuỗi giá trị, dựa trên lợi thế và phát triển các sản phẩm chủ lực của tỉnh; thực hiện có hiệu quả Chương trình OCOP; nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX và doanh nghiệp; thúc đẩy công nghiệp chế biến, tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ nông thôn nhằm tăng nhanh thu nhập và bền vững cho người dân nông thôn;

- Tăng cường phát triển du lịch dựa trên lợi thế về du lịch biển, du lịch văn hóa, trải nghiệm NTM, gắn với khai thác tối đa tiềm năng văn hóa, du lịch của các đơn vị cấp huyện, đưa giá trị văn hóa (vật thể, phi vật thể) trở thành động lực để phát triển kinh tế khu vực nông thôn;

- Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu lao động nông thôn theo hướng giảm nhanh cơ cấu lao động trong khu vực sản xuất nông nghiệp sang khu vực công nghiệp, dịch vụ nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề, dịch vụ giới thiệu việc làm cho lao động nông thôn;

- Đẩy mạnh các giải pháp trong công tác giảm nghèo theo hướng bền vững, ưu tiên nguồn lực cho các huyện, xã, thôn khó khăn; thực hiện đạt hiệu quả cao nhất mục tiêu giảm nghèo bền vững, không có khái niệm "nghèo bền vững", ưu tiên cao các đối tượng bảo trợ xã hội, nâng cao trách nhiệm các tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị xã hội, có giải pháp cụ thể hỗ trợ đối với các đối tượng bảo trợ xã hội, bệnh hiểm nghèo, tai nạn rủi ro.

## IV. NHU CẦU NGUỒN LỰC TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN

### 1. Dự kiến nguồn vốn và cơ cấu vốn thực hiện đề án

Dự kiến tổng nguồn vốn dự kiến triển khai Đề án là: 44.651 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn Ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp: 11.200 tỷ đồng (chiếm 25,1%);

- Vốn lồng ghép các Chương trình, dự án khác: 8.000 tỷ đồng (chiếm 18%);

- Vốn tín dụng: 14.294 tỷ đồng (chiếm 32%);

- Vốn doanh nghiệp, HTX, các tổ chức: 4.268 tỷ đồng (chiếm 9,5%);

- Vốn dân: 5.444 tỷ đồng (chiếm 12,2%) (bao gồm: vốn dân góp xây dựng công trình phúc lợi và vốn nhân dân tự bỏ ra để chỉnh trang nhà cửa, khu dân cư, phát triển kinh tế);

- Vốn huy động khác: 1.445 tỷ đồng (chiếm 3,2%).

### 2. Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư từ Ngân sách Nhà nước:

Dự kiến nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước: 11.200 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách Trung ương: 5.600 tỷ đồng, gồm:

+ Vốn hỗ trợ trực tiếp từ Trung ương để triển khai Chương trình theo kế hoạch chung giai đoạn 2021-2025: 4.700 tỷ đồng (hệ số bằng 1,5 lần so với bình quân chung của các tỉnh khác)

+ Vốn hỗ trợ bổ sung từ ngân sách Trung ương để thực hiện các tiêu chí tỉnh NTM: 900 tỷ đồng (thực hiện các dự án ưu tiên).

- Vốn ngân sách địa phương hỗ trợ trực tiếp: 5.600 tỷ đồng, gồm:

+ Ngân sách tỉnh: 3.000 tỷ đồng (chiếm 54%% tổng ngân sách địa phương), bình quân mỗi năm 600 tỷ đồng.

+ Ngân sách cấp huyện, xã: 2.600 tỷ đồng (chiếm 46%).

## V. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN

1. Dự án “Đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với quản lý mã số vùng cho các sản phẩm nông sản chủ lực tỉnh Hà Tĩnh”.

2. Dự án “Xây dựng các cơ sở bảo quản, chế biến sâu các sản phẩm chủ lực của tỉnh (từ cam, bưởi, lúa gạo, thủy sản…).

3. Dự án “Xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực của tỉnh”.

4. Dự án “Xây dựng Trung tâm sản phẩm OCOP tỉnh Hà Tĩnh”.

5. Dự án xây dựng, kết nối hòa mạng các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn trong tỉnh.

6. Hỗ trợ xây dựng các công trình nhỏ lẻ hộ gia đình, cụm dân cư đối với các vùng không xây dựng được các công trình cấp nước tập trung.

7. Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý rác thải rắn với công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường” quy mô cấp tỉnh đảm bảo tiêu chuẩn và nâng cấp, xây dựng một số điểm xử lý rác thải khác theo quy hoạch.

8. Dự án “Xây dựng mô hình du lịch, trải nghiệm NTM gắn với phát huy các giá trị văn hóa địa phương ”.

9. Dự án “Xây dựng thí điểm mô hình khu dân cư NTM kiểu mẫu thông minh”.

10. Dự án “Đầu tư và phát triển công nghệ thông tin gắn với xây dựng NTM tỉnh Hà Tĩnh”.

11. Dự án “Thực hiện đồng bộ hóa trong việc thu gom, phân loại, xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt tại hộ gia đình và cụm dân cư trong toàn tỉnh”.

12. Hỗ trợ phát triển, củng cố Hợp tác xã.

13. Xây dựng mô hình kiến trúc nông thôn.

14 Dự án “Đầu tư, nâng cấp Trung tâm kiểm soát dịch bệnh tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn quốc gia” tại Thành phố Hà Tĩnh.

15. Dự án “Nâng cấp Trung tâm Văn hóa, thể thao tỉnh đảm bảo kết nối các hoạt động với các địa phương trong tỉnh”

16. Dự án “Kiểm kê, xây dựng kế hoạch bảo tồn và phát triển các di tích văn hóa – lịch sử tỉnh Hà Tĩnh”.

(Bố trí tối thiểu 900 tỷ đồng từ Ngân sách Trung ương để thực hiện các Dự án trên)

## VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

## 1. Giải pháp về quy hoạch và tổ chức triển khai quy hoạch

* Nâng cao chất lượng và tăng cường công tác quản lý quy hoạch; tổ chức thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.
* Rà soát, đồng bộ các quy hoạch phát triển nhằm khuyến khích và thu hút tốt các nguồn vốn đầu tư từ các tổ chức và doanh nghiệp, trong đó tập trung vào quy hoạch phát triển cấp vùng gắn với quy hoạch đất đai, quy hoạch đô thị và quy hoạch các ngành kết cấu hạ tầng kỹ thuật chủ yếu.
* Quy hoạch và xây dựng trục phát triển tuyến đường ven biển Xuân Hội - Vũng Áng. Tập trung chỉ đạo, phối hợp, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam đoạn Bãi Vọt - Vũng Áng, triển khai tuyến đường sắt kết nối Lào - Vũng Áng. Đầu tư các trục giao thông trọng yếu để mở rộng không gian đô thị thành phố Hà Tĩnh, hình thành các hành lang, trục phát triển thành phố Hà Tĩnh. Phát triển đồng bộ 3 hành lang kinh tế: đồng bằng ven biển gắn với Quốc lộ 1; Quốc lộ 8A Hồng Lĩnh - Cầu Treo; hành lang miền núi gắn với đường Hồ Chí Minh.
* Ưu tiên phát triển hạ tầng các khu kinh tế, cảng biển, các trung tâm logistics. Hoàn thiện hạ tầng các khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp, hệ thống đô thị hiện có và phát triển mới các đô thị nhỏ.
* Mở rộng không gian đô thị thành phố Hà Tĩnh; nâng cấp thị xã Kỳ Anh gắn với Khu kinh tế Vũng Áng trở thành vùng đô thị trung tâm phía Nam, hình thành thành phố Kỳ Anh trong tương lai; kết nối hạ tầng thị xã Hồng Lĩnh với hạ tầng nông thôn các huyện phụ cận, đến năm 2030 trở thành thành phố phía Bắc của tỉnh; kết nối, gắn đô thị với nông thôn, các đô thị lớn.
* Rà soát và bổ sung các vùng quy hoạch tập trung có quy mô lớn, có tiềm năng để phát triển các ngành sản xuất, chế biến, đủ sức để phát triển thành vùng nguyên liệu tập trung. Căn cứ vào điều kiện sinh thái từng vùng, xác định các loại cây trồng phù hợp, gắn kết chặt chẽ với sản xuất chế biến, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và có tiềm năng xuất khẩu. Trên cơ sở đó, hình thành các vùng chuyên canh, xây dựng các khu công nghệ cao và đẩy mạnh công tác khuyến nông áp dụng công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ sinh học, nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí, nâng cao trình độ bảo quản, chế biến, tăng sức cạnh tranh của các mặt hàng nông, lâm sản của Tỉnh trên thị trường trong và ngoài nước.

## 2. Giải pháp về tuyên truyền, vận động

- Tiếp tục quán triệt, tổ chức tuyên truyền, vận động sâu rộng, nâng cao nhận thức mới cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, nhiệm vụ của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn phát triển mới. Đổi mới, đa dạng hình thức, phương pháp tuyên truyền, tăng cường phổ biến, giới thiệu các mô hình tốt trong sản xuất nông nghiệp, nông thôn và xây dựng NTM; phát huy hiệu quả những thành tựu, kinh nghiệm, cách làm hay từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghị quyết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nhất là trong xây dựng NTM trong thời gian qua để học tập và nhân ra diện rộng.

- Tiếp tục phát động phong trào thi đua "Cả tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới” và Cuộc vận động ”Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, gắn với mục tiêu xây dựng tỉnh đạt chuẩn NTM. Tiếp tục vận động xã hội hóa thực hiện Chương trình trên cơ sở phù hợp với sức dân; khơi dậy, phát huy tính tự giác, tự nguyện của người dân, công khai minh bạch để tạo sự tin tưởng cho các các tổ chức cá nhân hỗ trợ giám sát thực hiện. Thường xuyên sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và kịp thời tôn vinh, khen thưởng những cá nhân, tập thể có nhiều đóng góp cho xây dựng NTM.

- Tăng cường đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ tham gia chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình ở tất cả các cấp; đồng thời, kết hợp tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm, trao đổi lẫn nhau. Đào tạo, nâng cao kiến thức, kĩ năng quản lí kinh tế, quản trị sản xuất cho người nông dân.

## 3. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách về đất đai theo hướng tăng quy mô diện tích, tạo điều kiện cho tích tụ, tập trung đất đai, mở rộng hạn điền, cho phép tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp theo hướng có kiểm soát của Nhà nước; hướng dẫn cụ thể hơn về quy định góp vốn để tập trung nguồn lực đầu tư vào sản xuất; ban hành cơ chế, chính sách phát triển thị trường thuê quyền sử dụng đất (như một dạng cho thuê tài chính) ở nông thôn. Tiếp tục thực hiện dồn điền, đổi thửa để phát triển sản xuất, hướng tới một hộ gia đình sản xuất một khu đất liền vùng, liền thửa;

- Khuyến khích, tạo điều kiện cơ chế, chính sách cho doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp trên địa bàn nông thôn, gắn với đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm; thu hút lao động nông thôn vào các khu kinh tế trọng điểm, các hoạt động dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp; tạo động lực thúc đẩy tích tụ, tập trung ruộng đất, phát triển nông nghiệp quy mô lớn.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích tái cơ cấu nông nghiệp; ưu tiên các chính sách thu hút đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp, chính sách về kích hoạt tín dụng, về đất đai; các chính sách phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, khởi nghiệp trong nông nghiệp, hỗ trợ phát triển liên kết sản xuất, ứng dụng công nghệ cao, tích tụ tập trung ruộng đất, phát triển kinh tế hợp tác, trang trại...

- Đẩy mạnh huy động nguồn lực và ưu tiên nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn; xây dựng kế hoạch, lộ trình thu hút các Nhà đầu tư thực hiện các dự án trong danh mục đầu tư theo hình thức đối tác công tư theo Nghị quyết số 50/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh. Xây dựng cơ chế lồng ghép các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn trên cùng một địa bàn.

- Đẩy mạnh việc thu hút, kêu gọi nhà đầu tư, đầu tư và thực hiện có hiệu quả các dự án vào các vùng nuôi trồng thủy sản; kêu gọi các dự án đầu tư hạ tầng dịch vụ hậu cần nghề cá; các dự án về bảo quản, chế biến sản phẩm sau thu hoạch; các dự án về sản xuất giống nông, lâm, thủy sản. Đẩy mạnh phát triển vùng nguyên liệu cung cấp cho Nhà máy sản xuất gỗ. Duy trì ổn định, phát triển các cơ sở chế biến lâm sản theo quy hoạch đã duyệt.

## 4. Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Xây dựng và thực hiện các chương trình khoa học - công nghệ trọng điểm nhằm nâng cao năng suất và giá trị sản phẩm, nhất là các sản phẩm có thế mạnh chủ lực của tỉnh, sản phẩm OCOP. Đẩy mạnh hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, phát triển doanh nghiệp khoa học - công nghệ và thị trường khoa học - công nghệ, áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật của Việt Nam và quốc tế đối với sản phẩm hàng hóa của tỉnh để đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển.

- Đẩy mạnh phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông đồng bộ, hiện đại kết nối với quốc gia bảo đảm điều kiện xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, đô thị thông minh và kinh tế số.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành hoạt động cơ quan nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số để giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch và ổn định. Đảm bảo 100% các cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ hành chính công mức độ 3, hướng tới mọi công dân đều có thể dễ dàng sử dụng các dịch vụ hành chính công, một cửa điện tử giao tiếp với các cơ quan nhà nước.

## 5. Giải pháp về nông thôn kết nối đô thị và phát triển công nghiệp gắn với nông nghiệp, dịch vụ

- Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội kết nối nông thôn – đô thị theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2020 – 2030, tầm nhìn 2050; đảm bảo kết nối nông thôn với phát triển đô thị; kết nối liên xã, liên huyện; đầu tư hình thành và phát triển hệ thống cung ứng, kết nối nông sản từ xã đến huyên, tỉnh, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu. Phát triển kinh tế nông thôn gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo quy hoạch nhằm phát huy lợi thế của các vùng; bảo tồn và nâng cao các giá trị văn hóa – lịch sử, trở thành động lực trong phát triển du lịch, đời sống cộng đồng dân cư;

- Ưu tiên chính sách, nguồn vốn xây dựng và hình thành hệ thống kết nối sản xuất, đặc biệt là phát triển các cụm cộng nghiệp chế biến, kết nối sản xuất - sơ chế - chế biến – tiêu thụ sản phẩm nông sản; đẩy mạnh xây dựng các mô hình kết nối du lịch – dịch vụ; mô hình kết nối tiêu thụ nông sản gắn với các khu kinh tế, đô thị…

## 6. Giải pháp về huy động và sử dụng nguồn lực

- Nâng cao hiệu quả, đa dạng hóa vận động xúc tiến đầu tư. Coi trọng xúc tiến đầu tư tại chỗ, thông qua việc giữ ổn định môi trường đầu tư kinh doanh, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc để các doanh nghiệp, nhà đầu tư triển khai thành công dự án, mở rộng đầu tư. Xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư có chất lượng; chủ động tiếp cận, mời chào các nhà đầu tư; có chính sách ưu đãi đặc biệt đối với các tập đoàn kinh tế lớn, nhà đầu tư có trình độ khoa học - công nghệ cao;

- Đẩy mạnh các hình thức xã hội hóa đầu tư, huy động tối đa các nguồn vốn của các tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân trong và ngoài tỉnh đầu tư cơ sở hạ tầng, nhất là lĩnh vực giao thông trọng điểm, đô thị động lực, cùng với chú trọng huy động nguồn lực cho văn hoá, y tế, giáo dục đào tạo, môi trường,... Dựa vào tiềm năng, lợi thế của vùng, tài nguyên đất đai để xây dựng và áp dụng linh hoạt hình thức huy động, các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư đối tác công tư. Khuyến khích, ưu đãi các thành phần kinh tế tham gia đầu tư hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, sản xuất công nghệ cao. Lồng ghép có hiệu quả nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp, dân cư với nguồn vốn từ ngân sách nhà nước;

- Huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả, hợp lý nguồn lực theo các mục tiêu; ưu tiên ngân sách các cấp hỗ trợ trực tiếp thực hiện Chương trình; bố trí vốn hàng năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 cho Tỉnh Hà Tĩnh bằng 1,5 lần so với hệ số bình quân chung của các tỉnh khác.

Tỉnh ưu tiên bố trí Ngân sách hàng năm cho Đề án; chủ động ứng trước Ngân sách tỉnh (đối với các nhiệm vụ thuộc Ngân sách Trung ương) hoàn thành các mục tiêu của Đề án; huy động đa dạng các nguồn lực cho NTM nhất là nguồn vốn xã hội hóa, phát huy hiệu quả nguồn vốn tín dụng, vốn đầu tư từ doanh nghiệp, phát huy vai trò chủ thể và huy động nguồn lực của người dân; tiếp tục mở rộng các hình thức đỡ đầu, tài trợ xây dựng NTM. Quan tâm phát triển các vùng kinh tế động lực tạo nguồn thu cho ngân sách đầu tư cho nông nghiệp nông thôn;

- Ưu tiên cho các huyện, xã, thôn chưa đạt chuẩn, củng cố nâng cấp các tiêu chí thiết thực nâng cao phúc lợi cho các đối tượng cư dân nông thôn, các tiêu chí phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân, bảo vệ môi trường,…

- Đề xuất cơ chế, chính sách để thực hiện Đề án thí điểm tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới

+ Bố trí vốn hàng năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 cho Tỉnh Hà Tĩnh bằng 1,5 lần so với hệ số bình quân chung của các tỉnh khác;

+ Các bộ, ngành Trung ương ưu tiên trong việc bố trí và lồng ghép các dự án đầu tư thuộc ngành để tỉnh thực hiện hoàn thành các mục tiêu đề ra;

+ Hỗ trợ lại số vượt thu hoạt động xuất, nhập khẩu trên địa bàn tỉnh so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, các nguồn thu về Ngân sách Trung ương trên địa bàn tỉnh; cho phép tỉnh Hà Tĩnh đấu giá quỹ đất còn dư tại các Khu đất tái định cư được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách trung ương, Trái phiếu Chính phủ để tạo nguồn thu phục vụ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng NTM;

+ Bố trí bổ sung vốn cho Hà Tĩnh từ nguồn vốn dự phòng (ngoài nguồn vốn được bố trí riêng thực hiện mục tiêu chung của Chương trình) để triển khai thực hiện, kể cả nâng cấp cả các nội dung tiêu chí cấp huyện, xã.

- Rà soát cơ chế, chính sách đã ban hành, cơ cấu lại các khoản chi, đảm bảo hợp lý, theo hướng giảm tỷ trọng chi thường xuyên để tập trung nguồn lực cho đầu tư phát triển; quản lý chặt chẽ, đẩy nhanh tiến độ giải ngân và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công. Xã hội hoá đầu tư hạ tầng thương mại dịch vụ, du lịch, giáo dục, y tế;

- Chủ động và kêu gọi sự đóng góp của con em Hà Tĩnh, đặc biệt là kiều hối: Hà Tĩnh hiện có khoảng 52.000 người đang làm ăn, sinh sống, lao động và học tập ở nước ngoài. Hàng năm, lượng kiều hối chuyển về nước của kiều bào quê Hà Tĩnh liên tục tăng, năm 2015 đạt gần 88 triệu USD và đến năm 2018 đã tăng hơn 138 triệu USD. Đây là nguồn vốn đầu tư rất quan trọng và có xu hướng tăng nên cần được huy động vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian thực hiện quy hoạch;

## 7. Giải pháp tổ chức bộ máy và giám sát

* Tiếp tục củng cố, hoàn thiện, đổi mới hệ thống chính trị nhất là ở cơ sở theo tinh thần Kết luận 64-KL/TW, Hội nghị Trung ương 7 khóa XI; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở; phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp ủy các cấp trong chỉ đạo, lãnh đạo thực hiện Nghị quyết. Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 18, 19 của Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII) và Nghị quyết số 26 của Hội nghị Trung ương 7 (khóa XII), Nghị quyết số 07-NQ/TU, Nghị quyết số 09-NQ/TU khóa XVI nhằm tiếp tục sắp xếp bộ máy của các cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, giảm tầng nấc trung gian, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; vận động Nhân dân tích cực phát triển sản xuất, kinh doanh, xoá đói, giảm nghèo và xây dựng NTM; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường của nông dân và dân cư nông thôn để vươn lên làm giàu cho chính mình và gia đình, góp phần xây dựng nông thôn ngày càng văn minh, hiện đại.
* Tập trung chỉ đạo cải cách hành chính, tháo gỡ các rào cản trong thủ tục đầu tư, giải phóng mặt bằng, nhất là trong giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm,...; kiểm soát chặt chẽ giết mổ gia súc, gia cầm; quản lý, bảo vệ rừng tại gốc. Xây dựng, kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy Ban chỉ đạo đảm bảo tính thống nhất cao trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kết nối chặt chẽ, xuyên suốt giữa nông thôn với đô thị, gắn với giảm nghèo và OCOP; kiện toàn bộ máy tham mưu, giúp việc (Văn phòng Điều phối) chuyên trách, chuyên nghiệp đảm bảo huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc trong xây dựng NTM. Đẩy mạnh phân cấp trong quản lý và giám sát thực hiện, gắn trách nhiệm với cá nhân cụ thể trong triển khai thực hiện xây dựng NTM kiểu mẫu. Nâng cao vai trò của cộng đồng dân cư trong quản lý và giám sát thực hiện xây dựng tỉnh đạt chuẩn NTM.

## VII. TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC TRIỂN KHAI

## 1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thực hiện các nhiệm vụ của Đề án theo đúng tiến độ;

- Bố trí vốn hàng năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 cho Tỉnh Hà Tĩnh bằng 1,5 lần so với hệ số bình quân chung của các tỉnh khác; Ưu tiên bố trí nguồn vốn bổ sung từ Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 cho tỉnh Hà Tĩnh để thực hiện một số nội dung gắn với bộ tiêu chí NTM cấp tỉnh;

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn để triển khai các dự án trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn, cơ cấu lại nông nghiệp, giảm thiểu thiên tai từ nguồn vốn ngành hoặc lồng ghép vào Chương trình mục tiêu quốc gia do Bộ chủ trì;

- Chỉ đạo, hỗ trợ, tư vấn việc xây dựng các nhà máy chế biến các sản phẩm chủ lực của tỉnh; vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với quản lý mã vùng trồng.

- Chỉ đạo xây dựng mô hình thí điểm sinh thái nông nghiệp bền vững gắn với phát triển du lịch ở các vùng có điều kiện; mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để thích ứng biến đổi khí hậu.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, hàng năm tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư theo nội dung Đề án; kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc của địa phương theo thẩm quyền, trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

## 2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan cân đối, ưu tiên bố trí các dự án của Đề án lồng ghép vào các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình hỗ trợ có mục tiêu khác trong trung hạn từ năm 2021-2025 để tỉnh Hà Tĩnh thực hiện Đề án đúng tiến độ, thời gian quy định; bố trí bổ sung vốn cho Hà Tĩnh từ nguồn vốn dự phòng (ngoài nguồn vốn được bố trí riêng thực hiện mục tiêu chung của Chương trình) để triển khai thực hiện, kể cả nâng cấp cả các nội dung tiêu chí cấp huyện, xã.

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn để triển khai các dự án trong lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội thuộc thẩm quyền từ nguồn vốn ngành do Bộ chủ trì;

- Phối hợp với các bộ, ngành liên quan đề xuất các nguồn vốn khác hỗ trợ cho tỉnh Hà Tĩnh thực hiện Đề án (bao gồm cả các dự án ODA), hướng dẫn việc sử dụng, thực hiện dự án theo đúng quy định.

**3. Bộ Tài chính**

- Đề xuất các nguồn vốn khác hỗ trợ cho tỉnh Hà Tĩnh thực hiện Đề án (bao gồm cả các dự án ODA), hướng dẫn việc sử dụng, thực hiện dự án theo đúng quy định;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan cân đối, ưu tiên bố trí vốn sự nghiệp cho các nhiệm vụ thuộc Đề án từ nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình hỗ trợ có mục tiêu khác trong trung hạn giai đoạn 2021-2025 để tỉnh Hà Tĩnh thực hiện Đề án đúng tiến độ, thời gian quy định. Hỗ trợ lại số vượt thu hoạt động xuất, nhập khẩu trên địa bàn tỉnh so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, các nguồn thu về Ngân sách Trung ương trên địa bàn tỉnh; cho phép tỉnh Hà Tĩnh đấu giá quỹ đất còn dư tại các Khu đất tái định cư được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách trung ương, Trái phiếu Chính phủ để tạo nguồn thu phục vụ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng NTM;

## 4. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

- Chỉ đạo, hướng dẫn, ưu tiên bố trí nguồn vốn để triển khai các dự án trong lĩnh vực đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo nghề thuộc thẩm quyền từ nguồn vốn sự nghiệp hoặc lồng ghép vào Chương trình MTQG do bộ chủ trì;

- Ưu tiên nguồn vốn hỗ trợ để kiện toàn, củng cố và nâng cao năng lực cho Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Hà Tĩnh, thử nghiệm mô hình điểm giao dịch dịch vụ việc làm cấp huyện.

## 5. Bộ Giao thông vận tải

Chỉ đạo đầu tư nâng cấp các hạng mục giao thông cấp quốc gia đi qua địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; ưu tiên lồng ghép nguồn vốn để triển khai các dự án trong lĩnh vực phát triển hạ tầng giao thông nông thôn thuộc thẩm quyền từ nguồn vốn ngành.

## 6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chỉ đạo, hướng thực hiện tiêu chí văn hóa để triển khai Đề án;

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn để triển khai các dự án trong lĩnh vực phát triển văn hóa, du lịch, thể thao thuộc thẩm quyền từ nguồn vốn ngành hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án do bộ chủ trì.

- Ưu tiên, bố trí nguồn vốn để triển khai dự án “Kiểm kê, xây dựng kế hoạch bảo tồn và phát triển các di tích văn hóa – lịch sử tỉnh Hà Tĩnh”.

## 7. Bộ Tài Nguyên và Môi trường

- Chỉ đạo, hướng dẫn và lồng ghép nguồn vốn hỗ trợ triển khai các dự án trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (xử lý lượng rác tồn đọng, đóng cửa các bãi rác), nhân rộng mô hình xử lý nước thải sinh hoạt cấp hộ gia đình và phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu; lồng ghép các nguồn vốn hỗ trợ kinh phí vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt tại địa phương;

- Chỉ đạo xây dựng mô hình thí điểm chuyển đổi, tích tụ, tập trung ruộng đất, mở rộng hạn điền, cho phép tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp theo hướng có kiểm soát của Nhà nước; hướng dẫn cụ thể hơn về quy định góp vốn để tập trung nguồn lực đầu tư vào sản xuất; ban hành cơ chế, chính sách phát triển thị trường thuê quyền sử dụng đất (như một dạng cho thuê tài chính) ở nông thôn;

- Phối hợp với UBND tỉnh Hà Tĩnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xúc tiến triển khai dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý rác thải rắn với công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường”.

## 8. Bộ Thông tin và Truyền thông

- Có phương án hỗ trợ phát triển hạ tầng viễn thông tại vùng sâu, vùng xa bằng nguồn Quỹ Dịch vụ Viễn thông công ích. Chỉ đạo Tập đoàn Bưu chính, Viễn thông Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội và các Tổng công ty Viễn thông thực hiện việc xây dựng hạ tầng cáp quang băng rộng đến 100% số thôn trên địa bàn Hà Tĩnh.

- Hỗ trợ Hà Tĩnh các phương án kỹ thuật để kết nối vào hệ thống truyền số liệu chuyên dùng liên thông 04 cấp (tỉnh, huyện, xã) và trung ương;

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn để triển khai các dự án trong lĩnh vực phát triển công nghệ thông tin, viễn thông thuộc thẩm quyền từ nguồn vốn ngành hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án do bộ chủ trì.

## 9. Bộ Công Thương

- Bố trí nguồn khuyến công quốc gia, xúc tiến thương mại quốc gia, thương mại điện tử hỗ trợ tỉnh Hà Tĩnh trong thực hiện tiêu chí sản xuất;

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn để triển khai các dự án trong lĩnh vực phát triển mạng lưới chợ, cấp điện nông thôn thuộc thẩm quyền, từ nguồn vốn ngành hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án do Bộ chủ trì.

## 10. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo, hướng dẫn, ưu tiên bố trí nguồn vốn để triển khai các dự án trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo thuộc thẩm quyền từ nguồn vốn sự nghiệp hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án do bộ chủ trì để nâng cao cơ sở vật chất và chất lượng giáo dục trên địa bàn tỉnh.

## 11. Bộ Khoa học và Công nghệ

Ưu tiên bố trí nguồn vốn để triển khai các dự án trong lĩnh vực xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản, chuyển giao công nghệ trong sản xuất và phục vụ đời sống nông thôn thuộc thẩm quyền từ nguồn vốn sự nghiệp hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án do Bộ chủ trì.

## 12. Bộ Y tế

- Sớm ban hành văn bản hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế (thay thế Thông tư 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005) phù hợp với mô hình tổ chức hiện nay để có căn cứ trong việc thực hiện và đánh giá tiêu chí NTM cấp tỉnh, cấp huyện.

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn để triển khai các dự án trong lĩnh vực phát triển hạ tầng y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng thuộc thẩm quyền từ nguồn vốn ngành hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án Bộ bộ chủ trì.

## 13. Ủy ban dân tộc

Ưu tiên bố trí, lồng ghép nội dung, nguồn vốn thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh.

## 14. UBND tỉnh Hà Tĩnh

- Căn cứ vào các nội dung của Đề án đã được phê duyệt, xây dựng kế hoạch chi tiết, phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, thiết thực;

- Tuyên truyền, vận động cả hệ thống chính trị và Nhân dân địa phương cùng chung sức xây dựng tỉnh NTM. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Đề án; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ trong quá trình thực hiện Đề án;

- Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả các mô hình thí điểm: Khu dân cư NTM kiểu mẫu thông minh, văn minh; mô hình kiến trúc cảnh quan nông thôn; mô hình kinh tế số; phát huy các giá trị nông thôn mới gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, phát triển du lịch ở Nghi Xuân.

## 15. Trách nhiệm của Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

- Tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, gắn bó, trách nhiệm, phát huy vai trò chủ thể trong xây dựng NTM để đóng góp trí tuệ, nguồn lực, cùng với hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, các lực lượng xã hội toàn tỉnh chung sức triển khai các nội dung của Đề án hiệu quả, bền vững;

- Các doanh nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế nâng cao tinh thần trách nhiệm xã hội, ưu tiên đầu tư sản xuất, kinh doanh, tham gia và hỗ trợ tỉnh Hà Tĩnh thực hiện các nội dung của Đề án, góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và dân sinh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn.

# PHẦN 5. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

**1.** Đề nghị Thủ tướng Chính phủ giao các bộ ngành trung ương có Tổ công tác chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ Hà Tĩnh trong quá trình thực hiện thí điểm.

**2**. Đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo việc nghiên cứu sửa đổi quy định về nguyên tắc tiêu chí phân bổ vốn, trong đó đối tượng được phân bổ vốn không chỉ phân bổ cho các xã mà kể cả phân bổ để thực hiện các tiêu chí cấp tỉnh, cấp huyện và các đơn vị để phù hợp với tính chất, nội dung của các chương trình, dự án sau khi nhập vào Chương trình MTQG xây dựng NTM.

**UBND TỈNH HÀ TĨNH**

1. Trích lời đồng chí Nguyễn Sinh Hùng – Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. [↑](#footnote-ref-1)
2. Năm 2016 giảm 14,6%; năm 2017 tăng 9,9%, năm 2018 tăng 20,4%, năm 2019 tăng 10,9%, dự kiến năm 2020 tăng 10,5%. [↑](#footnote-ref-2)
3. Cơ cấu lao động đang hoạt động trong khu vực nông, lâm thủy sản, công nghiệp-xây dựng và dịch vụ năm 2015 và đến năm 2019 lần lượt là: 55,5% - 16,2% - 28,3% và 43% - 23,7% - 33,3%. [↑](#footnote-ref-3)
4. Các dân tộc thiểu số gồm: dân tộc Lào có khoảng 561 người; dân tộc Mường có 776 người; dân tộc Thái có 782 người, dân tộc Chứt có 206 người vàcác dân tộc thiểu số khác có khoảng 529 người. Các dân tộc ít người trên địa bàn phần lớn sống đan xen trong cộng đồng, cùng sản xuất phát triển kinh tế-xã hội; tuy nhiên, do điều kiện tự nhiên, phong tục tập quán và trình độ phát triển không đồng đều nên nhìn chung các nhóm dân tộc thiểu số có đời sống khó khăn hơn người Kinh. [↑](#footnote-ref-4)
5. Hà Tĩnh thực hiện chủ trương tái cơ cấu từ năm 2011 với việc xác định danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực, ban hành các đề án, quy hoạch, chính sách (Trung ương ban hành Đề án từ năm 2013). [↑](#footnote-ref-5)
6. Nhiều vùng trồng cam ở Đức Lĩnh (Vũ Quang), Thượng Lộc (Can Lộc), Hương Đô (Hương Khê), Sơn Trường, Sơn Mai (Hương Sơn) có năng suất 15 – 20 tấn, GTSX bình quân 450 – 600 triệu đồng/ha/năm; vùng trồng bưởi tại Hương Thủy, Lộc Yên, Hương Trạch (Hương Khê), GTSX bình quân từ 360 – 450 triệu đồng/ha/năm. [↑](#footnote-ref-6)
7. Trong đó có 74 DN lĩnh vực nông nghiệp [↑](#footnote-ref-7)
8. Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam, Công ty TNHH chăn nuôi GOLDEN STAR, Công ty Vinamilk, Công ty Growbest, Công ty Thanh Thành Đạt,… [↑](#footnote-ref-8)
9. HTX Tân Tiến Phát đầu tư dự án theo dây chuyền công nghệ Thái Lan, Nhật Bản, tổng mức đầu tư 135 tỷ đồng; HTX Gia Phúc lắp đặt hệ thống tưới tiêu tự động, áp dụng điều kiển bằng điện thoại thông minh... [↑](#footnote-ref-9)
10. Cây lúa: Khâu làm đất đạt 95,5% (tăng 39,8% so năm 2013), khâu thu hoạch đạt 96,0% (tăng 52,5%), khâu vận chuyển đạt 80,0% (tăng 25,6%); cây màu khâu làm đất đạt 65,5% tăng 35,5%; trên 90% các trang trại chăn nuôi tập trung đã áp dụng cơ giới hóa đồng bộ; sản xuất lâm nghiệp (khâu tưới, phay sản xuất cây giống đat 82%, khai thác 86%, vận chuyển 92%, chế biến lâm sản 85%); trong nuôi tôm thâm canh, công nghệ cao và tàu khai thác xa bờ cơ giới hóa đạt trên 80%,.. [↑](#footnote-ref-10)
11. gồm: 147 cơ sở trồng trọt được cấp giấy chứng nhận VietGAP, tương đương với diện tích gần 1.500 ha cây trồng; 10 trang trại và hộ chăn nuôi được chứng nhận VietGAHP; 05 vùng/cơ sở được cấp giấy chứng nhận VietGAP trong nuôi trồng thủy sản với tổng diện tích 90ha; 03 cơ sở chế biến nông sản, thủy sản có giấy chứng nhận HACCP; 03 cơ sở chế biến nông sản, thủy sản có giấy chứng nhận GMP; 01 cơ sở chế biến gạo có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO22000). [↑](#footnote-ref-11)
12. Gạo: 5 doanh nghiệp, HTX; 4 cơ sở chế biến lạc; 4 cơ sở chế biến chè quy mô lớn; 6 công ty chế biến nhung hươu; 1 cơ sở chế biến rau quả; và 1 cơ sở chế biến thủy sản và 2800 cơ sở chế biến lâm sản. [↑](#footnote-ref-12)
13. [↑](#footnote-ref-13)
14. 09 trạm biến áp 110kV với tổng công suất đặt các máy biến áp là 431 MVA; 11 tuyến đường dây 110kV có tổng chiều dài 219,4km, gồm 02 xuất tuyến từ Trạm 220kV Hưng Đông và 04 xuất tuyến từ trạm Trạm 500 kV Hà Tĩnh. Khối lượng hệ thống điện trung, hạ áp trên địa bàn bao gồm: 2.967,64km đường dây trung áp, 6.846,19km đường dây hạ áp, 3.249 trạm biến áp phân phối với tổng công suất 771.893kVA, hệ thống điện thuộc về khách hàng sử dụng điện với 441.570 khách hàng (400.959 khách hàng sinh hoạt và 40.611 khách hàng ngoài sinh hoạt). [↑](#footnote-ref-14)
15. Giáo dục Mầm non hiện có 267 trường (trong đó công lập 248, ngoài công lập 19), Giáo dục phổ thông có 437 trường (trong đó công lập 430, ngoài công lập 07); 01 trường Đại học, 04 trường cao đẳng, 5 trường trung cấp nghề. [↑](#footnote-ref-15)
16. Tỉnh và các địa phương đã tổ chức các Cuộc thi “Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Vườn mẫu”, tạo thêm động lực và tăng tính lan tỏa lớn; UBND tỉnh đã trích 6,88 tỷ đồng khen thưởng 34 khu dân cư và 181 vườn đạt giải; cấp xã, cấp huyện cũng đã trích 8,473 tỷ đồng khen thưởng cuộc thi (cấp xã: 4,172 tỷ đồng; cấp huyện: 4,321 tỷ đồng). Ngoài ra huyện Nghi Xuân đã tự tổ chức thi Khu dân cư NTM kiểu mẫu. [↑](#footnote-ref-16)
17. như Hoàng Diệu – xã Kỳ Tiến, Đình Phùng – xã Cẩm Lạc, Đông Thắng – xã Mai Phụ, Thanh Bình – xã Đức Lĩnh, Chế Biến – Sơn Kim 2, Trẩm Bàng – xã Đức Lập, Sơn Bình – xã Thượng Lộc, Nam Trà - xã Hương Trà, Yên Mỹ - xã Cẩm Yên, Hà Thanh - xã Tượng Sơn, Phong Giang – xã Tiên Điền, Châu Nội – xã Tùng Ảnh, Liên Nhật – xã Thạch Hạ... [↑](#footnote-ref-17)
18. Phát hành hàng chục ngàn đĩa CD, tờ rơi tuyên truyền về mô hình, điển hình; in ấn, phát hành 6.000 cuốn sổ tay chính sách về nông nghiệp, nông thôn, 2.000 cuốn sổ tay hướng dẫn thực hiện tiêu chí theo Quyết định 05/QĐ-UBND; quản trị, biên tập hàng ngàn tin bài đăng tải lên website nongthonmoihatinh.vn với hơn 32 triệu lượt truy cập [↑](#footnote-ref-18)
19. Hai huyện được chọn khảo sát gồm huyện Thạch Hà (đại diện khu vực đồng bằng ven biển, có kết quả xây dựng NTM tương đối tốt) và huyện Hương Khê (đại diện cho khu vực miền núi, còn gặp nhiều khó khăn trong xây dựng NTM). Tại mỗi huyện chọn 2 xã, 1 xã đạt chuẩn NTM và 1 xã chưa đạt chuẩn NTM, trong đó tại huyện Thạch Hà chọn xã Tượng Sơn (đạt chuẩn NTM) và xã Thạch Sơn (chưa đạt chuẩn), tại huyện Hương Khê chọn xã Hương Trà (đạt chuẩn NTM) và xã Hương Long (chưa đạt chuẩn NTM). [↑](#footnote-ref-19)
20. (1). Ban chỉ đạo do đồng Bí thư cấp ủy làm Trưởng ban; (2). Thực hiện “nâng đầu đỡ cuối”, hỗ trợ xã có tiêu chí thấp; (3). Xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu; (4) Đánh giá kết quả nỗ lực thực thực hiện chương trình theo kết quả đạt được trong kỳ (khối lượng tăng thêm của tất cả các nội dung trong từng tiêu chí), không chỉ căn cứ kết quả xã có đạt chuẩn nông thôn mới hay không; (5). Xây dựng phần mềm dữ liệu số: Từ dữ liệu của các thôn, người xem sẽ có được thông tin chung của toàn xã, toàn huyện; toàn tỉnh; (6). Ban hành Chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh đã góp phần huy động lượng vốn lớn; (7). Xây dựng Mô hình theo các tiêu chí nông thôn mới để làm mẫu để nhân rộng; (8). Soát xét đánh giá xã đã đạt chuẩn, thu hồi bằng công nhận; (9). Giao, vận động các đơn vị, tổ chức đỡ đầu các địa phương xây dựng nông thôn mới (10). Tiêu chí giao thông quy định mức tối thiểu cao hơn so với yêu cầu tối thiểu của Trung ương. [↑](#footnote-ref-20)
21. quy mô, cấp đường giao thông cơ bản chưa đạt chuẩn; hệ thống thuỷ lợi chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất và dân sinh; hệ thống điện chưa được đầu tư đồng bộ. Tỷ lệ các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở có phòng học bán kiên cố đạt thấp, nhất là trường mầm non. Nhà văn hóa xã đa số sử dụng lồng ghép với hội trường…) [↑](#footnote-ref-21)
22. Gồm các huyện Hương Sơn, Vũ Quang, Hương Khê; các xã vùng trà sơn của huyện Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Can Lộc, Đức Thọ); [↑](#footnote-ref-22)
23. Các xã ven biển của huyện Nghi Xuân, Lộc Hà, Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh; [↑](#footnote-ref-23)
24. Gồm các huyện Đức Thọ, Can Lộc; các xã đồng bằng của huyện Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Kỳ Anh; khu vực nông thôn của thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh [↑](#footnote-ref-24)
25. Hồ Khe Sung (Lâm Hợp), hồ Chà Rương (Kỳ Lạc), hồ Bảy Sào (Kỳ Phong), hồ Khe Mui (Hương Lâm), hồ Khe Sông (Điền Mỹ), hồ Hà Thông (Hương Xuân), hồ Khe Vôi, Khe Du (Hương Thủy), hồ Khe Vạng (Hương Liên) [↑](#footnote-ref-25)
26. Đáp ứng các tiêu chí lựa chọn theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ TN&MT (về công nghệ, môi trường và xã hội, kinh tế) [↑](#footnote-ref-26)
27. KCN Vũng Áng 1; KCN Gia Lách, KCN Đại Kim [↑](#footnote-ref-27)
28. CCN Bắc Cẩm Xuyên - huyện Cẩm Xuyên; CCN Nam Hồng - TX Hồng Lĩnh; CCN thị trấn Đức Thọ và CCN Trường Sơn - huyện Đức Thọ; CCN Thạch Đồng - Thành phố Hà Tĩnh; CCN Hạ Vàng - huyện Can Lộc; CCN Gia Phố - huyện Hương Khê; CCN Khe Cò - huyện Hương Sơn [↑](#footnote-ref-28)
29. CCN Trung Lương - thị xã Hồng Lĩnh; CCN Thạch Kim - Lộc Hà; CCN Phù Việt - Thạch Hà. [↑](#footnote-ref-29)